BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 808 /QĐ-BTC	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố các thủ tục hành chính lĩnh vực Hải quan, thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 06 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Hải quan, thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính (Danh mục đính kèm), gồm:

- 01 thủ tục hành chính mới *(Phụ lục I kèm theo)*;
- 22 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung *(Phụ lục II kèm theo)*;
- 01 thủ tục hành chính bãi bỏ *(Phụ lục III kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- Lãnh đạo Bộ;
- Như Điều 3;
- Website Bộ Tài chính;
- Website Tổng cục Hải quan;
- Lưu:VT, TCHQ(74).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

BỘ TÀI CHÍNH

PHỤ LỤC I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 808 /QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ngành, lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1.	Thủ tục đăng ký chữ ký điện tử	Hải quan	Tổng cục Hải quan	

www.LuatVietnam.vn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

BỘ TÀI CHÍNH

PHỤ LỤC II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 908 /QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ngành, lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
I.	**Thủ tục hành chính thực hiện ở cấp Chi cục Hải quan**			
1.	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu thương mại (thủ công - điện tử)	Hải quan	Chi cục Hải quan	STT 24 Phụ lục II (QĐ 821)
2.	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu thương mại (thủ công - điện tử)	Hải quan	Chi cục Hải quan	STT 25 Phụ lục II (QĐ 821)
3.	Thủ tục sửa chữa tờ khai, khai bổ sung hồ sơ hải quan (thủ công - điện tử)	Hải quan	Chi cục Hải quan	STT 26 Phụ lục II (QĐ 821)
4.	Thủ tục hủy tờ khai hải quan (thủ công - điện tử) B-BTC-123810-TT	Hải quan	Chi cục Hải quan	STT 28 Phụ lục II (QĐ 821)
5.	Thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu (thủ công - điện tử)	Hải quan	Chi cục Hải quan	STT 29 Phụ lục II (QĐ 821)
6.	Thủ tục thông báo, điều chỉnh định mức nguyên liệu, vật tư và đăng ký sản phẩm xuất khẩu (thủ công - điện tử) B-BTC-040496-TT	Hải quan	Chi cục Hải quan	STT 30 Phụ lục II (QĐ 821)
7.	Thủ tục hải quan xuất khẩu sản phẩm làm từ nguyên liệu nhập khẩu (thủ công - điện tử) B-BTC-121856-TT	Hải quan	Chi cục Hải quan	STT 31 Phụ lục II (QĐ 821)
8.	Thủ tục thanh khoản tờ khai nhập nguyên liệu sản xuất xuất khẩu (thủ công - điện tử) B-BTC-040895-TT	Hải quan	Chi cục Hải quan	STT 32 Phụ lục II (QĐ 821)
9.	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập - tái xuất (thủ công - điện tử) B-BTC-043346-TT	Hải quan	Chi cục Hải quan	STT 34 Phụ lục II (QĐ 821)
10.	Thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để thực hiện hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài (thủ công - điện tử) B-BTC-122069-TT	Hải quan	Chi cục Hải quan	STT 2 Phụ lục II QĐ 272
11.	Thủ tục thông báo, điều chỉnh, kiểm	Hải quan	Chi cục	STT 3 Phụ lục II

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

	tra định mức đối với hàng hóa gia công cho thương nhân nước ngoài (thủ công - điện tử) B-BTC-047940-TT		Hải quan	QĐ 272
12.	Thủ tục xuất khẩu sản phẩm gia công cho thương nhân nước ngoài (thủ công - điện tử) B-BTC-122103-TT	Hải quan	Chi cục Hải quan	STT 4 Phụ lục II QĐ 272
13.	Thủ tục thanh khoản hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài (thủ công - điện tử) B-BTC-118536-TT	Hải quan	Chi cục Hải quan	STT 7 Phụ lục II QĐ 272
14.	Thủ tục hải quan xử lý nguyên liệu vật tư dư thừa; phế liệu, phế phẩm, phế thải; máy móc, thiết bị thuê, mượn (thủ công - điện tử) B-BTC-052486-TT	Hải quan	Chi cục Hải quan	STT 8 Phụ lục II QĐ 272
15.	Thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ (thủ công - điện tử) B-BTC-040422-TT	Hải quan	Chi cục Hải quan	STT 35 Phụ lục II (QĐ 821)
16.	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư (thủ công - điện tử) B-BTC-045581-TT	Hải quan	Chi cục Hải quan	STT 36 Phụ lục II (QĐ 821)
17.	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất (thủ công - điện tử) B-BTC-046054-TT	Hải quan	Chi cục Hải quan	STT 37 Phụ lục II (QĐ 821)
18.	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá đã xuất khẩu nhưng bị trả lại (thủ công - điện tử) B-BTC-122332-TT	Hải quan	Chi cục Hải quan	STT 41 (QĐ 821)
19.	Thủ tục hải quan đối với nguyên liệu, vật tư do bên nhận gia công tự cung ứng cho hợp đồng gia công (thủ công - điện tử) B-BTC-052449-TT	Hải quan	Chi cục Hải quan	STT 14 Phụ lục II QĐ 272
20.	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá đã nhập khẩu nhưng phải xuất trả lại cho khách hàng nước ngoài, tái xuất sang nước thứ ba hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan (thủ công - điện tử) B-BTC-122347-TT	Hải quan	Chi cục Hải quan	STT 38 (QĐ 821)
21.	Thủ tục giao nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp (thủ công - điện tử) B-BTC-050627-TT	Hải quan	Chi cục Hải quan	STT 5 Phụ lục II QĐ 272
22.	Thủ tục xuất trả nguyên liệu, vật tư ra nước ngoài trong thời gian thực hiện hợp đồng gia công (thủ công - điện tử) B-BTC-050753-TT	Hải quan	Chi cục Hải quan	STT 6 Phụ lục II QĐ 272

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

BỘ TÀI CHÍNH

PHỤ LỤC III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 808 /QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ngành, lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1.	Thủ tục thay tờ khai hải quan điện tử	Hải quan	Chi cục Hải quan	STT 27 Phụ lục II (QĐ 821)

www.LuatVietnam.vn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

+ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

+ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

+ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại.

www.LuatVietnam.vn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

PHỤ LỤC I. 1

Thủ tục hải quan đăng ký chữ ký số

- Trình tự thực hiện:

+ Đối với cá nhân, tổ chức:

Người khai hải quan phải đăng ký chữ ký số với cơ quan Hải quan thông qua Cổng thông tin điện tử Hải quan.

+ Đối với cơ quan hải quan:

Không quá 2 phút kể từ thời điểm kết thúc việc đăng ký, thông qua Cổng thông tin điện tử hải quan, cơ quan Hải quan trả lời chấp nhận hoặc từ chối (có nêu rõ lý do) chữ ký số của người khai hải quan.

- Cách thức thực hiện: Thực hiện bằng phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử hải quan (địa chỉ: http://www.customs.gov.vn)

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:** Các thông tin khi tiến hành đăng ký gồm có:

+ Tên, mã số thuế của cơ quan, tổ chức xuất khẩu, nhập khẩu hoặc đại lý làm thủ tục hải quan (nếu có);

+ Họ và tên, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, chức danh (nếu có) của người được cấp chứng thư số;

+ Số nhận dạng chữ ký số (Serial Number);

+ Thời hạn hiệu lực của chữ ký số.

*** Số lượng hồ sơ: 01 (lượt-dưới dạng các thông tin điện tử)**

- Thời hạn giải quyết: 2 phút

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Hải quan

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Tổng cục Hải quan

+ Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo chấp nhận.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chữ ký số sử dụng trong thủ tục hải quan điện tử của người khai hải quan là chữ ký số công cộng đã được cơ quan Hải quan xác nhận tương thích với Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Danh sách các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cung cấp chữ ký số tương thích với Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử hải quan (địa chỉ: http://www.customs.gov.vn).

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

PHỤ LỤC II. 1

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu thương mại (thủ công - điện tử)

- Trình tự thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

- Đối với người khai hải quan: Khai và nộp hồ sơ hải quan.

- Đối với cơ quan hải quan:

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra điều kiện và đăng ký tờ khai hải quan; kiểm tra hồ sơ và thông quan đối với lô hàng miễn kiểm tra thực tế hàng hoá.

Bước 2: Kiểm tra thực tế hàng hóa và thông quan đối với lô hàng phải kiểm tra thực tế.

Bước 3: Thu thuế, lệ phí hải quan; đóng dấu "Đã làm thủ tục hải quan"; trả tờ khai cho người khai hải quan.

Bước 4: Phúc tập hồ sơ.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

- Đối với người khai hải quan:

1. Tạo thông tin khai tờ khai hải quan điện tử (bao gồm cả tờ khai trị giá trong trường hợp hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá theo quy định hiện hành) trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo đúng các tiêu chí, định dạng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai.

a) Trường hợp người khai hải quan là đại lý làm thủ tục hải quan phải khai rõ nội dung uỷ quyền;

b) Hàng hóa xuất khẩu theo các loại hình khác nhau hoặc theo một loại hình nhưng có thời hạn nộp thuế khác nhau thì phải khai trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu khác nhau theo từng loại hình tương ứng hoặc từng thời hạn nộp thuế tương ứng, ngoại trừ các trường hợp sau đây:

c) Khai hải quan đối với hàng hóa có nhiều hợp đồng/đơn hàng:

c1) Một mặt hàng xuất khẩu có nhiều hợp đồng/đơn hàng, cùng điều kiện giao hàng, cùng bán cho một khách hàng và giao hàng một lần thì người khai hải quan được khai trên một tờ khai hoặc nhiều tờ khai hải quan;

c2) Khi khai hải quan, người khai hải quan phải khai đầy đủ số, ngày, tháng, năm của hợp đồng/đơn hàng trên tờ khai hải quan; trường hợp không thể khai hết trên tờ khai hải quan thì lập bản kê chi tiết kèm theo tờ khai hải quan theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư 196/2012/TT-BTC; về lượng hàng thì chỉ cần khai tổng lượng hàng của các hợp đồng/đơn hàng trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu;

d) Hàng hóa xuất khẩu thuộc diện được giảm mức thuế suất so với quy định hoặc hưởng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt thì khi khai thuế suất người khai hải

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

quan phải khai cả mức thuế suất trước khi giảm và tỷ lệ phần trăm giảm hoặc thuế suất ưu đãi đặc biệt theo quy định nào;

đ) Đối với hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép, hoặc thuộc diện quản lý chuyên ngành hoặc được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt hoặc được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp thì khi khai hải quan người khai hải quan phải khai đầy đủ các thông tin liên quan đến các nội dung nêu trên theo đúng các tiêu chí và định dạng quy định tại mẫu Tờ khai hải quan điện tử thuộc Phụ lục I Thông tư 196/2012/TT-BTC.

2. Gửi tờ khai hải quan điện tử đến cơ quan Hải quan qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

3. Tiếp nhận thông tin phản hồi của cơ quan Hải quan và thực hiện theo một trong các trường hợp dưới đây:

a) Khi nhận "Thông báo từ chối tờ khai hải quan điện tử": người khai hải quan thực hiện việc sửa đổi, bổ sung thông tin tờ khai hải quan điện tử hoặc giải trình theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan;

b) Khi nhận "Số tờ khai hải quan điện tử" và "Quyết định hình thức mức độ kiểm tra":

b1) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", người khai hải quan thực hiện:

b1.1) In Tờ khai hải quan điện tử đã được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo mẫu Tờ khai hải quan điện tử in (01 bản); ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan điện tử in;

b1.2) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b1.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC cùng hàng hóa tại khu vực giám sát hải quan có kết nối với Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp thủ tục (nếu có).

Trong thời hạn quy định của pháp luật về lưu giữ hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nếu người khai hải quan có nhu cầu xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên tờ khai hải quan điện tử in, người khai hải quan xuất trình tờ khai đã có xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử xác nhận.

Nếu có nhu cầu xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan", người khai hải quan xuất trình 01 tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b1.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để xác nhận sau đó xuất trình tờ khai hải quan điện tử in đã được xác nhận cùng hàng hóa tại khu vực giám sát để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp các thủ tục (nếu có).

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b2) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" với điều kiện phải xuất trình, nộp giấy phép xuất khẩu hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan", người khai hải quan thực hiện:

b2.1) In tờ khai hải quan điện tử đã được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo mẫu Tờ khai hải quan điện tử in (01 bản); ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan điện tử in;

b2.2) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b2.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC và xuất trình/nộp giấy phép xuất khẩu hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản";

b2.3) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu điểm b2.2 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC cùng hàng hóa tại khu vực giám sát hải quan để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp thủ tục (nếu có).

b3) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa: người khai hải quan nộp, xuất trình 02 tờ khai hải quan điện tử in; 02 tờ khai trị giá (nếu hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá) cùng các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử kiểm tra theo yêu cầu và thực hiện:

b3.1) Khi được "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản": người khai hải quan nhận 01 tờ khai hải quan điện tử in đã xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", 01 tờ khai trị giá (nếu có) và 01 Phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy. Khi mang hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư 196/2012/TT-BTC;

b3.2) Khi được yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để cơ quan Hải quan kiểm tra: người khai hải quan thực hiện các công việc quy định tại điểm b4 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

b4) Trường hợp tờ khai hải quan được cơ quan Hải quan yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để kiểm tra: người khai hải quan nộp, xuất trình 02 tờ khai hải quan điện tử in, 02 tờ khai trị giá (nếu hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá) cùng toàn bộ các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan theo yêu cầu và hàng hóa xuất khẩu để Chi cục Hải quan nơi đăng ký

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

tờ khai hải quan điện tử kiểm tra. Khi được quyết định "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", hoặc "Cho phép hàng hóa xuất khẩu chuyển cửa khẩu", người khai hải quan nhận 01 tờ khai hải quan điện tử in đã quyết định "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" hoặc "Cho phép hàng hóa xuất khẩu chuyển cửa khẩu", 01 phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy, 01 phiếu ghi kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa (trừ trường hợp hàng xin chuyển cửa khẩu), 01 tờ khai trị giá (nếu có). Khi mang hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

4. Người khai hải quan được phép chậm nộp bản chính một số chứng từ trong hồ sơ hải quan trừ giấy phép xuất khẩu đối với hàng hóa phải có giấy phép xuất khẩu theo quy định của pháp luật và phải khai về việc chậm nộp trên tờ khai hải quan điện tử. Người khai hải quan phải nộp các chứng từ được phép chậm nộp trong thời hạn quy định của pháp luật. Trong trường hợp pháp luật không quy định cụ thể thì thời hạn được phép chậm nộp là không quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan điện tử.

- Đối với cơ quan hải quan:

Việc tiếp nhận, kiểm tra, cấp số đăng ký, phân luồng tờ khai hải quan điện tử của cơ quan Hải quan được tự động thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp không chấp nhận tờ khai hải quan điện tử, cơ quan Hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gửi "Thông báo từ chối tờ khai hải quan điện tử" trong đó nêu rõ lý do và hướng dẫn người khai hải quan thực hiện các công việc cần thiết để làm tiếp thủ tục hải quan.

Trường hợp chấp nhận tờ khai hải quan điện tử, thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, cơ quan Hải quan cấp số tờ khai hải quan điện tử và phân luồng theo một trong các hình thức sau:

a) Chấp nhận thông tin khai tờ khai hải quan điện tử, cho phép "Thông quan" hay "Giải phóng hàng" hay "Đưa hàng hóa về bảo quản" (gọi tắt là "luồng xanh"); hoặc chấp nhận thông tin khai tờ khai hải quan điện tử, cho phép "Thông quan" hay "Giải phóng hàng" hay "Đưa hàng hóa về bảo quản" với điều kiện phải xuất trình, nộp giấy phép xuất khẩu hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" (gọi tắt là "luồng xanh có điều kiện");

b) Xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa (gọi tắt là "luồng vàng"). Việc kiểm tra chứng từ giấy thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 13 Thông tư 196/2012/TT-BTC;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

c) Xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa (gọi tắt là "luồng đỏ"). Việc kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 13 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

- Cách thức thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hàng hóa được phân vào luồng vàng hoặc luồng đỏ: thực hiện theo phương thức thủ công.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

1. Tờ khai hải quan: nộp 02 bản chính;

2. Hợp đồng mua bán hàng hóa (hợp đồng được xác lập bằng văn bản hoặc bằng các hình thức có giá trị tương đương văn bản bao gồm: điện báo, telex, fax, thông điệp dữ liệu) đối với hàng hóa xuất khẩu có thuế xuất khẩu, hàng xuất khẩu có yêu cầu thanh khoản, hàng hóa có quy định về thời điểm liên quan đến hợp đồng xuất khẩu: nộp 01 bản chính hoặc 01 bản sao.

Hợp đồng mua bán hàng hoá phải là bản tiếng Việt hoặc bản tiếng Anh, nếu là ngôn ngữ khác thì người khai hải quan phải nộp kèm bản dịch ra tiếng Việt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung bản dịch.

3. Tuỳ trường hợp cụ thể dưới đây, người khai hải quan nộp thêm, xuất trình các chứng từ sau:

3.1 Bản kê chi tiết hàng hoá đối với trường hợp hàng hoá có nhiều chủng loại hoặc đóng gói không đồng nhất: nộp 01 bản chính;

3.2. Giấy phép xuất khẩu đối với hàng hóa phải có giấy phép xuất khẩu theo quy định của pháp luật: nộp 01 bản chính nếu xuất khẩu một lần hoặc bản sao khi xuất khẩu nhiều lần và phải xuất trình bản chính để đối chiếu, lập phiếu theo dõi trừ lùi;

3.3. Các chứng từ khác có liên quan theo quy định của pháp luật: nộp 01 bản chính;

3.4. Trường hợp hàng hoá thuộc đối tượng được miễn thuế xuất khẩu, ngoài các giấy tờ nêu trên, phải có thêm:

- Danh mục hàng hóa miễn thuế kèm theo phiếu theo dõi trừ lùi đã được đăng ký tại cơ quan hải quan, đối với các trường hợp phải đăng ký danh mục: nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu và trừ lùi;

- Giấy báo trúng thầu hoặc giấy chỉ định thầu kèm theo hợp đồng cung cấp hàng hoá, trong đó có quy định giá trúng thầu hoặc giá cung cấp hàng hoá không

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

bao gồm thuế xuất khẩu (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân trúng thầu xuất khẩu); hợp đồng uỷ thác xuất khẩu hàng hoá, trong đó có quy định giá cung cấp theo hợp đồng uỷ thác không bao gồm thuế xuất khẩu (đối với trường hợp uỷ thác xuất khẩu): nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu;

- Giấy tờ khác chứng minh hàng hóa xuất khẩu thuộc đối tượng miễn thuế;
- Bảng kê danh mục, tài liệu của hồ sơ đề nghị miễn thuế.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

1. Tờ khai hải quan điện tử ở dạng điện tử. Trong trường hợp phải xuất trình, nộp bản giấy theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền, tờ khai hải quan điện tử được in ra giấy theo mẫu Tờ khai hàng hóa xuất khẩu; mẫu Phụ lục tờ khai hàng hóa xuất khẩu, mẫu Tờ khai sửa đổi bổ sung, mẫu Bản kê tại Phụ lục III kèm theo Thông tư 196/2012/TT-BTC (sau đây gọi chung là tờ khai hải quan điện tử in).

Trường hợp một tờ khai hải quan điện tử in có 01 (một) phụ lục, người khai hải quan ký tên, đóng dấu trực tiếp lên bản phụ lục. Trường hợp một tờ khai hải quan điện tử in có nhiều hơn 01 (một) phụ lục thì người khai hải quan ký tên, đóng dấu vào tờ phụ lục cuối cùng và toàn bộ các tờ phụ lục phải đóng dấu giáp lai.

2. Các chứng từ khác thuộc hồ sơ hải quan điện tử được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 87/2012/NĐ-CP.

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

- Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan: ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan đúng quy định của pháp luật (Khoản 1, Điều 19 Luật Hải quan)
- Thời hạn hoàn thành thành kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải (tính từ thời điểm người khai hải quan đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu về làm thủ tục hải quan theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Hải quan):

+ Chậm nhất là 08 giờ làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế một phần hàng hóa theo xác suất;

+ Chậm nhất là 02 ngày làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thực kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa.

Trong trường hợp áp dụng hình thức kiểm tra thực tế tòan bộ hàng hóa mà lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu có số lượng lớn, việc kiểm tra phức tạp thì thời hạn kiểm tra có thể được gia hạn nhưng không quá 08 giờ làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Xác nhận thông quan

- Phí, lệ phí: 20.000 đồng

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai hải quan (theo Quyết định 1257); hoặc Tờ khai hải quan điện tử xuất khẩu (Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại).

- Tờ khai trị giá (Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2008/QĐ-BTC ngày 21 tháng 05 năm 2008 của Bộ Tài Chính); hoặc Tờ khai trị giá (Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

- Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005.

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005.

- Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan.

- Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ

- Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

- Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính quy

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

- Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Thông tư số 172/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Hải quan.

To khai xuat khau.doc

To khai tri gia tinh thue hang nhap khau

Mau so 2a, 3a. To khai hai quan.xls

chi tieu thong tin khai

www.LuatVietnam.vn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

PHỤ LỤC II. 2

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thương mại (thủ công- điện tử)

- Trình tự thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

- Đối với người khai hải quan:

Khai và nộp hồ sơ hải quan

- Đối với cơ quan hải quan:

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra điều kiện và đăng ký tờ khai hải quan; kiểm tra hồ sơ và thông quan đối với lô hàng miễn kiểm tra thực tế hàng hoá.

Bước 2: Kiểm tra thực tế hàng hóa và thông quan đối với lô hàng phải kiểm tra thực tế.

Bước 3: Thu thuế, lệ phí hải quan; đóng dấu "Đã làm thủ tục hải quan"; trả tờ khai cho người khai hải quan.

Bước 4: Phúc tập hồ sơ.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

- Đối với người khai hải quan:

1. Tạo thông tin khai tờ khai hải quan điện tử (bao gồm cả tờ khai trị giá trong trường hợp hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá theo quy định hiện hành) trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo đúng các tiêu chí, định dạng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai.

a) Trường hợp người khai hải quan là đại lý làm thủ tục hải quan phải khai rõ nội dung uỷ quyền;

b) Hàng hóa nhập khẩu theo các loại hình khác nhau hoặc theo một loại hình nhưng có thời hạn nộp thuế khác nhau thì phải khai trên tờ khai hàng hóa nhập khẩu khác nhau theo từng loại hình tương ứng hoặc từng thời hạn nộp thuế tương ứng, ngoại trừ các trường hợp sau đây:

b1) Một mặt hàng nhập khẩu nhưng có thời hạn nộp thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường khác nhau thì thực hiện khai trên cùng một tờ khai hải quan;

b2) Lô hàng nhập khẩu gồm nhiều mặt hàng có thời hạn nộp thuế khác nhau thuộc cùng một hợp đồng/đơn hàng, cùng một loại hình, nếu người khai hải quan nộp thuế ngay hoặc có bảo lãnh về số thuế phải nộp cho toàn bộ lô hàng thì khai trên cùng một tờ khai hàng hóa nhập khẩu.

c) Khai hải quan đối với hàng hóa có nhiều hợp đồng/đơn hàng:

c1) Một mặt hàng nhập khẩu có nhiều hợp đồng/đơn hàng, có một hoặc nhiều hóa đơn của một người bán hàng, cùng điều kiện giao hàng, giao hàng một lần, có một vận đơn thì người khai hải quan được khai trên một tờ khai hoặc nhiều tờ khai hải quan;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

c3) Khi khai hải quan, người khai hải quan phải khai đầy đủ số, ngày, tháng, năm của hợp đồng/đơn hàng trên tờ khai hải quan; trường hợp không thể khai hết trên tờ khai hải quan thì lập bản kê chi tiết kèm theo tờ khai hải quan theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư 196/2012/TT-BTC; về lượng hàng thì chỉ cần khai tổng lượng hàng của các hợp đồng/đơn hàng trên tờ khai hàng hóa nhập khẩu;

d) Hàng hóa nhập khẩu thuộc diện được giảm mức thuế suất so với quy định hoặc hưởng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt thì khi khai thuế suất người khai hải quan phải khai cả mức thuế suất trước khi giảm và tỷ lệ phần trăm giảm hoặc thuế suất ưu đãi đặc biệt theo quy định nào;

đ) Đối với hàng hóa nhập khẩu theo giấy phép, hoặc thuộc diện quản lý chuyên ngành hoặc được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt hoặc được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp thì khi khai hải quan người khai hải quan phải khai đầy đủ các thông tin liên quan đến các nội dung nêu trên theo đúng các tiêu chí và định dạng quy định tại mẫu Tờ khai hải quan điện tử thuộc Phụ lục I Thông tư 196/2012/TT-BTC.

2. Gửi tờ khai hải quan điện tử đến cơ quan Hải quan qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

3. Tiếp nhận thông tin phản hồi của cơ quan Hải quan và thực hiện theo một trong các trường hợp dưới đây:

a) Khi nhận "Thông báo từ chối tờ khai hải quan điện tử": người khai hải quan thực hiện việc sửa đổi, bổ sung thông tin tờ khai hải quan điện tử hoặc giải trình theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan;

b) Khi nhận "Số tờ khai hải quan điện tử" và "Quyết định hình thức mức độ kiểm tra":

b1) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", người khai hải quan thực hiện:

b1.1) In Tờ khai hải quan điện tử đã được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo mẫu Tờ khai hải quan điện tử in (01 bản); ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan điện tử in;

b1.2) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b1.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC cùng hàng hóa tại khu vực giám sát hải quan có kết nối với Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp thủ tục (nếu có).

Trong thời hạn quy định của pháp luật về lưu giữ hồ sơ hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu, nếu người khai hải quan có nhu cầu xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên tờ khai hải quan điện tử in, người khai hải quan xuất trình tờ khai đã có xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử xác nhận.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Nếu có nhu cầu xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan", người khai hải quan xuất trình 01 tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b1.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để xác nhận sau đó xuất trình tờ khai hải quan điện tử in đã được xác nhận cùng hàng hóa tại khu vực giám sát để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp các thủ tục (nếu có).

b2) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" với điều kiện phải xuất trình, nộp giấy phép nhập khẩu hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan", người khai hải quan thực hiện:

b2.1) In tờ khai hải quan điện tử đã được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo mẫu Tờ khai hải quan điện tử in (01 bản); ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan điện tử in;

b2.2) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b2.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC và xuất trình/nộp giấy phép nhập khẩu hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản";

b2.3) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu điểm b2.2 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC cùng hàng hóa tại khu vực giám sát hải quan để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp thủ tục (nếu có).

b3) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa: người khai hải quan nộp, xuất trình 02 tờ khai hải quan điện tử in; 02 tờ khai trị giá (nếu hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá) cùng các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử kiểm tra theo yêu cầu và thực hiện:

b3.1) Khi được "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản": người khai hải quan nhận 01 tờ khai hải quan điện tử in đã xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", 01 tờ khai trị giá (nếu có) và 01 Phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy. Khi mang hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư 196/2012/TT-BTC;

b3.2) Khi được yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

điện tử và hàng hóa để cơ quan Hải quan kiểm tra: người khai hải quan thực hiện các công việc quy định tại điểm b4 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

b4) Trường hợp tờ khai hải quan được cơ quan Hải quan yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để kiểm tra: người khai hải quan nộp, xuất trình 02 tờ khai hải quan điện tử in, 02 tờ khai trị giá (nếu hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá) cùng toàn bộ các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan theo yêu cầu và hàng hóa nhập khẩu để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử kiểm tra. Khi được quyết định "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", hoặc "Cho phép hàng hóa nhập khẩu chuyển cửa khẩu", người khai hải quan nhận 01 tờ khai hải quan điện tử in đã quyết định "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" hoặc "Cho phép hàng hóa nhập khẩu chuyển cửa khẩu", 01 phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy, 01 phiếu ghi kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa (trừ trường hợp hàng nhập khẩu xin chuyển cửa khẩu), 01 tờ khai trị giá (nếu có). Khi mang hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

4. Người khai hải quan được phép chậm nộp bản chính một số chứng từ trong hồ sơ hải quan trừ giấy phép nhập khẩu đối với hàng hóa phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật và phải khai về việc chậm nộp trên tờ khai hải quan điện tử. Người khai hải quan phải nộp các chứng từ được phép chậm nộp trong thời hạn quy định của pháp luật. Trong trường hợp pháp luật không quy định cụ thể thì thời hạn được phép chậm nộp là không quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan điện tử.

- Đối với cơ quan hải quan:

Việc tiếp nhận, kiểm tra, cấp số đăng ký, phân luồng tờ khai hải quan điện tử của cơ quan Hải quan được tự động thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp không chấp nhận tờ khai hải quan điện tử, cơ quan Hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gửi "Thông báo từ chối tờ khai hải quan điện tử" trong đó nêu rõ lý do và hướng dẫn người khai hải quan thực hiện các công việc cần thiết để làm tiếp thủ tục hải quan.

Trường hợp chấp nhận tờ khai hải quan điện tử, thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, cơ quan Hải quan cấp số tờ khai hải quan điện tử và phân luồng theo một trong các hình thức sau:

a) Chấp nhận thông tin khai tờ khai hải quan điện tử, cho phép "Thông quan" hay "Giải phóng hàng" hay "Đưa hàng hóa về bảo quản" (gọi tắt là "luồng xanh"); hoặc chấp nhận thông tin khai tờ khai hải quan điện tử, cho phép "Thông quan" hay "Giải phóng hàng" hay "Đưa hàng hóa về bảo quản" với điều kiện phải xuất trình, nộp giấy phép nhập khẩu hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" (gọi tắt là "luồng xanh có điều kiện");

b) Xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa (gọi tắt là "luồng vàng"). Việc kiểm tra chứng từ giấy thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 13 Thông tư 196/2012/TT-BTC;

c) Xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa (gọi tắt là "luồng đỏ"). Việc kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 13 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

- Cách thức thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hàng hóa được phân vào luồng vàng hoặc luồng đỏ: thực hiện theo phương thức thủ công.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

1. Tờ khai hải quan: nộp 02 bản chính;

2. Hợp đồng mua bán hàng hoá (hợp đồng được xác lập bằng văn bản hoặc bằng các hình thức có giá trị tương đương văn bản bao gồm: điện báo, telex, fax, thông điệp dữ liệu): nộp 01 bản sao; hợp đồng uỷ thác nhập khẩu (nếu nhập khẩu uỷ thác): nộp 01 bản sao;;

Hợp đồng mua bán hàng hoá phải là bản tiếng Việt hoặc bản tiếng Anh, nếu là ngôn ngữ khác thì người khai hải quan phải nộp kèm bản dịch ra tiếng Việt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung bản dịch.

3. Hóa đơn thương mại: nộp 01 bản chính;

4. Vận đơn hoặc các chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật: nộp 01 bản sao chụp từ bản gốc hoặc sao chụp từ bản chính có ghi chữ copy, chữ surrendered;

Đối với hàng hoá nhập khẩu qua bưu điện quốc tế nếu không có vận tải đơn thì người khai hải quan ghi mã số gói bưu kiện, bưu phẩm lên tờ khai hải quan hoặc nộp danh mục bưu kiện, bưu phẩm do Bưu điện lập.

Đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ cho hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí được vận chuyển trên các tàu dịch vụ (không phải là tàu thương mại) thì nộp bản khai hàng hoá (cargo manifest) thay cho vận tải đơn.

5. Tuỳ từng trường hợp cụ thể dưới đây, người khai hải quan nộp thêm, xuất trình các chứng từ sau:

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

5.1. Bản kê chi tiết hàng hoá đối với hàng hoá có nhiều chủng loại hoặc đóng gói không đồng nhất: nộp 01 bản chính hoặc bản có giá trị tương đương như điện báo, bản fax, telex, thông điệp dữ liệu và các hình thức khác theo quy định của pháp luật;

5.2. Giấy đăng ký kiểm tra hoặc giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc giấy thông báo kết quả kiểm tra của tổ chức kỹ thuật được chỉ định kiểm tra chất lượng, của cơ quan kiểm tra an toàn thực phẩm, của cơ quan kiểm dịch (sau đây gọi tắt là cơ quan kiểm tra) đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc danh mục sản phẩm, hàng hoá phải kiểm tra về chất lượng, về an toàn thực phẩm; về kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật: nộp 01 bản chính;

5.3. Chứng thư giám định đối với hàng hoá được thông quan trên cơ sở kết quả giám định: nộp 01 bản chính;

5.4. Tờ khai trị giá hàng nhập khẩu đối với hàng hoá thuộc diện phải khai tờ khai trị giá theo quy định của Bộ Tài chính: nộp 02 bản chính;

5.5. Giấy phép nhập khẩu đối với hàng hóa phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật: nộp 01 bản chính nếu nhập khẩu một lần hoặc bản sao khi nhập khẩu nhiều lần và phải xuất trình bản chính để đối chiếu, lập phiếu theo dõi trừ lùi;

5.6. Nộp 01 bản gốc giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) trong các trường hợp:

- Hàng hoá có xuất xứ từ nước hoặc nhóm nước nước có thoả thuận về áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt với Việt Nam (trừ hàng hoá nhập khẩu có trị giá FOB không vượt quá 200 USD) theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập, nếu người nhập khẩu muốn được hưởng các chế độ ưu đãi đó;
- Hàng hoá nhập khẩu được Việt Nam và các tổ chức quốc tế thông báo đang ở trong thời điểm có nguy cơ gây hại đến an toàn xã hội, sức khoẻ của cộng đồng hoặc vệ sinh môi trường cần được kiểm soát;
- Hàng hoá nhập khẩu từ các nước thuộc diện Việt Nam thông báo đang ở trong thời điểm áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế chống phân biệt đối xử, các biện pháp về thuế để tự vệ, biện pháp hạn ngạch thuế quan;
- Hàng hoá nhập khẩu phải tuân thủ các chế độ quản lý nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc các Điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương mà Việt Nam là thành viên;

C/O đã nộp cho cơ quan hải quan thì không được sửa chữa nội dung hoặc thay thế, trừ trường hợp do chính cơ quan hay tổ chức có thẩm quyền cấp C/O sửa đổi, thay thế trong thời hạn quy định của pháp luật.

5.7. Trường hợp hàng hoá thuộc đối tượng được miễn thuế nhập khẩu nêu tại Điều 101 Thông tư 194/2010/TT-BTC phải có:

- Danh mục hàng hóa miễn thuế kèm theo phiếu theo dõi trừ lùi đã được đăng ký tại cơ quan hải quan, đối với các trường hợp phải đăng ký danh mục: nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu và trừ lùi;
- Giấy báo trúng thầu hoặc giấy chỉ định thầu kèm theo hợp đồng cung cấp hàng hoá, trong đó có quy định giá trúng thầu hoặc giá cung cấp hàng hoá không bao gồm thuế nhập khẩu (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân trúng thầu nhập

khẩu); hợp đồng uỷ thác nhập khẩu hàng hoá, trong đó có quy định giá cung cấp theo hợp đồng uỷ thác không bao gồm thuế nhập khẩu (đối với trường hợp uỷ thác nhập khẩu): nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu;

- Đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư có sử dụng thường xuyên năm trăm đến năm nghìn lao động phải có:

Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án khi đi vào hoạt động sử dụng thường xuyên từ năm trăm đến năm nghìn lao động;

Bản cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng thường xuyên từ năm trăm đến năm nghìn lao động.

- Giấy tờ khác chứng minh hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế;

- Bảng kê danh mục, tài liệu của hồ sơ đề nghị miễn thuế.

5.8. Tờ khai xác nhận viện trợ không hoàn lại của cơ quan tài chính theo quy định tại Thông tư số 82/2007/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước đối với hàng hoá là hàng viện trợ không hoàn lại thuộc đối tượng không chịu thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng: nộp 01 bản chính;

Trường hợp chủ dự án ODA không hoàn lại, nhà thầu chính thực hiện dự án ODA không hoàn lại thuộc đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của pháp luật về thuế thì phải có thêm giấy báo trúng thầu hoặc giấy chỉ định thầu kèm theo hợp đồng cung cấp hàng hoá, trong đó quy định giá trúng thầu hoặc giá cung cấp hàng hoá không bao gồm thuế nhập khẩu (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân trúng thầu nhập khẩu); hợp đồng uỷ thác nhập khẩu hàng hoá, trong đó quy định giá cung cấp theo hợp đồng uỷ thác không bao gồm thuế nhập khẩu (đối với trường hợp uỷ thác nhập khẩu): nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu.

5.9. Giấy đăng ký kinh doanh giống vật nuôi, giống cây trồng do cơ quan quản lý nhà nước cấp đối với giống vật nuôi, giống cây trồng thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng: nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu;

5.10. Hàng hoá thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng là máy móc, thiết bị, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí đốt; tàu bay, dàn khoan, tàu thuỷ thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu tạo tài sản cố định của doanh nghiệp, thuê của nước ngoài sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và để cho thuê, phải có:

- Giấy báo trúng thầu hoặc giấy chỉ định thầu và hợp đồng bán hàng cho các doanh nghiệp theo kết quả đấu thầu (ghi rõ giá hàng hoá phải thanh toán không bao gồm thuế giá trị gia tăng) đối với hàng hoá thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng do cơ sở trúng thầu hoặc được chỉ định thầu nhập khẩu: nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

- Hợp đồng uỷ thác nhập khẩu hàng hoá, trong đó ghi rõ giá cung cấp theo hợp đồng uỷ thác không bao gồm thuế giá trị gia tăng (đối với trường hợp nhập khẩu uỷ thác): nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu;

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho các tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc hợp đồng khoa học và công nghệ giữa bên đặt hàng với bên nhận đặt hàng thực hiện hợp đồng khoa học và công nghệ kèm theo bản xác nhận của đại diện doanh nghiệp hoặc thủ trưởng cơ quan nghiên cứu khoa học và cam kết sử dụng trực tiếp hàng hoá nhập khẩu cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ đối với trường hợp nhập khẩu để nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: nộp 01 bản chính;

- Xác nhận và cam kết của đại diện doanh nghiệp về việc sử dụng máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí đốt: nộp 01 bản chính;

- Xác nhận và cam kết của đại diện doanh nghiệp về việc sử dụng tàu bay, dàn khoan, tàu thuỷ thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp, thuê của nước ngoài sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và để cho thuê: nộp 01 bản chính;

- Hợp đồng thuê ký với nước ngoài đối với trường hợp thuê tàu bay, giàn khoan, tàu thuỷ; loại trong nước chưa sản xuất được của nước ngoài dùng cho sản xuất, kinh doanh và để cho thuê: xuất trình 01 bản chính;

5.11. Giấy xác nhận hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho quốc phòng của Bộ Quốc phòng hoặc phục vụ trực tiếp cho an ninh của Bộ Công an đối với hàng hoá nhập khẩu là vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho quốc phòng, an ninh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị giá tăng: nộp 01 bản chính;

5.12. Bản đăng ký vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để trực tiếp sản xuất hàng hoá xuất khẩu của doanh nghiệp (doanh nghiệp nộp khi đăng ký nguyên liệu, vật tư sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Khi làm thủ tục hải quan, doanh nghiệp không phải nộp bản này, cơ quan hải quan sử dụng bản lưu tại cơ quan hải quan);

5.13. Bản đăng ký vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để trực tiếp sản xuất hàng hoá tiêu thụ trong nước đối với trường hợp nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục hàng tiêu dùng do Bộ Công thương công bố nhưng sử dụng làm vật tư, nguyên liệu để trực tiếp sản xuất hàng hoá tiêu thụ trong nước (doanh nghiệp muốn được áp dụng thời hạn nộp thuế 30 ngày cho hàng hóa này thì phải đăng ký trước khi nhập khẩu với cơ quan hải quan tương tự như cách đăng ký nguyên liệu, vật tư sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Khi làm thủ tục hải quan, doanh nghiệp không phải nộp bản này, cơ quan hải quan sử dụng bản lưu tại cơ quan hải quan).

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

1. Tờ khai hải quan điện tử ở dạng điện tử. Trong trường hợp phải xuất trình, nộp bản giấy theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền, tờ khai hải quan điện tử được in ra giấy theo mẫu Tờ khai hàng hóa nhập khẩu; mẫu Phụ lục tờ khai hàng hóa nhập khẩu, mẫu Tờ khai sửa đổi bổ sung, mẫu Bản kê tại Phụ lục III kèm theo

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Thông tư 196/2012/TT-BTC (sau đây gọi chung là tờ khai hải quan điện tử in).

Trường hợp một tờ khai hải quan điện tử in có 01 (một) phụ lục, người khai hải quan ký tên, đóng dấu trực tiếp lên bản phụ lục. Trường hợp một tờ khai hải quan điện tử in có nhiều hơn 01 (một) phụ lục thì người khai hải quan ký tên, đóng dấu vào tờ phụ lục cuối cùng và toàn bộ các tờ phụ lục phải đóng dấu giáp lai.

2. Các chứng từ khác thuộc hồ sơ hải quan điện tử được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 87/2012/NĐ-CP.

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

- Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan: ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan đúng quy định của pháp luật (Khoản 1, Điều 19 Luật Hải quan)

- Thời hạn hoàn thành thành kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải (tính từ thời điểm người khai hải quan đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu về làm thủ tục hải quan theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Hải quan):

+ Chậm nhất là 08 giờ làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế một phần hàng hóa theo xác suất;

+ Chậm nhất là 02 ngày làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thực kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa.

Trong trường hợp áp dụng hình thức kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa mà lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu có số lượng lớn, việc kiểm tra phức tạp thì thời hạn kiểm tra có thể được gia hạn nhưng không quá 08 giờ làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thông quan

- Phí, lệ phí: 20.000 đồng

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai hải quan (theo Quyết định 1257); Tờ khai hải quan điện tử nhập khẩu (Mẫu 3a Phụ lục II ban hành kèm Thông số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012)

- Tờ khai trị giá (Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2008/QĐ-BTC ngày 21 tháng 05 năm 2008 của Bộ Tài Chính); hoặc Tờ khai trị giá (Ban hành kèm theo Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

+ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

+ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

+ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

+ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Thông tư số 172/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Hải quan.

To khai nhap khau.doc
To khai tri gia tinh thue hang nhap khau
chi tieu thong tin TQDT.doc
Mau so 2a, 3a. To khai hai quan.xls
LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

PHỤ LỤC II. 3

Thủ tục sửa chữa tờ khai, khai bổ sung hồ sơ hải quan (thủ công- điện tử)

- Trình tự thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

- Đối với người khai hải quan:

- Khai chính xác, trung thực, đầy đủ các yếu tố, căn cứ khai bổ sung trong văn bản khai bổ sung;

- Tính số tiền thuế khai bổ sung, số tiền phạt chậm nộp (nếu có) phải nộp do khai bổ sung;

- Nộp đủ hồ sơ cho cơ quan hải quan trong thời hạn được sửa chữa, khai bổ sung theo quy định tại Điều 34 Luật Quản lý thuế, khoản 2 Điều 22 Luật Hải quan;

- Thực hiện thông báo của cơ quan hải quan trên văn bản sửa chữa, khai bổ sung;

- Trường hợp khai bổ sung làm tăng số tiền thuế phải nộp, người nộp thuế phải nộp đầy đủ, đúng thời hạn số tiền thuế, tiền phạt chậm nộp (nếu có) theo đúng quy định;

- Trường hợp khai bổ sung làm giảm số tiền thuế phải nộp, người nộp thuế có quyền đề nghị cơ quan hải quan nơi khai bổ sung xử lý số tiền nộp thừa theo hướng dẫn tại Điều 24 Thông tư 194/2010/TT-BTC.

- Đối với cơ quan hải quan:

- Ghi rõ ngày, giờ tiếp nhận hồ sơ sửa chữa, khai bổ sung đối với trường hợp sửa chữa, khai bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 34 Luật Quản lý thuế, khoản 2 Điều 22 Luật Hải quan. Ghi rõ ngày tiếp nhận hồ sơ khai bổ sung đối với trường hợp khai bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 34 Luật quản lý thuế;

- Kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ sửa chữa, khai bổ sung và thông báo kết quả kiểm tra trên văn bản sửa chữa, khai bổ sung; trả cho người khai hải quan 01 bản, lưu 01 bản;

- Thông báo kết quả kiểm tra hồ sơ sửa chữa, khai bổ sung trong thời hạn sau đây:

+ Trong thời hạn tám giờ làm việc kể từ khi tiếp nhận đủ hồ sơ sửa chữa, khai bổ sung đối với trường hợp sửa chữa, khai bổ sung trước thời điểm cơ quan hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa hoặc quyết định miễn kiểm tra thực tế hàng hóa;

+ Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ khai bổ sung đối với trường hợp khai bổ sung trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan nhưng trước khi cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

- Đối với người khai hải quan

Người khai hải quan tạo thông tin sửa chữa, bổ sung trên Tờ khai hải quan điện tử, nêu rõ lý do sửa chữa, bổ sung; gửi đến cơ quan Hải quan qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan và thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan.

- Đối với cơ quan hải quan

Khi tiếp nhận thông tin khai sửa chữa, bổ sung cơ quan Hải quan thực hiện phân luồng theo một trong các hình thức sau:

a) Chấp nhận cho phép sửa chữa, bổ sung trên cơ sở thông tin khai;

b) Kiểm tra hồ sơ sửa chữa, khai bổ sung trước khi quyết định cho phép sửa chữa, khai bổ sung.

Công chức hải quan khi tiếp nhận hồ sơ sửa chữa, bổ sung thực hiện như sau:

b1) Kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ sửa chữa, khai bổ sung và thông báo kết quả kiểm tra trên "Thông báo hướng dẫn làm thủ tục hải quan điện tử"; trường hợp kết quả khai bổ sung được in ra chứng từ giấy cơ quan Hải quan trả cho người khai hải quan 01 bản, lưu 01 bản;

b2) Thông báo kết quả kiểm tra hồ sơ sửa chữa, khai bổ sung.

- Cách thức thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Đối với trường hợp phải kiểm tra hồ sơ giấy: thực hiện theo phương thức thủ công.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

- Văn bản sửa chữa, khai bổ sung (mẫu 02 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 194/2010/TT-BTC): nộp 02 bản chính;

- Các giấy tờ kèm theo để chứng minh việc sửa chữa, khai bổ sung.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

- Tờ khai hải quan điện tử in, Phụ lục tờ khai hải quan điện tử in (nếu có), Bản kê (nếu có);

- Các chứng từ theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

- Tờ khai hải quan điện tử bổ sung trong trường hợp cơ quan Hải quan đã xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" hoặc "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quan" hoặc "Cho phép hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu".

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

- Thời hạn giải quyết: Trường hợp thực hiện theo phương thức điện tử

Thông báo kết quả kiểm tra hồ sơ sửa chữa, khai bổ sung trong thời hạn sau đây:

Trong thời hạn tám giờ làm việc kể từ khi tiếp nhận đủ hồ sơ sửa chữa, khai bổ sung đối với trường hợp sửa chữa, khai bổ sung trước thời điểm cơ quan Hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa hoặc quyết định miễn kiểm tra thực tế hàng hóa;

Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ sửa chữa, khai bổ sung đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 10 Thông tư số 196/2012/TT-BTC.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận thông tin sửa đổi, bổ sung: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra, cấp số và phân luồng tờ khai sửa: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Tiếp nhận thông tin sửa đổi, bổ sung: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra, cấp số và phân luồng tờ khai sửa: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chấp nhận/ Không chấp nhận cho sửa đổi, bổ sung.

- Phí, lệ phí: Không

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 02 – Khai bổ sung về hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu (Ban hành kèm theo Thông tư 194/2010/TT-BTC); hoặc Tờ khai điện tử sửa đổi bổ sung (Ban hành theo Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đối với phương thức thủ công: Việc sửa chữa tờ khai, khai bổ sung hồ sơ hải quan được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- Sửa chữa tờ khai hải quan, khai bổ sung hồ sơ hải quan trước thời điểm kiểm tra thực tế hàng hoá hoặc trước khi quyết định miễn kiểm tra thực tế hàng hoá theo quy định tại khoản 3, Điều 9 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP;

- Khai bổ sung hồ sơ hải quan trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan đối với các nội dung có sai sót gây ảnh hưởng đến số tiền thuế phải nộp, nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

+ Sai sót do người nộp thuế, người khai hải quan tự phát hiện, khai báo với cơ quan hải quan;

+ Thời điểm khai báo trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan nhưng trước khi cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế;

+ Có sai sót về tính toán số tiền thuế phải nộp; sai sót về trị giá, xuất xứ, mã số, mức thuế suất, số tiền thuế phải nộp theo hồ sơ hải quan đã nộp cho cơ quan hải quan;

+ Người khai hải quan, người nộp thuế phải có đủ cơ sở chứng minh và cơ quan hải quan có đủ cơ sở, điều kiện kiểm tra, xác định tính trung thực, chính xác và hợp pháp của việc khai bổ sung.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

+ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005

+ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

+ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

+ Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

PHỤ LỤC II. 4

Thủ tục huỷ tờ khai hải quan (thủ công- điện tử) B-BTC-123810-TT

- Trình tự thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

Trình tự thủ tục huỷ tờ khai hải quan thực hiện như sau:

- Người khai hải quan nộp tờ khai hải quan (bản lưu người khai hải quan;

- Thực hiện việc huỷ tờ khai hải quan: gạch chéo bằng mực đỏ, ký tên, đóng dấu công chức lên tờ khai hải quan được huỷ;

- Ghi chú trên hệ thống: tờ khai này đã được huỷ;

- Lưu tờ khai hải quan được huỷ theo thứ tự số đăng

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

*** Đối với người khai hải quan:**

Người khai hải quan tạo thông tin hủy tờ khai theo đúng khuôn dạng tại mẫu Thông tin hủy tờ khai, nêu rõ lý do, gửi đến cơ quan Hải quan qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, nhận "Thông báo hướng dẫn làm thủ tục hải quan điện tử" và thực hiện các yêu cầu tại thông báo hướng dẫn thủ tục hải quan.

Người khai hải quan phải nộp cho cơ quan Hải quan 01 tờ khai hải quan điện tử in; các phụ lục tờ khai, các bản kê, và phiếu kiểm tra hồ sơ giấy, phiếu kiểm tra hàng hóa (nếu có) trong trường hợp tờ khai hải quan điện tử in đã được xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát" đối với hàng hóa xuất khẩu và/hoặc "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" hoặc "Cho phép hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu" đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

*** Đối với cơ quan Hải quan:**

- Cơ quan Hải quan thực hiện việc hủy tờ khai và phản hồi cho người khai hải quan đối với các tờ khai sau đây mà người khai hải quan không thực hiện thủ tục xin hủy tờ khai:

+ Quá thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày đăng ký, cấp số tờ khai hải quan mà không xuất trình hồ sơ hải quan điện tử trong trường hợp phải xuất trình hồ sơ hải quan điện tử;

+ Quá thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan mà người khai hải quan chưa xuất trình hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải kiểm tra thực tế để cơ quan Hải quan kiểm tra.

- Công chức hải quan tiếp nhận thực hiện việc kiểm tra dữ liệu tờ khai hủy, đề xuất Lãnh đạo Chi cục và thực hiện việc hủy trên hệ thống. Trong trường hợp tờ khai hải quan điện tử in đã được xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát" đối với hàng hóa xuất khẩu và/hoặc "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" hoặc "Hàng chuyển cửa khẩu" đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì gạch chéo bằng bút mực (hoặc đóng dấu hủy), ghi ngày, tháng, năm thực hiện hủy, ký tên, đóng dấu, công chức lên tờ khai hải quan điện tử in.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Cơ quan Hải quan lưu toàn bộ dữ liệu trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với các tờ khai đã đăng ký nhưng phải hủy đồng thời thực hiện lưu tờ khai hải quan điện tử in đã được hủy (nếu có) theo thứ tự số tờ khai hải quan.

- Cách thức thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp phải xuất trình hồ sơ giấy: Thực hiện theo phương thức thủ công.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

I. Thực hiện theo phương thức thủ công: Tờ khai hải quan (bản lưu người khai hải quan).

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

Người khai hải quan phải nộp cho cơ quan hải quan 01 tờ khai hải quan; các Phụ lục tờ khai, các bản kê, và Phiếu kiểm tra hồ sơ giấy, Phiếu kiểm tra hàng hoá (nếu có) trong trường hợp Tờ khai hải quan điện tử in đã được xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hoá về bảo quản" hoặc "Hàng chuyển cửa khẩu";

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

- Thời hạn giải quyết: không quy định

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận thông tin hủy tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra sơ bộ, chấp nhận/không chấp nhận: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Tiếp nhận thông tin hủy tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra sơ bộ, chấp nhận/không chấp nhận: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: thông báo hủy tờ khai

- Phí, lệ phí: Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đối với phương thức điện tử:

a) Quá thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày đăng ký, cấp số tờ khai hải quan mà không xuất trình hồ sơ hải quan điện tử trong trường hợp phải xuất trình hồ sơ hải quan điện tử;

b) Quá thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan mà người khai hải quan chưa xuất trình hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải kiểm tra thực tế để cơ quan Hải quan kiểm tra;

c) Quá thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày đăng ký, cấp số tờ khai hải quan, hàng hóa được miễn kiểm tra thực tế nhưng không có hàng nhập khẩu đến cửa khẩu nhập hoặc hàng xuất khẩu chưa chịu sự giám sát của cơ quan Hải quan;

d) Tờ khai hải quan điện tử đã được đăng ký, cấp số nhưng không tiếp tục thực hiện được thủ tục hải quan do Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan có sự cố hoặc có các sự cố ngoài Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

đ) Người khai hải quan đề nghị hủy tờ khai hải quan đã đăng ký trong các trường hợp sau:

đ1) Khai nhiều tờ khai cho một lượng hàng hóa;

đ2) Tờ khai hàng hóa xuất khẩu đã có hàng hóa chịu sự giám sát hải quan nhưng người khai hải quan không xuất khẩu hàng hóa;

đ3) Tờ khai hải quan đăng ký không đúng loại hình hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Trong trường hợp này, chỉ được hủy tờ khai trước thời điểm kiểm tra thực tế hàng hóa hoặc quyết định miễn kiểm tra thực tế hàng hóa.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

+ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005

+ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

+ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

+ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại.

+ Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

www.LuatVietnam.vn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

PHỤ LỤC II. 5

Thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu (thủ công – điện tử)

- Trình tự thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công

1. Doanh nghiệp đăng ký nguyên liệu, vật tư nhập khẩu SXXK và làm thủ tục hải quan để nhập khẩu nguyên liệu, vật tư theo danh mục đã đăng ký tại một Chi cục Hải quan (nơi doanh nghiệp thấy thuận tiện nhất). Đăng ký nguyên liệu, vật tư nhập khẩu:

- Doanh nghiệp căn cứ kế hoạch sản xuất sản phẩm xuất khẩu để đăng ký nguyên liệu, vật tư nhập khẩu SXXK với cơ quan hải quan theo Bảng đăng ký (mẫu 06/DMNVL-SXXK Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 194/2010/TT-BTC).

- Thời điểm đăng ký là khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng nguyên liệu, vật tư đầu tiên thuộc Bảng đăng ký.

- Doanh nghiệp kê khai đầy đủ các nội dung nêu trong Bảng đăng ký nguyên liệu, vật tư nhập khẩu; trong đó:

+ Tên gọi là tên của toàn bộ nguyên liệu, vật tư sử dụng để sản xuất sản phẩm xuất khẩu. Nguyên liệu, vật tư này có thể nhập khẩu theo một hợp đồng hoặc nhiều hợp đồng.

+ Mã số H.S là mã số nguyên liệu, vật tư theo Biểu thuế nhập khẩu hiện hành.

+ Mã nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp tự xác định theo hướng dẫn của Chi cục Hải quan làm thủ tục nhập khẩu. Mã này chỉ áp dụng khi doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư tại Chi cục Hải quan áp dụng công nghệ thông tin để theo dõi, thanh khoản hàng hoá của loại hình SXXK.

+ Đơn vị tính theo Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

+ Nguyên liệu chính là nguyên liệu tạo nên thành phần chính của sản phẩm.

Doanh nghiệp phải khai thống nhất tất cả các tiêu chí về tên gọi nguyên liệu, vật tư, mã số H.S, mã nguyên liệu, vật tư, loại nguyên liệu chính đăng ký trong bảng đăng ký nguyên liệu, vật tư nhập khẩu; trong hồ sơ hải quan từ khi nhập khẩu nguyên liệu, vật tư đến khi thanh khoản, hoàn thuế, không thu thuế nhập khẩu.

2. Thủ tục thực hiện như đối với hàng hóa nhập khẩu thương mại, gồm các bước sau:

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra điều kiện và đăng ký tờ khai hải quan; kiểm tra hồ sơ và thông quan đối với lô hàng miễn kiểm tra thực tế hàng hoá

Bước 2: Kiểm tra thực tế hàng hóa và thông quan đối với lô hàng phải kiểm tra thực tế

Bước 3: Thu thuế, lệ phí hải quan; đóng dấu "Đã làm thủ tục hải quan"; trả tờ khai cho người khai hải quan

Bước 4: Phúc tập hồ sơ

II. Thực hiện theo phương thức điện tử

1. Thủ tục đăng ký nguyên liệu, vật tư nhập khẩu:

a1) Trách nhiệm của người khai hải quan:

a1.1) Khai đầy đủ các nội dung theo đúng các tiêu chí và khuôn dạng chuẩn tại

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Bảng đăng ký nguyên liệu, vật tư nhập khẩu và gửi thông tin đến cơ quan Hải quan qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

a1.2) Nhận phản hồi chấp nhận hoặc từ chối đăng ký và thực hiện sửa đổi, bổ sung thông tin theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan.

a2) Trách nhiệm của cơ quan Hải quan:

Tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký và phản hồi thông tin cho người khai hải quan trong thời hạn 02 giờ làm việc kể từ lúc nhận được Bảng đăng ký nguyên liệu, vật tư nhập khẩu trên hệ thống.

b) Sửa đổi danh mục nguyên liệu, vật tư:

b1) Việc khai thông tin sửa đổi nguyên liệu, vật tư nhập khẩu được thực hiện trước khi nhập khẩu lô hàng đầu tiên;

b2) Thủ tục sửa đổi nguyên liệu, vật tư nhập khẩu được thực hiện như thủ tục đăng ký nguyên liệu, vật tư.

2. Thủ tục hải quan nhập khẩu nguyên liệu, vật tư

Thủ tục hải quan nhập khẩu nguyên liệu, vật tư theo danh mục nguyên liệu, vật tư nhập khẩu đã đăng ký được thực hiện như thủ tục hải quan nhập khẩu hàng hóa theo hợp đồng mua bán, quy định tại Chương III Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 tại cơ quan Hải quan nơi đăng ký danh mục nguyên liệu, vật tư nhập khẩu.

- Cách thức thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

1. Thủ tục đăng ký, sửa đổi danh mục nguyên liệu, vật tư nhập khẩu

Việc tiếp nhận thông tin danh mục trao đổi các thông tin theo quy định của pháp luật: thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Việc kiểm tra, đăng ký danh mục: thực hiện thủ công.

2. Thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hàng hóa được phân vào luồng vàng hoặc luồng đỏ: thực hiện theo phương thức thủ công.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

- Tờ khai hải quan: nộp 02 bản chính;
- Hợp đồng mua bán hàng hoá hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương hợp đồng: nộp 01 bản sao;
- Hóa đơn thương mại: nộp 01 bản chính;
- Vận tải đơn: nộp 01 bản sao chụp từ bản gốc hoặc sao chụp từ bản chính có ghi chữ copy, chữ surrendered;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Đối với hàng hoá nhập khẩu qua bưu điện quốc tế nếu không có vận tải đơn thì người khai hải quan ghi mã số gói bưu kiện, bưu phẩm lên tờ khai hải quan hoặc nộp danh mục bưu kiện, bưu phẩm do Bưu điện lập.

- Tuỳ từng trường hợp cụ thể dưới đây, người khai hải quan nộp thêm, xuất trình các chứng từ sau:

1) Bản kê chi tiết hàng hoá đối với hàng hoá có nhiều chủng loại hoặc đóng gói không đồng nhất: nộp 01 bản chính hoặc bản có giá trị tương đương như điện báo, bản fax, telex, thông điệp dữ liệu và các hình thức khác theo quy định của pháp luật;

2) Giấy đăng ký kiểm tra hoặc giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc giấy thông báo kết quả kiểm tra của tổ chức kỹ thuật được chỉ định kiểm tra chất lượng, của cơ quan kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, của cơ quan kiểm dịch (sau đây gọi tắt là cơ quan kiểm tra) đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc danh mục sản phẩm, hàng hoá phải kiểm tra về chất lượng, về vệ sinh an toàn thực phẩm; về kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật: nộp 01 bản chính;

3) Chứng thư giám định đối với hàng hoá được thông quan trên cơ sở kết quả giám định: nộp 01 bản chính;

4) Tờ khai trị giá hàng nhập khẩu đối với hàng hoá thuộc diện phải khai tờ khai trị giá theo quy định tại Quyết định số 30/2008/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và hướng dẫn khai báo: nộp 02 bản chính;

5) Giấy phép nhập khẩu đối với hàng hóa phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật: nộp 01 bản chính nếu nhập khẩu một lần hoặc bản sao khi nhập khẩu nhiều lần và phải xuất trình bản chính để đối chiếu, lập phiếu theo dõi trừ lùi;

6) Nộp 01 bản gốc giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) trong các trường hợp:

6.1) Hàng hoá có xuất xứ từ nước hoặc nhóm nước nước có thoả thuận về áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt với Việt Nam (trừ hàng hoá nhập khẩu có trị giá FOB không vượt quá 200 USD) theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập, nếu người nhập khẩu muốn được hưởng các chế độ ưu đãi đó;

6.2) Hàng hoá nhập khẩu được Việt Nam và các tổ chức quốc tế thông báo đang ở trong thời điểm có nguy cơ gây hại đến an toàn xã hội, sức khoẻ của cộng đồng hoặc vệ sinh môi trường cần được kiểm soát;

6.3) Hàng hoá nhập khẩu từ các nước thuộc diện Việt Nam thông báo đang ở trong thời điểm áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế chống phân biệt đối xử, các biện pháp về thuế để tự vệ, biện pháp hạn ngạch thuế quan;

6.4) Hàng hoá nhập khẩu phải tuân thủ các chế độ quản lý nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc các Điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương mà Việt Nam là thành viên;

C/O đã nộp cho cơ quan hải quan thì không được sửa chữa nội dung hoặc thay thế, trừ trường hợp do chính cơ quan hay tổ chức có thẩm quyền cấp C/O sửa đổi, thay thế trong thời hạn quy định của pháp luật.

7) Bản đăng ký vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để trực tiếp sản xuất hàng hoá

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

xuất khẩu của doanh nghiệp (doanh nghiệp nộp khi đăng ký nguyên liệu, vật tư sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Khi làm thủ tục hải quan, doanh nghiệp không phải nộp bản này, cơ quan hải quan sử dụng bản lưu tại cơ quan hải quan);

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

- Đối với thủ tục đăng ký nguyên liệu, vật tư nhập khẩu: Bảng đăng ký nguyên liệu, vật tư nhập khẩu: 01 bản điện tử

- Đối với thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư:

+ Tờ khai hải quan điện tử ở dạng điện tử. Trong trường hợp phải xuất trình, nộp bản giấy theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền, tờ khai hải quan điện tử được in ra giấy theo mẫu Tờ khai hàng hóa nhập khẩu; mẫu Phụ lục tờ khai hàng hóa nhập khẩu, mẫu Tờ khai sửa đổi bổ sung, mẫu Bản kê tại Phụ lục III kèm theo Thông tư 196/2012/TT-BTC (sau đây gọi chung là tờ khai hải quan điện tử in).

Trường hợp một tờ khai hải quan điện tử in có 01 (một) phụ lục, người khai hải quan ký tên, đóng dấu trực tiếp lên bản phụ lục. Trường hợp một tờ khai hải quan điện tử in có nhiều hơn 01 (một) phụ lục thì người khai hải quan ký tên, đóng dấu vào tờ phụ lục cuối cùng và toàn bộ các tờ phụ lục phải đóng dấu giáp lai.

+ Các chứng từ khác thuộc hồ sơ hải quan điện tử được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 87/2012/NĐ-CP.

*** Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)**

- Thời hạn giải quyết:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

- Thời hạn tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan: ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan đúng quy định của pháp luật (Khoản 1, Điều 19 Luật Hải quan)

- Thời hạn hoàn thành thành kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải (tính từ thời điểm người khai hải quan đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu về làm thủ tục hải quan theo quy đinh tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Hải quan):

+ Chậm nhất là 08 giờ làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế một phần hàng hóa theo xác suất;

+ Chậm nhất là 02 ngày làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thực kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa.

Trong trường hợp áp dụng hình thức kiểm tra thực tế tòan bộ hàng hóa mà lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu có số lượng lớn, việc kiểm tra phức tạp thì thời hạn kiểm tra có thể được gia hạn nhưng không quá 08 giờ làm việc.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

* Đối với thủ tục đăng ký nguyên liệu, vật tư nhập khẩu:

Tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký và phản hồi thông tin cho người khai hải quan trong thời hạn 02 giờ làm việc kể từ lúc nhận được Bảng đăng ký nguyên liệu, vật tư nhập khẩu trên hệ thống.

* Đối với thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư:

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

- Thời hạn tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan: ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan đúng quy định của pháp luật (Khoản 1, Điều 19 Luật Hải quan)

- Thời hạn hoàn thành thành kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải (tính từ thời điểm người khai hải quan đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu về làm thủ tục hải quan theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Hải quan):

+ Chậm nhất là 08 giờ làm việc đối với lô hàng nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế một phần hàng hóa theo xác suất;

+ Chậm nhất là 02 ngày làm việc đối với lô hàng nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa.

Trong trường hợp áp dụng hình thức kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa mà lô hàng nhập khẩu có số lượng lớn, việc kiểm tra phức tạp thì thời hạn kiểm tra có thể được gia hạn nhưng không quá 08 giờ làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

1. Thủ tục đăng ký, sửa đổi danh mục nguyên liệu, vật tư nhập khẩu

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận thông tin đăng ký danh mục: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra, hướng dẫn đăng ký danh mục; chấp nhận/ không chấp nhận danh mục nguyên liệu, vật tư: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan

Tiếp nhận thông tin đăng ký danh mục: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra, hướng dẫn đăng ký danh mục; chấp nhận/ không chấp nhận danh mục nguyên liệu, vật tư: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

2. Thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Chấp nhận đăng ký nguyên liệu, vật tư; Quyết định thông quan.

- **Phí, lệ phí**: 20.000 đồng.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Tờ khai hải quan (theo Quyết định 1257); hoặc Tờ khai hải quan điện tử xuất khẩu (Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012)

+ Mẫu 06/DMNVL-SXXK Bảng đăng ký nguyên liệu, vật tư nhập khẩu SXXK với cơ quan hải quan (Thông tư 194/2010/TT-BTC)

+ Bảng đăng ký nguyên liệu, vật tư nhập khẩu (Thông tư 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**: Không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

+ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005.

+ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

+ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

+ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Thông tư số 172/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Hải quan.

PHỤ LỤC II. 6

Thủ tục thông báo, điều chỉnh định mức nguyên liệu, vật tư và đăng ký sản phẩm xuất khẩu (thủ công – điện tử) B-BTC-040496-TT

- Trình tự thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

1- Đối với cá nhân, tổ chức:

1.1- Thông báo định mức nguyên liệu, vật tư

a) Doanh nghiệp thông báo định mức của sản phẩm xuất khẩu theo loại hình SXXK đúng với định mức thực tế thực hiện.

b) Việc thông báo định mức phải thực hiện cho từng mã sản phẩm theo mẫu 07/ĐKĐM-SXXK Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 194/2010/TT-BTC.

c) Định mức phải được thông báo với cơ quan hải quan trước khi làm thủ tục xuất khẩu lô hàng đầu tiên của mã sản phẩm trong bảng thông báo định mức.

d) Định mức nguyên liệu, vật tư là định mức thực tế sử dụng để sản xuất sản phẩm xuất khẩu, bao gồm cả phần tỷ lệ phế liệu, phế phẩm nằm trong định mức tiêu hao thu được trong quá trình sản xuất hàng hóa xuất khẩu từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu. Giám đốc doanh nghiệp tự khai và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhập khẩu, sử dụng nguyên liệu vật tư nhập khẩu sản xuất hàng hoá xuất khẩu và tính chính xác của định mức đã thông báo. Trường hợp kê khai không đúng thì ngoài việc phải nộp đủ số tiền thuế thiếu người nộp thuế còn bị xử phạt vi phạm theo quy định.

Cách tính định mức như sau:

d.1) Đối với nguyên liệu cấu thành sản phẩm hoặc chuyển hoá thành sản phẩm: định mức nguyên liệu là lượng nguyên liệu cấu thành một đơn vị sản phẩm hoặc chuyển hoá thành một đơn vị sản phẩm; tỷ lệ hao hụt là lượng nguyên liệu hao hụt (bao gồm cả phần tạo thành phế liệu, phế phẩm) tính theo tỷ lệ % so với nguyên vật liệu cấu thành sản phẩm hoặc chuyển hoá thành sản phẩm;

d.2) Đối với nguyên liệu, vật tư tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất nhưng không cấu thành sản phẩm hoặc chuyển hoá thành sản phẩm: định mức nguyên liệu, vật tư là lượng nguyên liệu, vật tư tiêu hao trong quá trình sản xuất ra một đơn vị sản phẩm; tỷ lệ hao hụt là lượng nguyên liệu, vật tư hao hụt tính theo tỷ lệ % so với lượng nguyên liệu, vật tư tiêu hao trong quá trình sản xuất.

1.2- Điều chỉnh định mức

a) Trong quá trình sản xuất nếu có thay đổi định mức thực tế thì doanh nghiệp được điều chỉnh định mức mã hàng đã thông báo với cơ quan hải quan phù hợp với định mức thực tế mới nhưng phải có văn bản giải trình lý do cụ thể cho từng trường hợp điều chỉnh.

b) Việc điều chỉnh định mức phải thực hiện trước khi làm thủ tục xuất khẩu lô sản phẩm có định mức điều chỉnh.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Trường hợp do thay đổi mẫu mã chủng loại hàng hoá xuất khẩu trong quá trình sản xuất làm phát sinh thêm loại nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất sản phẩm xuất khẩu khác với định mức tiêu hao đã thông báo thì doanh nghiệp phải khai báo và điều chỉnh lại định mức với cơ quan hải quan chậm nhất mười lăm ngày trước khi làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm.

1.3- Trường hợp làm thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư tại Chi cục Hải quan áp dụng công nghệ thông tin để thanh khoản, doanh nghiệp đăng ký sản phẩm xuất khẩu theo mẫu 08/DMSP-SXXK Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 194/2010/TT-BTC. Nơi đăng ký và thời điểm đăng ký thực hiện như thông báo định mức.

2- Đối với cơ quan hải quan:

2.1- Tiếp nhận bảng thông báo định mức, bảng đăng ký sản phẩm xuất khẩu của doanh nghiệp;

2.2- Tiến hành kiểm tra định mức doanh nghiệp đã thông báo như hướng dẫn về kiểm tra định mức đối với hàng gia công xuất khẩu theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3- Trường hợp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng tiêu thụ trong nước, sau đó tìm được thị trường xuất khẩu và đưa số nguyên liệu, vật tư này vào sản xuất hàng hoá xuất khẩu, đã thực xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài thì việc thông báo, điều chỉnh định mức thực hiện theo điểm 1 và 2 trên.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

Việc thông báo, điều chỉnh định mức và đăng ký sản phẩm xuất khẩu thực hiện tại Chi cục Hải quan làm thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư.

Thủ tục thông báo, điều chỉnh định mức nguyên liệu, vật tư thực hiện tương tự như hướng dẫn đối với hàng gia công xuất khẩu tại Điều 27 Thông tư 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012.

Thông tin về sản phẩm xuất khẩu trong Bảng thông báo định mức khi người khai hải quan thông báo định mức được tự động cập nhật vào Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, người khai hải quan không phải đăng ký sản phẩm xuất khẩu.

Trường hợp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng tiêu thụ trong nước, sau đó tìm được thị trường xuất khẩu và đưa số nguyên liệu, vật tư này vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu, trước khi xuất khẩu sản phẩm thì người khai hải quan phải đăng ký danh mục nguyên liệu, vật tư và thông báo, điều chỉnh định mức theo quy định.

- Cách thức thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Trường hợp kiểm tra hồ sơ định mức và kiểm tra định mức; kiểm tra danh mục: thực hiện thủ công

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ**

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

+ Bảng định mức doanh nghiệp đăng ký hoặc điều chỉnh định mức đã đăng ký (mẫu 07/ĐKĐM-SXXK).

+ Bảng Đăng ký danh mục sản phẩm xuất khẩu 08/DMSP-SXXK

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

- Khi đăng ký định mức Hồ sơ nộp/ xuất trình với cơ quan hải quan khi có yêu cầu bao gồm:

+ Bảng định mức sản xuất xuất khẩu theo Mẫu Bảng đăng ký định mức: nộp 02 bản chính;

+ Bản giải trình về cơ sở, phương pháp tính định mức của mã hàng kèm theo tài liệu thiết kế kỹ thuật của sản phẩm (như sơ đồ cắt đối với hàng may mặc): nộp 01 bản sao;

+ Xuất trình sổ sách, chứng từ có liên quan đến việc xác định định mức của mã sản phẩm doanh nghiệp đã đăng ký (chỉ áp dụng đối với trường hợp kiểm tra thực tế định mức).

*** Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)**

- Thời hạn giải quyết:

Thời hạn tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan: ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan đúng quy định của pháp luật (Khoản 1, Điều 19 Luật Hải quan).

Thời hạn tiếp nhận định mức đối với phương thức điện tử:

1) Trường hợp định mức chưa hợp lệ hoặc chấp nhận định mức trên cơ sở thông tin định mức thì phản hồi thông tin cho người khai hải quan chậm nhất 02 giờ làm việc kể từ khi tiếp nhận;

2) Trường hợp phải kiểm tra hồ sơ giấy: chậm nhất 08 giờ làm việc kể từ khi người khai hải quan nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan Hải quan hoàn thành thủ tục kiểm tra định mức.

Trường hợp có nhiều mã hàng cần kiểm tra định mức, trong 08 giờ làm việc không thể kiểm tra hết thì được kéo dài sang ngày làm việc tiếp theo nhưng thời gian kéo dài không quá 08 giờ làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm tra.

3) Đối với trường hợp kiểm tra thực tế định mức trước khi chấp nhận định mức:

3.1) Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ khi thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan Hải quan tiến hành xong kiểm tra thực tế định mức và hoàn thành việc đăng ký định mức;

3.2) Đối với trường hợp thương nhân có cơ sở sản xuất ở tỉnh, thành phố khác với nơi thông báo định mức thì chậm nhất là 08 ngày làm việc kể từ khi

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

người khai hải quan nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan Hải quan tiến hành xong kiểm tra thực tế định mức và hoàn thành việc đăng ký định mức.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận thông tin thông báo, điều chỉnh định mức, đăng ký danh mục: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hướng dẫn thông báo định mức, điều chỉnh định mức, danh mục; chấp nhận/ không chấp nhận định mức, điều chỉnh định mức, danh mục sản phẩm xuất khẩu: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan

Tiếp nhận thông tin thông báo, điều chỉnh định mức, đăng ký danh mục: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hướng dẫn thông báo định mức, điều chỉnh định mức, danh mục; chấp nhận/ không chấp nhận định mức, điều chỉnh định mức, danh mục sản phẩm xuất khẩu: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chấp nhận định mức

- Phí, lệ phí: Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Bảng định mức doanh nghiệp đăng ký hoặc điều chỉnh định mức đã đăng ký (mẫu 07/ĐKĐM-SXXK); Bảng Đăng ký danh mục sản phẩm xuất khẩu 08/DMSP-SXXK) (Thông tư 194/2010/TT-BTC)

+ Thông tin về định mức thực tế đối với sản phẩm (Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại)

+ Thông tin về định mức thực tế đối với nguyên liệu trực tiếp tham gia vào sản phẩm xuất khẩu được tách ra từ nguyên liệu gốc (Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại).

www.LuatVietnam.vn
www.vanbanluat.vn

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

+ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005

+ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

+ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

+ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Thông tư số 172/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Hải quan.

thông tin về ĐM thực tế đối với NL trực tiếp

thôgn tin về ĐM thực tế đối với SP

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

PHỤ LỤC II. 7

Thủ tục hải quan xuất khẩu sản phẩm làm từ nguyên liệu nhập khẩu (thủ công – điện tử) B-BTC-121856-TT

- Trình tự thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

*** Đối với cá nhân, tổ chức:**

- Địa điểm làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm được thực hiện tại Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu nguyên liệu hoặc Chi cục Hải quan khác nhưng trước khi làm thủ tục xuất khẩu, doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản (theo mẫu 09/HQXKSP-SXXK Phụ lục VI ban hành kèm theo 194/2010/TT-BTC) cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư biết để theo dõi và thanh khoản.

Riêng đối với sản phẩm được xuất khẩu từ hai nguồn nguyên liệu nhập kinh doanh và nhập sản xuất xuất khẩu, khi đăng ký tờ khai xuất khẩu sản phẩm, doanh nghiệp đăng ký tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai nhập nguyên liệu để sản xuất xuất khẩu thì không phải thông báo bằng văn bản cho Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai nhập kinh doanh.

- Đối với sản phẩm được xuất khẩu từ hai nguồn nguyên liệu nhập kinh doanh và nhập sản xuất xuất khẩu, khi đăng ký tờ khai xuất khẩu doanh nghiệp đăng ký tại Chi cục Hải quan khác Chi cục Hải quan nơi nhập khẩu nguyên liệu để kinh doanh và nhập sản xuất xuất khẩu thì chỉ cần có văn bản thông báo cho Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai nhập khẩu SXXK biết.

*** Đối với cơ quan hải quan:**

Bước 1: Cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra điều kiện và đăng ký tờ khai hải quan; kiểm tra hồ sơ và thông quan đối với lô hàng miễn kiểm tra thực tế hàng hoá:

Bước 2: Kiểm tra thực tế hàng hóa và thông quan đối với lô hàng phải kiểm tra thực tế:

Bước 3: Thu thuế, lệ phí hải quan; đóng dấu "Đã làm thủ tục hải quan"; trả tờ khai cho người khai hải quan:

Bước 4: Phúc tập hồ sơ.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

*** Đối với người khai hải quan:**

1. Tạo thông tin khai tờ khai hải quan điện tử (bao gồm cả tờ khai trị giá trong trường hợp hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá theo quy định hiện hành) trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo đúng các tiêu chí, định dạng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai.

a) Trường hợp người khai hải quan là đại lý làm thủ tục hải quan phải khai rõ nội dung uỷ quyền;

b) Hàng hóa xuất khẩu theo các loại hình khác nhau hoặc theo một loại hình nhưng có thời hạn nộp thuế khác nhau thì phải khai trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu khác nhau theo từng loại hình tương ứng hoặc từng thời hạn nộp thuế tương ứng, ngoại trừ các trường hợp sau đây:

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

c) Khai hải quan đối với hàng hóa có nhiều hợp đồng/đơn hàng:

c1) Một mặt hàng xuất khẩu có nhiều hợp đồng/đơn hàng, cùng điều kiện giao hàng, cùng bán cho một khách hàng và giao hàng một lần thì người khai hải quan được khai trên một tờ khai hoặc nhiều tờ khai hải quan;

c2) Khi khai hải quan, người khai hải quan phải khai đầy đủ số, ngày, tháng, năm của hợp đồng/đơn hàng trên tờ khai hải quan; trường hợp không thể khai hết trên tờ khai hải quan thì lập bản kê chi tiết kèm theo tờ khai hải quan theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư 196/2012/TT-BTC; về lượng hàng thì chỉ cần khai tổng lượng hàng của các hợp đồng/đơn hàng trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu;

d) Hàng hóa xuất khẩu thuộc diện được giảm mức thuế suất so với quy định hoặc hưởng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt thì khi khai thuế suất người khai hải quan phải khai cả mức thuế suất trước khi giảm và tỷ lệ phần trăm giảm hoặc thuế suất ưu đãi đặc biệt theo quy định nào;

đ) Đối với hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép, hoặc thuộc diện quản lý chuyên ngành hoặc được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt hoặc được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp thì khi khai hải quan người khai hải quan phải khai đầy đủ các thông tin liên quan đến các nội dung nêu trên theo đúng các tiêu chí và định dạng quy định tại mẫu Tờ khai hải quan điện tử thuộc Phụ lục I Thông tư 196/2012/TT-BTC.

2. Gửi tờ khai hải quan điện tử đến cơ quan Hải quan qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

3. Tiếp nhận thông tin phản hồi của cơ quan Hải quan và thực hiện theo một trong các trường hợp dưới đây:

a) Khi nhận "Thông báo từ chối tờ khai hải quan điện tử": người khai hải quan thực hiện việc sửa đổi, bổ sung thông tin tờ khai hải quan điện tử hoặc giải trình theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan;

b) Khi nhận "Số tờ khai hải quan điện tử" và "Quyết định hình thức mức độ kiểm tra":

b1) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", người khai hải quan thực hiện:

b1.1) In Tờ khai hải quan điện tử đã được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo mẫu Tờ khai hải quan điện tử in (01 bản); ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan điện tử in;

b1.2) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b1.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC cùng hàng hóa tại khu vực giám sát hải quan có kết nối với Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp thủ tục (nếu có).

Trong thời hạn quy định của pháp luật về lưu giữ hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nếu người khai hải quan có nhu cầu xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên tờ khai hải quan điện tử in, người khai hải quan xuất trình tờ khai đã có xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử xác nhận.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Nếu có nhu cầu xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan", người khai hải quan xuất trình 01 tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b1.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để xác nhận sau đó xuất trình tờ khai hải quan điện tử in đã được xác nhận cùng hàng hóa tại khu vực giám sát để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp các thủ tục (nếu có).

b2) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" với điều kiện phải xuất trình, nộp giấy phép xuất khẩu hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan", người khai hải quan thực hiện:

b2.1) In tờ khai hải quan điện tử đã được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo mẫu Tờ khai hải quan điện tử in (01 bản); ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan điện tử in;

b2.2) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b2.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC và xuất trình/nộp giấy phép xuất khẩu hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản";

b2.3) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu điểm b2.2 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC cùng hàng hóa tại khu vực giám sát hải quan để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp thủ tục (nếu có).

b3) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa: người khai hải quan nộp, xuất trình 02 tờ khai hải quan điện tử in; 02 tờ khai trị giá (nếu hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá) cùng các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử kiểm tra theo yêu cầu và thực hiện:

b3.1) Khi được "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản": người khai hải quan nhận 01 tờ khai hải quan điện tử in đã xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", 01 tờ khai trị giá (nếu có) và 01 Phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy. Khi mang hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư 196/2012/TT-BTC;

b3.2) Khi được yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để cơ quan Hải quan kiểm tra: người khai hải quan thực hiện các công việc quy định tại điểm b4 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

b4) Trường hợp tờ khai hải quan được cơ quan Hải quan yêu cầu xuất trình,

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để kiểm tra: người khai hải quan nộp, xuất trình 02 tờ khai hải quan điện tử in, 02 tờ khai trị giá (nếu hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá) cùng toàn bộ các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan theo yêu cầu và hàng hóa xuất khẩu để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử kiểm tra. Khi được quyết định "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", hoặc "Cho phép hàng hóa xuất khẩu chuyển cửa khẩu", người khai hải quan nhận 01 tờ khai hải quan điện tử in đã quyết định "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" hoặc "Cho phép hàng hóa xuất khẩu chuyển cửa khẩu", 01 phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy, 01 phiếu ghi kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa, 01 tờ khai trị giá (nếu có). Khi mang hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

4. Người khai hải quan được phép chậm nộp bản chính một số chứng từ trong hồ sơ hải quan trừ giấy phép xuất khẩu đối với hàng hóa phải có giấy phép xuất khẩu theo quy định của pháp luật và phải khai về việc chậm nộp trên tờ khai hải quan điện tử. Người khai hải quan phải nộp các chứng từ được phép chậm nộp trong thời hạn quy định của pháp luật. Trong trường hợp pháp luật không quy định cụ thể thì thời hạn được phép chậm nộp là không quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan điện tử.

Đối với lô hàng xuất khẩu thuộc diện phải kiểm tra thực tế, người khai hải quan phải xuất trình mẫu lưu trong trường hợp có lấy mẫu nguyên liệu, vật tư.

Công chức hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa phải đối chiếu mẫu lưu với nguyên liệu cấu thành trên sản phẩm; đối chiếu định mức nguyên liệu, vật tư với sản phẩm thực tế xuất khẩu. Trường hợp mẫu lưu không phù hợp với sản phẩm xuất khẩu thì công chức hải quan phải lấy mẫu sản phẩm xuất khẩu để trưng cầu giám định. Trong khi chờ kết quả giám định, cơ quan Hải quan tiếp tục thực hiện thủ tục hải quan xuất khẩu hàng hóa.

Khi làm thủ tục hải quan xuất khẩu sản phẩm, nếu người khai hải quan có sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu theo hợp đồng mua bán hàng hóa để sản xuất sản phẩm xuất khẩu và có nhu cầu hoàn thuế đối với lượng nguyên liệu, vật tư này thì phải khai thông tin theo định dạng chuẩn tại Bảng kê nguyên liệu, vật tư nhập khẩu theo hợp đồng mua bán hàng hóa.

*** Đối với cơ quan hải quan:**

Việc tiếp nhận, kiểm tra, cấp số đăng ký, phân luồng tờ khai hải quan điện tử của cơ quan Hải quan được tự động thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp không chấp nhận tờ khai hải quan điện tử, cơ quan Hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gửi "Thông báo từ chối tờ khai hải quan điện tử" trong đó nêu rõ lý do và hướng dẫn người khai hải quan thực hiện các công việc cần thiết để làm tiếp thủ tục hải quan.

Trường hợp chấp nhận tờ khai hải quan điện tử, thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, cơ quan Hải quan cấp số tờ khai hải quan điện tử và phân luồng theo một trong các hình thức sau:

a) Chấp nhận thông tin khai tờ khai hải quan điện tử, cho phép "Thông quan" hay "Giải phóng hàng" hay "Đưa hàng hóa về bảo quản" (gọi tắt là "luồng

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

xanh"); hoặc chấp nhận thông tin khai tờ khai hải quan điện tử, cho phép "Thông quan" hay "Giải phóng hàng" hay "Đưa hàng hóa về bảo quản" với điều kiện phải xuất trình, nộp giấy phép xuất khẩu hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" (gọi tắt là "luồng xanh có điều kiện");

b) Xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa (gọi tắt là "luồng vàng"). Việc kiểm tra chứng từ giấy thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 13 Thông tư 196/2012/TT-BTC;

c) Xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa (gọi tắt là "luồng đỏ"). Việc kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 13 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

- Cách thức thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

Doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hàng hóa được phân vào luồng vàng hoặc luồng đỏ: thực hiện theo phương thức thủ công.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

+ Tờ khai hải quan: nộp 02 bản chính;

+ Tuỳ trường hợp cụ thể dưới đây, người khai hải quan nộp thêm, xuất trình các chứng từ sau:

1) Bản kê chi tiết hàng hoá đối với trường hợp hàng hoá có nhiều chủng loại hoặc đóng gói không đồng nhất: nộp 01 bản chính;

2) Giấy phép xuất khẩu đối với hàng hóa phải có giấy phép xuất khẩu theo quy định của pháp luật: nộp 01 bản chính nếu xuất khẩu một lần hoặc bản sao khi xuất khẩu nhiều lần và phải xuất trình bản chính để đối chiếu, lập phiếu theo dõi trừ lùi;

3) Các chứng từ khác có liên quan theo quy định của pháp luật: nộp 01 bản chính;

Đối với trường hợp đơn vị Hải quan làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm không phải là đơn vị Hải quan làm thủ tục nhập khẩu nguyên vật liệu thì trước khi nộp hồ sơ để đăng ký tờ khai xuất khẩu phải có bản "Đăng ký Chi cục Hải quan làm

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

thủ tục xuất khẩu sản phẩm NSXXK" của doanh nghiệp theo Mẫu 09/HQ XKSP-SXXK.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

a) Tờ khai hải quan điện tử ở dạng điện tử. Trong trường hợp phải xuất trình, nộp bản giấy theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền, tờ khai hải quan điện tử được in ra giấy theo mẫu Tờ khai hàng hóa xuất khẩu; mẫu Phụ lục tờ khai hàng hóa xuất khẩu, mẫu Tờ khai sửa đổi bổ sung, mẫu Bản kê tại Phụ lục III kèm theo Thông tư 196/2012/TT-BTC (sau đây gọi chung là tờ khai hải quan điện tử in).

Trường hợp một tờ khai hải quan điện tử in có 01 (một) phụ lục, người khai hải quan ký tên, đóng dấu trực tiếp lên bản phụ lục. Trường hợp một tờ khai hải quan điện tử in có nhiều hơn 01 (một) phụ lục thì người khai hải quan ký tên, đóng dấu vào tờ phụ lục cuối cùng và toàn bộ các tờ phụ lục phải đóng dấu giáp lai.

b) Các chứng từ khác thuộc hồ sơ hải quan điện tử được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 87/2012/NĐ-CP.

*** Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

- Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan: ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan đúng quy định của pháp luật (Khoản 1, Điều 19 Luật Hải quan)

- Thời hạn hoàn thành thành kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải (tính từ thời điểm người khai hải quan đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu về làm thủ tục hải quan theo quy đinh tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Hải quan):

+ Chậm nhất là 08 giờ làm việc đối với lô hàng nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế một phần hàng hóa theo xác suất;

+ Chậm nhất là 02 ngày làm việc đối với lô hàng nhập khẩu áp dụng hình thực kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa.

Trong trường hợp áp dụng hình thức kiểm tra thực tế tòan bộ hàng hóa mà lô hàng nhập khẩu có số lượng lớn, việc kiểm tra phức tạp thì thời hạn kiểm tra có thể được gia hạn nhưng không quá 08 giờ làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thông quan.

- Phí, lệ phí: 20.000 đồng.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Mẫu 09 - Đăng ký chi cục hải quan làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm SXXK ban hành kèm theoThông tư 194/2010/TT-BTC

+ Tờ khai điện tử xuất khẩu ban hành kèm theo Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại.

+ Bảng kê nguyên liệu, vật tư nhập khẩu theo hợp đồng mua bán hàng hóa ban hành kèm theo Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

+ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005.

+ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

+ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

+ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Thông tư số 172/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Hải quan.

PHỤ LỤC II. 8

Thủ tục thanh khoản tờ khai nhập nguyên liệu sản xuất xuất khẩu (thủ công – điện tử) B-BTC-040895-TT

- Trình tự thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

*** Đối với cá nhân, tổ chức:**

Doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục

*** Đối với cơ quan hải quan:**

- Trường hợp cơ quan hải quan áp dụng công nghệ thông tin để thanh khoản thì Tờ khai nhập khẩu trước, tờ khai xuất khẩu trước phải được thanh khoản trước; trường hợp tờ khai nhập khẩu trước nhưng do nguyên liệu, vật tư của tờ khai này chưa đưa vào sản xuất nên chưa thanh khoản được thì doanh nghiệp phải có văn bản giải trình với cơ quan hải quan khi làm thủ tục thanh khoản.

- Tờ khai nhập khẩu nguyên liệu, vật tư phải có trước tờ khai xuất khẩu sản phẩm.

- Một tờ khai nhập khẩu nguyên liệu, vật tư có thể được thanh khoản nhiều lần.

- Một tờ khai xuất khẩu chỉ được thanh khoản một lần.

Riêng một số trường hợp như một lô hàng được thanh khoản làm nhiều lần, sản phẩm sản xuất xuất khẩu có sử dụng nguyên liệu nhập kinh doanh làm thủ tục nhập khẩu tại Chi cục Hải quan khác thì một tờ khai xuất khẩu có thể được thanh khoản từng phần. Cơ quan hải quan khi tiến hành thanh khoản phải đóng dấu "đã thanh khoản" trên tờ khai xuất khẩu; đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu có thuế suất bằng 0 % thì đóng dấu "đã thanh khoản" lên bản chính tờ khai nhập khẩu lưu tại đơn vị và tờ khai người khai hải quan lưu, trường hợp thanh khoản từng phần thì phải lập phụ lục ghi rõ nội dung đã thanh khoản (tờ khai nhập khẩu, nguyên vật liệu, tiền thuế...) để làm cơ sở cho việc thanh khoản phần tiếp theo.

- Thủ tục thanh khoản:

Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ thanh khoản:

Bước 2. Kiểm tra tính đồng bộ, hợp lệ của hồ sơ thanh khoản.

Bước 3. Kiểm tra chi tiết hồ sơ thanh khoản của doanh nghiệp.

Bước 4. Làm thủ tục không thu thuế; hoàn thuế:

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

*** Trách nhiệm của người khai hải quan:**

- Khai đầy đủ các nội dung theo đúng các tiêu chí và khuôn dạng chuẩn tại hồ sơ thanh khoản điện tử và gửi thông tin đến cơ quan Hải quan qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử;

- Nhận phản hồi chấp nhận hoặc từ chối đăng ký và thực hiện sửa đổi, bổ sung thông tin theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

*** Trách nhiệm của cơ quan Hải quan:**

- Tiếp nhận hồ sơ thanh khoản điện tử;

- Tiến hành kiểm tra, đối chiếu số liệu thanh khoản và phản hồi thông tin kết quả thanh khoản cho người khai hải quan trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu thanh khoản trên hệ thống.

Trường hợp kết quả thanh khoản không được chấp nhận thì công chức hải quan phản hồi thông tin từ chối, nêu rõ lý do hoặc đề xuất tiến hành kiểm tra sau thông quan khi cần thiết.

Trường hợp kết quả thanh khoản được chấp nhận thì người khai hải quan và Chi cục Hải quan làm tiếp thủ tục hoàn thuế, không thu thuế theo hướng dẫn tại Điều 10, Điều 18, Điều 118, Điều 127, Điều 128, Điều 129, Điều 130, Điều 131 và khoản 2 Điều 132 Thông tư 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính.

- Cách thức thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp phải kiểm tra hồ sơ giấy: thực hiện theo phương thức thủ công

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

1. Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hoá xuất khẩu hoặc tổ chức thuê gia công trong nước (kể cả thuê gia công tại khu phi thuế quan), gia công ở nước ngoài; hoặc trường hợp liên kết sản xuất hàng hoá xuất khẩu và nhận sản phẩm về để xuất khẩu.

a) Hồ sơ chung:

a.1) Công văn yêu cầu thanh khoản, hoàn lại thuế, không thu thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hoá xuất khẩu, trong đó có giải trình cụ thể số lượng, trị giá nguyên liệu, vật tư nhập khẩu đã sử dụng để sản xuất hàng hoá xuất khẩu; số tiền thuế nhập khẩu đã nộp; số lượng hàng hoá xuất khẩu; số tiền thuế nhập khẩu yêu cầu hoàn, không thu; trường hợp có nhiều loại hàng hoá, thuộc nhiều tờ khai hải quan khác nhau thì phải liệt kê các tờ khai hải quan yêu cầu hoàn thuế: nộp 01 bản chính;

a.2) Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên liệu, vật tư đã làm thủ tục hải quan: nộp 01 bản chính;

a.3) Chứng từ nộp thuế đối với trường hợp đã nộp thuế: nộp 01 bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu;

a.4) Tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu đã làm thủ tục hải quan: nộp 01 bản chính; các giấy tờ khác chứng minh hàng thực xuất theo hướng dẫn tại Điều

26 194/2010/TT-BTC: nộp 01 bản sao; hợp đồng xuất khẩu: nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu;

a.5) Hợp đồng nhập khẩu; hợp đồng uỷ thác xuất khẩu, nhập khẩu nếu là hình thức xuất khẩu, nhập khẩu uỷ thác (sử dụng bản lưu của cơ quan hải quan, người nộp thuế không phải nộp): 01 bản sao;

a.6) Chứng từ thanh toán cho hàng hoá xuất khẩu: nộp 01 bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu; trường hợp lô hàng thanh toán nhiều lần thì nộp thêm 01 bản chính bảng kê chứng từ thanh toán qua ngân hàng;

a.7) Hợp đồng liên kết sản xuất hàng hoá xuất khẩu nếu là trường hợp liên kết sản xuất hàng hoá xuất khẩu: nộp 01 bản sao;

a.8) Bảng thông báo định mức (sử dụng bản lưu của cơ quan hải quan, người nộp thuế không phải nộp);

a.9) Bảng kê các tờ khai xuất khẩu sản phẩm đưa vào thanh khoản (theo mẫu 15/HSTK-SXXK Phụ lục VI ban hành kèm theo 194/2010/TT-BTC): nộp 01 bản chính;

a.10) Bảng báo cáo nhập-xuất-tồn nguyên liệu, vật tư nhập khẩu (theo mẫu 16/HSTK-SXXK Phụ lục VI ban hành kèm theo 194/2010/TT-BTC): nộp 01 bản chính;

a.11) Báo cáo tính thuế trên nguyên liệu, vật tư nhập khẩu (theo mẫu 17/HSTK-SXXK Phụ lục VI ban hành kèm theo 194/2010/TT-BTC);

a.12) Bảng kê danh mục tài liệu hồ sơ đề nghị hoàn thuế.

b) Hồ sơ đối với trường hợp hàng hoá nhập khẩu để sản xuất hàng hoá xuất khẩu, nhưng không trực tiếp sản xuất mà xuất khẩu vào khu phi thuế quan hoặc xuất khẩu ra nước ngoài để gia công sau đó nhận sản phẩm về để sản xuất tiếp và/hoặc xuất khẩu thì ngoài các giấy tờ nêu tại điểm a khoản này phải có thêm các giấy tờ sau:

b.1) Tờ khai hải quan hàng hoá xuất khẩu nguyên liệu, vật tư cho gia công đã làm thủ tục hải quan: nộp 01 bản chính; các giấy tờ khác chứng minh hàng thực xuất theo hướng dẫn tại Điều 26 194/2010/TT-BTC: nộp 01 bản sao;

b.2) Tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu sản phẩm từ khu phi thuế quan hoặc nước ngoài đã làm thủ tục hải quan: nộp 01 bản chính;

b.3) Chứng từ nộp thuế của sản phẩm gia công nhập khẩu đối với trường hợp đã nộp thuế và yêu cầu hoàn thuế: nộp 01 bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu;

b.4) Hợp đồng gia công với doanh nghiệp trong khu phi thuế quan hoặc với nước ngoài: nộp 01 bản sao.

2. Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hoá tiêu thụ trong nước sau đó tìm được thị trường xuất khẩu và đưa số nguyên liệu, vật tư này vào sản xuất hàng hoá xuất khẩu, đã thực xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài trong thời gian tối đa hai năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan nguyên liệu, vật tư nhập khẩu:

Hồ sơ thanh khoản, hoàn thuế, không thu thuế tương tự như hướng dẫn tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với nguyên liệu, vật tư (trừ sản phẩm hoàn chỉnh) nhập khẩu để thực hiện hợp đồng gia công không do bên nước ngoài đặt gia công cung cấp mà do

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

doanh nghiệp nhận gia công tự nhập khẩu để thực hiện hợp đồng gia công đã ký với bên nước ngoài; hồ sơ gồm:

a) Công văn yêu cầu thanh khoản, hoàn lại thuế, không thu thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công hàng hoá xuất khẩu; trong đó có giải trình cụ thể về mặt hàng, số lượng, trị giá nguyên liệu, vật tư nhập khẩu; số tiền thuế nhập khẩu đã nộp; số lượng sản phẩm đã xuất khẩu; số tiền thuế nhập khẩu yêu cầu hoàn, số tiền thuế nhập khẩu đề nghị không thu; trường hợp có nhiều loại hàng hoá, thuộc nhiều tờ khai hải quan khác nhau thì phải liệt kê các tờ khai hải quan yêu cầu hoàn thuế: nộp 01 bản chính;

b) Tờ khai hải quan hàng hoá xuất khẩu theo loại hình gia công đã làm thủ tục hải quan: nộp 01 bản chính; các giấy tờ khác chứng minh hàng thực xuất theo hướng dẫn tại Điều 26 Thông tư số 194/2010/TT-BTC: nộp 01 bản sao;

c) Hợp đồng gia công ký với khách hàng nước ngoài trong đó quy định rõ danh mục, số lượng nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp nhận gia công cung ứng: nộp 01 bản sao;

d) Các loại giấy tờ hướng dẫn tại các điểm a.2, a.3, a.5, a.6, a.8, a.9, a.10, a.11, a.12 khoản 1 Điều này.

4. Doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất sản phẩm, sau đó sử dụng sản phẩm này để gia công hàng hoá xuất khẩu theo hợp đồng gia công với nước ngoài:

Hồ sơ như trường hợp nêu tại khoản 1 Điều này. Riêng:

a) Hợp đồng xuất khẩu sản phẩm được thay bằng hợp đồng gia công ký với khách hàng nước ngoài. Hợp đồng mua sản phẩm sử dụng cho hợp đồng gia công và hợp đồng gia công với khách hàng nước ngoài có thể được thể hiện trong cùng một bản hợp đồng (01 bản sao);

b) Bảng định mức tiêu hao nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất sản phẩm đưa vào sản xuất sản phẩm gia công và định mức tiêu hao nguyên liệu sản xuất sản phẩm xuất khẩu theo hợp đồng gia công đã ký kết (sử dụng bản lưu của cơ quan hải quan, người nộp thuế không phải nộp);

c) Bảng kê khai số lượng thực tế sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, được sử dụng để sản xuất sản phẩm gia công: nộp 01 bản chính.

5. Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư sản xuất sản phẩm bán cho doanh nghiệp khác để trực tiếp sản xuất, gia công hàng hoá xuất khẩu và đã xuất khẩu sản phẩm; hồ sơ gồm:

a) Công văn yêu cầu thanh khoản, hoàn lại thuế, không thu thuế nhập khẩu, trong đó có giải trình cụ thể về số lượng, trị giá nguyên liệu, vật tư nhập khẩu sử dụng sản xuất ra hàng hoá bán cho doanh nghiệp khác để trực tiếp sản xuất, gia công hàng hoá xuất khẩu; số lượng hàng hoá sản xuất đã bán; số lượng sản phẩm đã xuất khẩu; số tiền thuế nhập khẩu đã nộp; số tiền thuế nhập khẩu yêu cầu hoàn, không thu; trường hợp có nhiều loại hàng hoá, thuộc nhiều tờ khai hải quan khác nhau thì phải liệt kê các tờ khai hải quan yêu cầu hoàn thuế: nộp 01 bản chính;

b) Tờ khai hải quan hàng hoá xuất khẩu đã làm thủ tục hải quan: nộp 01 bản chính; các giấy tờ khác chứng minh hàng thực xuất theo hướng dẫn tại Điều 26 194/2010/TT-BTC: nộp 01 bản sao; hợp đồng xuất khẩu: nộp 01 bản sao xuất

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

trình bản chính để đối chiếu;

c) Hoá đơn bán hàng giữa hai doanh nghiệp: nộp 01 bản sao; Bảng kê hoá đơn bán hàng: nộp 01 bản chính;

d) Hợp đồng kinh tế mua, bán hàng hoá giữa doanh nghiệp nhập khẩu với doanh nghiệp sản xuất, gia công hàng hoá xuất khẩu; trong đó ghi rõ hàng hoá được sử dụng để sản xuất hoặc gia công hàng hoá xuất khẩu; chứng từ thanh toán tiền mua hàng: nộp 01 bản sao;

e) Hợp đồng gia công hoặc hợp đồng xuất khẩu giữa doanh nghiệp sản xuất, gia công hàng hoá xuất khẩu với khách hàng nước ngoài: nộp 01 bản sao;

g) Bảng kê khai của doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm về số lượng và định mức thực tế sản phẩm mua về để trực tiếp sản xuất một đơn vị sản phẩm xuất khẩu;

h) Hợp đồng nhập khẩu ký với thương nhân nước ngoài của doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ;

i) Các loại giấy tờ hướng dẫn tại các điểm a.2, a.3, a.5, a.6, a.8, a.9, a.10. a.11, a.12 khoản 1 Điều này.

6. Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư sản xuất sản phẩm bán cho doanh nghiệp khác để trực tiếp xuất khẩu và doanh nghiệp mua sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất đã xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài; hồ sơ gồm:

a) Công văn yêu cầu thanh khoản, hoàn lại thuế, không thu thuế nhập khẩu, trong đó có giải trình cụ thể về số lượng, trị giá nguyên liệu, vật tư nhập khẩu; số tiền thuế nhập khẩu đã nộp; số lượng sản phẩm sản xuất đã bán cho doanh nghiệp xuất khẩu; số lượng sản phẩm đã xuất khẩu; số tiền thuế nhập khẩu yêu cầu hoàn, không thu; trường hợp có nhiều loại hàng hoá, thuộc nhiều tờ khai hải quan khác nhau thì phải liệt kê các tờ khai hải quan yêu cầu hoàn thuế: nộp 01 bản chính;

b) Hợp đồng mua bán; hoá đơn bán hàng của doanh nghiệp bán sản phẩm cho doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm: nộp 01 bản sao;

c) Các loại giấy tờ hướng dẫn tại các điểm điểm a.2, a.3, a.4, a.5, a.6, a.8, a.9, a.10. a.11, a.12 khoản 1 Điều này.

7. Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hoá bán cho thương nhân nước ngoài nhưng giao hàng hoá cho doanh nghiệp khác tại Việt Nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài để làm nguyên liệu tiếp tục sản xuất, gia công hàng hoá xuất khẩu; hồ sơ gồm:

a) Công văn yêu cầu thanh khoản, hoàn lại thuế, không thu thuế nhập khẩu, trong giải trình cụ thể về số lượng, trị giá nguyên liệu, vật tư nhập khẩu sử dụng để sản xuất hàng bán cho khách hàng nước ngoài phù hợp với chủng loại, số lượng mặt hàng xuất khẩu theo tờ khai hải quan hàng hoá xuất khẩu tại chỗ, bao gồm các nội dung sau: số tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu; mặt hàng, số lượng, trị giá nguyên liệu, vật tư nhập khẩu; số lượng sản phẩm sản xuất đã xuất khẩu; số tiền thuế nhập khẩu đã nộp; số tiền thuế nhập khẩu đề nghị hoàn, không thu. Trường hợp có nhiều loại hàng hoá, thuộc nhiều tờ khai hải quan khác nhau thì phải liệt kê các tờ khai hải quan yêu cầu hoàn thuế: nộp 01 bản chính;

b) Hoá đơn giá trị gia tăng do doanh nghiệp xuất khẩu lập (liên giao khách hàng): nộp 01 bản sao;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

c) Tờ khai xuất khẩu - nhập khẩu tại chỗ đã làm thủ tục hải quan: nộp 01 bản chính;

Tờ khai xuất khẩu-nhập khẩu tại chỗ chỉ có giá trị để thanh khoản, xét hoàn thuế, không thu thuế nếu doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ đăng ký tờ khai theo loại hình sản xuất xuất khẩu (SXXK) hoặc gia công (GC) để tiếp tục sản xuất, gia công xuất khẩu ra nước ngoài.

d) Hợp đồng mua bán hàng hoá có chỉ định giao hàng tại Việt Nam (đối với người xuất khẩu), hợp đồng mua bán hàng hoá hoặc hợp đồng gia công có chỉ định nhận hàng tại Việt Nam (đối với người nhập khẩu): nộp 01 bản sao;

e) Các loại giấy tờ hướng dẫn tại các điểm a.2, a.3, a.5, a.6, a.8, a.9, a.10, a.11, a.12 khoản 1 Điều này.

8. Các trường hợp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư sản xuất hàng hoá xuất khẩu đã xuất khẩu ra nước ngoài nhưng còn để ở kho của doanh nghiệp ở nước ngoài hoặc gửi kho ngoại quan ở nước ngoài, hoặc cảng trung chuyển ở nước ngoài, hồ sơ gồm:

a) Các loại giấy tờ nêu tại khoản 1 Điều này;

b) Tờ khai xuất khẩu hàng hoá ra nước ngoài và tờ khai hải quan hàng nhập khẩu do hải quan nước nhập khẩu cấp thể hiện tên người nhập khẩu là kho của doanh nghiệp ở nước ngoài hoặc gửi kho ngoại quan ở nước ngoài hoặc cảng trung chuyển ở nước ngoài: 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

c) Ngoài các giấy tờ trên, hồ sơ phải có thêm:

c.1) Hợp đồng gửi kho ngoại quan ở nước ngoài đối với trường hợp gửi kho ngoại quan ở nước ngoài: 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

c.2) Phiếu xuất kho hàng hoá hoặc chứng từ thể hiện nội dung vận tải theo phương thức trung chuyển: 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

9. Hàng hoá là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hoá xuất khẩu vào khu phi thuế quan (trừ doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất, kho ngoại quan nộp hồ sơ như hướng dẫn tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này), ngoài giấy tờ như hướng dẫn tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này người khai hải quan, người nộp thuế phải nộp thêm các giấy tờ sau đây:

a) Tờ khai xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài của doanh nghiệp trong khu phi thuế quan có sử dụng sản phẩm làm từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu của doanh nghiệp đề nghị hoàn thuế: 01 bản sao có xác nhận sao y bản chính của doanh nghiệp trong khu phi thuế quan;

b) Bảng tổng hợp số lượng sản phẩm thực tế sử dụng trong khu phi thuế quan và số lượng hàng hóa thực tế xuất khẩu tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp trong khu phi thuế quan đã được cơ quan hải quan quản lý xác nhận hoặc kết quả thanh khoản hướng dẫn tại khoản 10 Điều 44, Điều 45 194/2010/TT-BTC: 01 bản sao;

c) Định mức sản xuất sản phẩm xuất khẩu và sử dụng trong khu phi thuế quan của doanh nghiệp trong khu phi thuế quan có xác nhận của cơ quan hải quan quản lý doanh nghiệp.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

a) Thông tin chung đề nghị thanh khoản;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Danh sách các tờ khai nhập khẩu thanh khoản (bao gồm cả các tờ khai nhập khẩu theo hợp đồng mua bán hàng hóa có liên quan);

c) Danh sách các tờ khai xuất khẩu thanh khoản (bao gồm cả các tờ khai xuất theo loại hình gia công, tờ khai theo loại hình tái xuất và các tờ khai xuất khẩu đăng ký ở địa điểm làm thủ tục khác);

d) Các thông tin giải trình chi tiết lượng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu thuộc các tờ khai nhập khẩu đưa vào thanh khoản sử dụng vào các mục đích dưới đây (nếu có):

d1) Bảng kê nguyên liệu, vật tư nhập khẩu chưa đưa vào thanh khoản (trong trường hợp doanh nghiệp chỉ sử dụng một phần nguyên liệu, vật tư để sản xuất mà không sử dụng toàn bộ nguyên liệu, vật tư trên tờ khai nhập khẩu này, sau đó dùng nguyên liệu, vật tư của tờ khai nhập khẩu tiếp theo để thanh khoản);

d2) Bảng kê nguyên liệu, vật tư xuất khẩu qua sản phẩm theo hợp đồng gia công;

d3) Bảng kê nguyên liệu, vật tư tái xuất;

d4) Bảng kê nguyên liệu, vật tư không xuất khẩu xin nộp thuế vào ngân sách (bao gồm nguyên liệu, vật tư đề nghị chuyển loại hình, tiêu hủy, biếu tặng...).

*** Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

- Thời hạn giải quyết:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công: 15 ngày làm việc.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử: 07 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận thông tin thanh khoản: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hướng dẫn thanh khoản, chấp nhận/ không chấp nhận thanh khoản: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục hải quan

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan

Tiếp nhận thông tin thanh khoản: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hướng dẫn thanh khoản, chấp nhận/ không chấp nhận thanh khoản: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chấp nhận kết quả thanh khoản

- Phí, lệ phí: Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Thông tin đề nghị thanh khoản (ban hành kèm theo Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại): 01 bản điện tử.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

+ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005

+ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

+ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

+ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

chỉ tiêu thong tin TQDT.doc | thông tin đề nghị thanh khoản.doc | Mau so 24 PLII báo cáo chi tiết N_X_T.xls | báo cáo tổng hợp N_X_T.xls | báo cáo tổng hợp tính thuế trên NL,VT.: | báo cáo tính thuế trên NL,VT.xls

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Thủ tục hải quan đối với hàng hoá kinh doanh tạm nhập-tái xuất (thủ công - điện tử) B-BTC-043346-TT

- Trình tự thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công

Thủ tục hải quan đối với hàng hoá kinh doanh tạm nhập-tái xuất thực hiện theo quy định đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại. Cụ thể:

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra điều kiện và đăng ký tờ khai hải quan; kiểm tra hồ sơ và thông quan đối với lô hàng miễn kiểm tra thực tế hàng hoá:

Bước 2: Kiểm tra thực tế hàng hóa và thông quan đối với lô hàng phải kiểm tra thực tế:

Bước 3: Thu thuế, lệ phí hải quan; đóng dấu "Đã làm thủ tục hải quan"; trả tờ khai cho người khai hải quan:

Bước 4: Phúc tập hồ sơ.

Ngoài ra do tính đặc thù của loại hình này, một số nội dung được hướng dẫn thêm như sau:

1. Địa điểm làm thủ tục hải quan

a) Hàng hoá kinh doanh tạm nhập-tái xuất chỉ được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu.

b) Hàng hoá khi tái xuất được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu tái xuất.

c) Hàng hoá tạm nhập-tái xuất là hàng hoá thuộc danh mục cấm nhập khẩu thì phải lưu giữ trong khu vực cửa khẩu nhập, phải làm thủ tục tái xuất tại Chi cục Hải quan cửa khẩu tạm nhập hàng. Trường hợp hàng tái xuất được phép đi qua cửa khẩu khác cửa khẩu tạm nhập thì việc giám sát hàng hoá trong quá trình vận chuyển đến cửa khẩu xuất áp dụng như đối với hàng chuyển cửa khẩu.

2. Quản lý hàng tạm nhập-tái xuất

a) Khi làm thủ tục tái xuất, ngoài những chứng từ như đối với hàng hoá xuất khẩu thương mại, người khai hải quan phải nộp một bản sao và xuất trình bản chính tờ khai hàng tạm nhập;

b) Hàng hoá tạm nhập phải chịu sự giám sát của cơ quan hải quan và có thể được chia thành nhiều lô hàng để tái xuất. Khi tái xuất, doanh nghiệp phải tái xuất một lần hết lượng hàng khai trên một tờ khai tái xuất;

c) Hàng hoá tái xuất đã hoàn thành thủ tục hải quan phải được xuất qua cửa khẩu trong thời hạn tám giờ làm việc kể từ khi hàng đến cửa khẩu xuất. Trong trường hợp có lý do chính đáng được Lãnh đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất chấp nhận thì hàng hoá tái xuất được lưu tại cửa khẩu xuất, nhưng không quá thời hạn hiệu lực của tờ khai tái xuất.

3. Thanh khoản tờ khai tạm nhập

a) Chi cục Hải quan làm thủ tục tạm nhập hàng hoá chịu trách nhiệm thanh khoản tờ khai tạm nhập.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Hồ sơ thanh khoản thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 117 Thông tư 194/2010/TT-BTC.

c) Hàng hóa tạm nhập phải chịu sự giám sát của cơ quan hải quan

c.1) Việc giám sát hải quan đối với hàng hóa tạm nhập để tái xuất thuộc danh mục hàng cấm nhập khẩu thực hiện theo điểm c khoản 1 nêu trên.

c.2) Giám sát hải quan đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất không thuộc danh mục hàng cấm nhập khẩu:

c.2.1) Thương nhân chịu trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hoá, niêm phong trong thời hạn lưu lại tại Việt Nam và vận chuyển tới cửa khẩu xuất hàng;

c.2.2) Trường hợp người khai hải quan làm thủ tục tái xuất tại cửa khẩu tạm nhập hàng nhưng hàng hoá được tái xuất tại cửa khẩu khác thì Chi cục Hải quan cửa khẩu tạm nhập lập Biên bản bàn giao hàng hoá kinh doanh tạm nhập tái xuất (mẫu 03/BBBG-TNTX/2010 ban hành kèm theo Phụ lục III kèm theo Thông tư 194/2010/TT-BTC); việc giám sát hàng hoá được thực hiện bằng niêm phong hải quan;

c.2.3) Trường hợp người khai hải quan làm thủ tục tái xuất tại cửa khẩu khác cửa khẩu tạm nhập thì sau khi hoàn thành thủ tục tái xuất hàng, Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất fax tờ khai tái xuất (bản lưu Hải quan) cho Chi cục Hải quan cửa khẩu tạm nhập để theo dõi, thanh khoản tờ khai theo quy định.

d) Hàng hoá tái xuất đã hoàn thành thủ tục hải quan phải được xuất khẩu qua cửa khẩu trong thời hạn tám giờ làm việc kể từ khi hàng đến cửa khẩu xuất; trường hợp chưa xuất hết, nếu có lý do chính đáng và còn trong thời hạn lưu giữ tại Việt Nam theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 của Chính phủ thì Lãnh đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất xem xét, gia hạn để xuất khẩu hết trong các ngày kế tiếp.

e) Việc gia hạn thời hạn tạm nhập tái xuất đối với hàng hóa tạm nhập tái xuất quy định tại khoản 2, Điều 12 Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 của Chính phủ được thực hiện như sau:

e.1) Thời hạn ghi trong giấy phép tạm nhập tái xuất của Bộ Công Thương là thời hạn để thương nhân làm thủ tục hải quan cho lô hàng tạm nhập vào Việt Nam.

e.2) Trường hợp hàng hoá kinh doanh tạm nhập tái xuất đã hoàn thành thủ tục tạm nhập vào Việt Nam được lưu lại tại Việt Nam theo thời hạn quy định. Nếu thương nhân cần kéo dài thời hạn lưu lại tại Việt Nam thì có văn bản đề nghị gửi Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi làm thủ tục tạm nhập hàng hóa, lãnh đạo Chi cục Hải quan xem xét, chấp nhận thời gian gia hạn theo quy định, ký, đóng dấu Chi cục trên văn bản đề nghị của thương nhân và trả lại thương nhân để làm thủ tục tái xuất hàng hóa; lưu hồ sơ hải quan 01 bản sao; không yêu cầu thương nhân phải xin phép bổ sung của Bộ Công Thương.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

+ Đối với người khai hải quan:

1. Tạo thông tin khai tờ khai hải quan điện tử (bao gồm cả tờ khai trị giá trong trường hợp hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá theo quy định hiện hành) trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo đúng các tiêu chí, định dạng quy

định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai.

a) Trường hợp người khai hải quan là đại lý làm thủ tục hải quan phải khai rõ nội dung uỷ quyền;

b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo các loại hình khác nhau hoặc theo một loại hình nhưng có thời hạn nộp thuế khác nhau thì phải khai trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khác nhau theo từng loại hình tương ứng hoặc từng thời hạn nộp thuế tương ứng, ngoại trừ các trường hợp sau đây:

b1) Một mặt hàng nhập khẩu nhưng có thời hạn nộp thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường khác nhau thì thực hiện khai trên cùng một tờ khai hải quan;

b2) Lô hàng nhập khẩu gồm nhiều mặt hàng có thời hạn nộp thuế khác nhau thuộc cùng một hợp đồng/đơn hàng, cùng một loại hình, nếu người khai hải quan nộp thuế ngay hoặc có bảo lãnh về số thuế phải nộp cho toàn bộ lô hàng thì khai trên cùng một tờ khai hàng hóa nhập khẩu.

c) Khai hải quan đối với hàng hóa có nhiều hợp đồng/đơn hàng:

c1) Một mặt hàng nhập khẩu có nhiều hợp đồng/đơn hàng, có một hoặc nhiều hóa đơn của một người bán hàng, cùng điều kiện giao hàng, giao hàng một lần, có một vận đơn thì người khai hải quan được khai trên một tờ khai hoặc nhiều tờ khai hải quan;

c2) Một mặt hàng xuất khẩu có nhiều hợp đồng/đơn hàng, cùng điều kiện giao hàng, cùng bán cho một khách hàng và giao hàng một lần thì người khai hải quan được khai trên một tờ khai hoặc nhiều tờ khai hải quan;

c3) Khi khai hải quan, người khai hải quan phải khai đầy đủ số, ngày, tháng, năm của hợp đồng/đơn hàng trên tờ khai hải quan; trường hợp không thể khai hết trên tờ khai hải quan thì lập bản kê chi tiết kèm theo tờ khai hải quan theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư 196/2012/TT-BTC; về lượng hàng thì chỉ cần khai tổng lượng hàng của các hợp đồng/đơn hàng trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu;

d) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện được giảm mức thuế suất so với quy định hoặc hưởng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt thì khi khai thuế suất người khai hải quan phải khai cả mức thuế suất trước khi giảm và tỷ lệ phần trăm giảm hoặc thuế suất ưu đãi đặc biệt theo quy định nào;

đ) Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, hoặc thuộc diện quản lý chuyên ngành hoặc được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt hoặc được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp thì khi khai hải quan người khai hải quan phải khai đầy đủ các thông tin liên quan đến các nội dung nêu trên theo đúng các tiêu chí và định dạng quy định tại mẫu Tờ khai hải quan điện tử thuộc Phụ lục I Thông tư 196/2012/TT-BTC.

2. Gửi tờ khai hải quan điện tử đến cơ quan Hải quan qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

3. Tiếp nhận thông tin phản hồi của cơ quan Hải quan và thực hiện theo một trong các trường hợp dưới đây:

a) Khi nhận "Thông báo từ chối tờ khai hải quan điện tử": người khai hải quan thực hiện việc sửa đổi, bổ sung thông tin tờ khai hải quan điện tử hoặc giải trình theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Khi nhận "Số tờ khai hải quan điện tử" và "Quyết định hình thức mức độ kiểm tra":

b1) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", người khai hải quan thực hiện:

b1.1) In Tờ khai hải quan điện tử đã được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo mẫu Tờ khai hải quan điện tử in (01 bản); ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan điện tử in;

b1.2) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b1.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC cùng hàng hóa tại khu vực giám sát hải quan có kết nối với Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp thủ tục (nếu có).

Trong thời hạn quy định của pháp luật về lưu giữ hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, nếu người khai hải quan có nhu cầu xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên tờ khai hải quan điện tử in, người khai hải quan xuất trình tờ khai đã có xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử xác nhận.

Nếu có nhu cầu xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan", người khai hải quan xuất trình 01 tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b1.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để xác nhận sau đó xuất trình tờ khai hải quan điện tử in đã được xác nhận cùng hàng hóa tại khu vực giám sát để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp các thủ tục (nếu có).

b2) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" với điều kiện phải xuất trình, nộp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan", người khai hải quan thực hiện:

b2.1) In tờ khai hải quan điện tử đã được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo mẫu Tờ khai hải quan điện tử in (01 bản); ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan điện tử in;

b2.2) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b2.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC và xuất trình/nộp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản";

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b2.3) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu điểm b2.2 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC cùng hàng hóa tại khu vực giám sát hải quan để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp thủ tục (nếu có).

b3) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa: người khai hải quan nộp, xuất trình 02 tờ khai hải quan điện tử in; 02 tờ khai trị giá (nếu hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá) cùng các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử kiểm tra theo yêu cầu và thực hiện:

b3.1) Khi được "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản": người khai hải quan nhận 01 tờ khai hải quan điện tử in đã xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", 01 tờ khai trị giá (nếu có) và 01 Phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy. Khi mang hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư 196/2012/TT-BTC;

b3.2) Khi được yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để cơ quan Hải quan kiểm tra: người khai hải quan thực hiện các công việc quy định tại điểm b4 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

b4) Trường hợp tờ khai hải quan được cơ quan Hải quan yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để kiểm tra: người khai hải quan nộp, xuất trình 02 tờ khai hải quan điện tử in, 02 tờ khai trị giá (nếu hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá) cùng toàn bộ các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan theo yêu cầu và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử kiểm tra. Khi được quyết định "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", hoặc "Cho phép hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu", người khai hải quan nhận 01 tờ khai hải quan điện tử in đã quyết định "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" hoặc "Cho phép hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu", 01 phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy, 01 phiếu ghi kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa (trừ trường hợp hàng nhập khẩu xin chuyển cửa khẩu), 01 tờ khai trị giá (nếu có). Khi mang hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

4. Người khai hải quan được phép chậm nộp bản chính một số chứng từ trong hồ sơ hải quan trừ giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu đối với hàng hóa phải có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật và phải khai về việc chậm nộp trên tờ khai hải quan điện tử. Người khai hải quan phải nộp các chứng từ được phép chậm nộp trong thời hạn quy định của pháp luật. Trong trường hợp pháp luật không quy định cụ thể thì thời hạn được phép chậm nộp là không quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan điện tử.

5. Một số hướng dẫn cụ thể

a) Khi làm thủ tục hải quan tạm nhập thương nhân khai báo cửa khẩu tái xuất trên tiêu chí "Ghi chép khác" của tờ khai hải quan điện tử nhập khẩu;

b) Khi làm thủ tục hải quan tái xuất thương nhân phải khai báo rõ hàng hóa tái xuất thuộc tờ khai tạm nhập nào trên tiêu chí "Chứng từ đi kèm" của tờ

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

khai hải quan điện tử xuất khẩu;

+ Đối với cơ quan hải quan:

Việc tiếp nhận, kiểm tra, cấp số đăng ký, phân luồng tờ khai hải quan điện tử của cơ quan Hải quan được tự động thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp không chấp nhận tờ khai hải quan điện tử, cơ quan Hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gửi "Thông báo từ chối tờ khai hải quan điện tử" trong đó nêu rõ lý do và hướng dẫn người khai hải quan thực hiện các công việc cần thiết để làm tiếp thủ tục hải quan.

Trường hợp chấp nhận tờ khai hải quan điện tử, thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, cơ quan Hải quan cấp số tờ khai hải quan điện tử và phân luồng theo một trong các hình thức sau:

a) Chấp nhận thông tin khai tờ khai hải quan điện tử, cho phép "Thông quan" hay "Giải phóng hàng" hay "Đưa hàng hóa về bảo quản" (gọi tắt là "luồng xanh"); hoặc chấp nhận thông tin khai tờ khai hải quan điện tử, cho phép "Thông quan" hay "Giải phóng hàng" hay "Đưa hàng hóa về bảo quản" với điều kiện phải xuất trình, nộp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" (gọi tắt là "luồng xanh có điều kiện");

b) Xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa (gọi tắt là "luồng vàng"). Việc kiểm tra chứng từ giấy thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 13 Thông tư 196/2012/TT-BTC;

c) Xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa (gọi tắt là "luồng đỏ"). Việc kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 13 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

d) Chi cục Hải quan làm thủ tục tạm nhập hàng hóa chịu trách nhiệm thanh khoản tờ khai tạm nhập. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ thanh khoản, thời hạn nộp thuế (nếu có) thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 18, Điều 119 và khoản 2 Điều 132 Thông tư 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính.

- Cách thức thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hàng hóa được phân vào luồng vàng hoặc luồng đỏ: thực hiện theo phương thức thủ công.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

- Tờ khai hải quan;
- Bản kê chi tiết hàng hoá;
- Hóa đơn thương mại (đối với hàng tạm nhập);
- Hợp đồng nhập khẩu;
- Hợp đồng xuất khẩu;
- Vận tải đơn (đối với hàng tạm nhập);
- Giấy phép tạm nhập tái xuất (nếu có)

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

- Tờ khai hải quan điện tử ở dạng điện tử. Trong trường hợp phải xuất trình, nộp bản giấy theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền, tờ khai hải quan điện tử được in ra giấy theo mẫu Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; mẫu Phụ lục tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, mẫu Tờ khai sửa đổi bổ sung, mẫu Bản kê tại Phụ lục III kèm theo Thông tư 196/2012/TT-BTC (sau đây gọi chung là tờ khai hải quan điện tử in).

Trường hợp một tờ khai hải quan điện tử in có 01 (một) phụ lục, người khai hải quan ký tên, đóng dấu trực tiếp lên bản phụ lục. Trường hợp một tờ khai hải quan điện tử in có nhiều hơn 01 (một) phụ lục thì người khai hải quan ký tên, đóng dấu vào tờ phụ lục cuối cùng và toàn bộ các tờ phụ lục phải đóng dấu giáp lai.

- Các chứng từ khác thuộc hồ sơ hải quan điện tử được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 87/2012/NĐ-CP.

*** Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)**

- Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan: ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan đúng quy định của pháp luật (Khoản 1, Điều 19 Luật Hải quan)

- Thời hạn hoàn thành thành kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải (tính từ thời điểm người khai hải quan đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu về làm thủ tục hải quan theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Hải quan):

+ Chậm nhất là 08 giờ làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế một phần hàng hóa theo xác suất;

+ Chậm nhất là 02 ngày làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thực kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa.

Trong trường hợp áp dụng hình thức kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa mà lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu có số lượng lớn, việc kiểm tra phức tạp thì thời hạn kiểm tra có thể được gia hạn nhưng không quá 08 giờ làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thông quan.

- Phí, lệ phí: 20.000 đồng

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai hải quan (Quyết định số 1257/QĐ-TCHQ ngày 04/12/2001)

+ Mẫu tờ khai điện tử (Thông tư 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

+ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005.

+ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

+ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

+ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

www.LuatVietnam.vn
LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

+ Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Thông tư số 172/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Hải quan.

chỉ tieu thong tin TQDT.doc

Mau so 2a, 3a. To khai hai quan.xls

www.LuatVietnam.vn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để thực hiện hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài (thủ công-điện tử) B-BTC-122069-TT

- Trình tự thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công

*** Đối với người khai hải quan:**

Thương nhân làm thủ tục nhập khẩu nguyên vật liệu tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký hợp đồng gia công.

*** Đối với cơ quan hải quan:**

- Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra điều kiện và đăng ký tờ khai hải quan; kiểm tra hồ sơ và thông quan đối với lô hàng miễn kiểm tra thực tế hàng hóa, trừ việc kiểm tra tính thuế.

- Kiểm tra thực tế và thông quan đối với lô hàng thuộc diện phải kiểm tra thực tế.

- Thu lệ phí hải quan, đóng dấu "Đã làm thủ tục hải quan"; trả tờ khai cho người khai hải quan.

- Phúc tập hồ sơ theo qui định.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử

*** Đối với người khai hải quan:**

1. Tạo thông tin khai tờ khai hải quan điện tử (bao gồm cả tờ khai trị giá trong trường hợp hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá theo quy định hiện hành) trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo đúng các tiêu chí, định dạng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai.

a) Trường hợp người khai hải quan là đại lý làm thủ tục hải quan phải khai rõ nội dung uỷ quyền;

b) Hàng hóa nhập khẩu theo một loại hình nhưng có thời hạn nộp thuế khác nhau thì phải khai trên tờ khai hàng hóa nhập khẩu khác nhau theo từng loại hình tương ứng hoặc từng thời hạn nộp thuế tương ứng, ngoại trừ các trường hợp sau đây:

c) Khai hải quan đối với hàng hóa có nhiều hợp đồng/đơn hàng:

c1) Một mặt hàng nhập khẩu có nhiều hợp đồng/đơn hàng, có một hoặc nhiều hóa đơn của một người bán hàng, cùng điều kiện giao hàng, giao hàng một lần, có một vận đơn thì người khai hải quan được khai trên một tờ khai hoặc nhiều tờ khai hải quan;

c2) Khi khai hải quan, người khai hải quan phải khai đầy đủ số, ngày, tháng, năm của hợp đồng/đơn hàng trên tờ khai hải quan; trường hợp không thể khai hết trên tờ khai hải quan thì lập bản kê chi tiết kèm theo tờ khai hải quan theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư 196/2012/TT-BTC; về lượng hàng thì chỉ cần khai tổng lượng hàng của các hợp đồng/đơn hàng trên tờ khai hàng hóa nhập khẩu;

d) Đối với hàng hóa nhập khẩu theo giấy phép, hoặc thuộc diện quản lý chuyên ngành hoặc được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt hoặc được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp thì khi khai hải quan người khai hải quan phải khai đầy đủ các thông tin liên quan đến các nội dung nêu trên theo đúng các

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

tiêu chí và định dạng quy định tại mẫu Tờ khai hải quan điện tử thuộc Phụ lục I Thông tư 196/2012/TT-BTC.

2. Gửi tờ khai hải quan điện tử đến cơ quan Hải quan qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

3. Tiếp nhận thông tin phản hồi của cơ quan Hải quan và thực hiện theo một trong các trường hợp dưới đây:

a) Khi nhận "Thông báo từ chối tờ khai hải quan điện tử": người khai hải quan thực hiện việc sửa đổi, bổ sung thông tin tờ khai hải quan điện tử hoặc giải trình theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan;

b) Khi nhận "Số tờ khai hải quan điện tử" và "Quyết định hình thức mức độ kiểm tra":

b1) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", người khai hải quan thực hiện:

b1.1) In Tờ khai hải quan điện tử đã được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo mẫu Tờ khai hải quan điện tử in (01 bản); ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan điện tử in;

b1.2) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b1.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC cùng hàng hóa tại khu vực giám sát hải quan có kết nối với Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp thủ tục (nếu có).

Trong thời hạn quy định của pháp luật về lưu giữ hồ sơ hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu, nếu người khai hải quan có nhu cầu xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên tờ khai hải quan điện tử in, người khai hải quan xuất trình tờ khai đã có xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử xác nhận.

Nếu có nhu cầu xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan", người khai hải quan xuất trình 01 tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b1.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để xác nhận sau đó xuất trình tờ khai hải quan điện tử in đã được xác nhận cùng hàng hóa tại khu vực giám sát để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp các thủ tục (nếu có).

b2) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" với điều kiện phải xuất trình, nộp giấy phép nhập khẩu hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan", người khai hải quan thực hiện:

b2.1) In tờ khai hải quan điện tử đã được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Hệ thống khai hải quan điện tử theo mẫu Tờ khai hải quan điện tử in (01 bản); ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan điện tử in;

b2.2) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b2.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC và xuất trình/nộp giấy phép nhập khẩu hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản";

b2.3) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu điểm b2.2 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC cùng hàng hóa tại khu vực giám sát hải quan để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp thủ tục (nếu có).

b3) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa: người khai hải quan nộp, xuất trình 02 tờ khai hải quan điện tử in; 02 tờ khai trị giá (nếu hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá) cùng các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử kiểm tra theo yêu cầu và thực hiện:

b3.1) Khi được "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản": người khai hải quan nhận 01 tờ khai hải quan điện tử in đã xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", 01 tờ khai trị giá (nếu có) và 01 Phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy. Khi mang hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư 196/2012/TT-BTC;

b3.2) Khi được yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để cơ quan Hải quan kiểm tra: người khai hải quan thực hiện các công việc quy định tại điểm b4 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

b4) Trường hợp tờ khai hải quan được cơ quan Hải quan yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để kiểm tra: người khai hải quan nộp, xuất trình 02 tờ khai hải quan điện tử in, 02 tờ khai trị giá (nếu hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá) cùng toàn bộ các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan theo yêu cầu và hàng hóa nhập khẩu để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử kiểm tra. Khi được quyết định "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", hoặc "Cho phép hàng hóa nhập khẩu chuyển cửa khẩu", người khai hải quan nhận 01 tờ khai hải quan điện tử in đã quyết định "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" hoặc "Cho phép hàng hóa nhập khẩu chuyển cửa khẩu", 01 phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy, 01 phiếu ghi kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa (trừ trường hợp hàng nhập khẩu xin chuyển cửa khẩu), 01 tờ khai trị giá (nếu có). Khi mang hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

4. Người khai hải quan được phép chậm nộp bản chính một số chứng từ trong hồ sơ hải quan trừ giấy phép nhập khẩu đối với hàng hóa phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật và phải khai về việc chậm nộp trên tờ khai hải quan điện tử. Người khai hải quan phải nộp các chứng từ được phép chậm

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

nộp trong thời hạn quy định của pháp luật. Trong trường hợp pháp luật không quy định cụ thể thì thời hạn được phép chậm nộp là không quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan điện tử.

*** Đối với cơ quan hải quan:**

Việc tiếp nhận, kiểm tra, cấp số đăng ký, phân luồng tờ khai hải quan điện tử của cơ quan Hải quan được tự động thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp không chấp nhận tờ khai hải quan điện tử, cơ quan Hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gửi "Thông báo từ chối tờ khai hải quan điện tử" trong đó nêu rõ lý do và hướng dẫn người khai hải quan thực hiện các công việc cần thiết để làm tiếp thủ tục hải quan.

Trường hợp chấp nhận tờ khai hải quan điện tử, thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, cơ quan Hải quan cấp số tờ khai hải quan điện tử và phân luồng theo một trong các hình thức sau:

a) Chấp nhận thông tin khai tờ khai hải quan điện tử, cho phép "Thông quan" hay "Giải phóng hàng" hay "Đưa hàng hóa về bảo quản" (gọi tắt là "luồng xanh"); hoặc chấp nhận thông tin khai tờ khai hải quan điện tử, cho phép "Thông quan" hay "Giải phóng hàng" hay "Đưa hàng hóa về bảo quản" với điều kiện phải xuất trình, nộp giấy phép nhập khẩu hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" (gọi tắt là "luồng xanh có điều kiện");

b) Xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa (gọi tắt là "luồng vàng"). Việc kiểm tra chứng từ giấy thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 13 Thông tư 196/2012/TT-BTC;

c) Xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa (gọi tắt là "luồng đỏ"). Việc kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 13 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

- Cách thức thực hiện:

<u>I. Thực hiện theo phương thức thủ công:</u>

Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính

<u>II. Thực hiện theo phương thức điện tử:</u>

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hàng hóa được phân vào luồng vàng hoặc luồng đỏ: thực hiện theo phương thức thủ công.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

I/Thực hiện bằng phương thức thủ công:

- Tờ khai hải quan: 02 bản chính;
- Hóa đơn thương mại: 01 bản chính;
- Vận đơn: 01 bản sao;
- Packinglist (nếu có): 01 bản chính;
- Giấy phép (nếu có): 01 bản chính (nếu nhập khẩu 01 lần); 01 bản sao (nếu nhập khẩu nhiều lần), xuất trình bản chính để đối chiếu.

II/Thực hiện bằng phương thức điện tử:

- Tờ khai hải quan điện tử ở dạng điện tử. Trong trường hợp phải xuất trình, nộp bản giấy theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền, tờ khai hải quan điện tử được in ra giấy theo mẫu Tờ khai hàng hóa nhập khẩu; mẫu Phụ lục tờ khai hàng hóa nhập khẩu, mẫu Tờ khai sửa đổi bổ sung, mẫu Bản kê tại Phụ lục III kèm theo Thông tư 196/2012/TT-BTC (sau đây gọi chung là tờ khai hải quan điện tử in).

Trường hợp một tờ khai hải quan điện tử in có 01 (một) phụ lục, người khai hải quan ký tên, đóng dấu trực tiếp lên bản phụ lục. Trường hợp một tờ khai hải quan điện tử in có nhiều hơn 01 (một) phụ lục thì người khai hải quan ký tên, đóng dấu vào tờ phụ lục cuối cùng và toàn bộ các tờ phụ lục phải đóng dấu giáp lai.

- Các chứng từ khác thuộc hồ sơ hải quan điện tử được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 87/2012/NĐ-CP.

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

- Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất là 08 giờ làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế một phần hàng hóa theo xác xuất.
- Chậm nhất 02 ngày làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế toàn bộ lô hàng.

Trong trường hợp áp dụng hình thức kiểm tra thực tế toàn bộ lô hàng mà lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu có số lượng lớn, việc kiểm tra phức tạp thì thời hạn kiểm tra có thể được gia hạn nhưng không quá 08 giờ làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Hải quan.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thông quan.

- Phí, lệ phí: 20.000đ theo Thông tư số 172/2010/TT-BTC.

- Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Tờ khai hải quan.

- Yêu cầu, điều kiện thực thi thủ tục hành chính (nếu có): Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

+ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

+ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Thông tư số 117/2011/TT-BTC ngày 15/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hóa gia công với thương nhân nước ngoài.

+ Thông tư số 172/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Hải quan.

Mau so 2a, 3a. To khai hai quan.xls

chi tieu thong tin TQDT.doc

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

PHỤ LỤC II. 11

Thủ tục thông báo, điều chỉnh, kiểm tra định mức đối với hàng hóa gia công cho thương nhân nước ngoài (thủ công, điện tử) B-BTC-047940-TT

- Trình tự thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

**** Trách nhiệm của doanh nghiệp***

1. Địa điểm thông báo, điều chỉnh định mức: Tại Chi cục Hải quan nơi quản lý hợp đồng gia công.

2. Thời điểm thông báo định mức:

a) Đối với mã hàng xuất khẩu 01 lần hết lượng hàng của mã hàng đó trong hợp đồng/phụ lục hợp đồng: chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký tờ khai làm thủ tục xuất khẩu mã hàng đó.

b) Đối với mã hàng xuất khẩu nhiều lần hết lượng hàng của mã hàng đó trong hợp đồng/phụ lục hợp đồng: trước hoặc cùng thời điểm đăng ký tờ khai làm thủ tục xuất khẩu lần đầu tiên của mã hàng đó.

3. Thời điểm điều chỉnh định mức:

a) Đối với mã hàng xuất khẩu 01 lần hết lượng hàng của mã hàng đó trong hợp đồng/phụ lục hợp đồng: chậm nhất 05 ngày trước khi làm thủ tục đăng ký tờ khai xuất khẩu.

b) Đối với mã hàng xuất khẩu nhiều lần hết lượng hàng của mã hàng đó trong hợp đồng/phụ lục hợp đồng: chậm nhất 05 ngày trước khi làm thủ tục đăng ký tờ khai xuất khẩu lần cuối cùng của mã hàng (nếu điều chỉnh định mức do nhầm lẫn trong tính toán) hoặc chậm nhất 05 ngày trước khi làm thủ tục đăng ký tờ khai xuất khẩu sản phẩm có điều chỉnh định mức (nếu điều chỉnh với lý do nêu tại điểm b, khoản 4 Điều 9 Thông tư số 117/2011/TT-BTC).

4. Các trường hợp điều chỉnh định mức:

a) Do nhầm lẫn trong tính toán (ví dụ: nhầm lẫn về phương pháp tính; đơn vị tính; về dấu chấm, dấu phẩy; nhầm lẫn kết quả tính).

b) Trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công nếu do thay đổi tính chất nguyên liệu, điều kiện gia công, yêu cầu của từng đơn hàng xuất khẩu dẫn đến thay đổi định mức thực tế (được thoả thuận trong phụ lục hợp đồng gia công) thì thương nhân nộp bảng điều chỉnh định mức mới của mã hàng kèm văn bản nêu rõ lý do gửi Chi cục Hải quan nơi quản lý hợp đồng gia công xem xét, quyết định cụ thể cho từng trường hợp.

**** Trách nhiệm của cơ quan hải quan:***

- Thực hiện tiếp nhận định mức do thương nhân thông báo, điều chỉnh.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

1. Thủ tục thông báo định mức

a) Trách nhiệm của người khai hải quan:

a1) Tạo thông tin về định mức theo đúng các tiêu chí và định dạng chuẩn quy định tại mẫu Định mức thực tế của sản phẩm gia công hoặc mẫu Thông tin về định mức thực tế đối với nguyên liệu trực tiếp tham gia vào sản phẩm xuất

khẩu được tách ra từ nguyên liệu gốc (nguyên liệu thành phần) và gửi đến cơ quan Hải quan qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

a2) Tiếp nhận thông tin phản hồi và thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan tại mẫu Thông báo gia công:

a2.1) Đối với định mức được chấp nhận đăng ký trên cơ sở thông tin khai hải quan điện tử thì người khai hải quan căn cứ định mức đã được chấp nhận đăng ký để thực hiện thủ tục xuất khẩu, người khai hải quan chỉ nộp Bảng định mức in để công chức hải quan xác nhận khi người khai hải quan có yêu cầu;

a2.2) Trường hợp cơ quan Hải quan yêu cầu, người khai hải quan nộp/xuất trình hồ sơ để kiểm tra gồm:

a2.2.1) Bảng định mức gia công in theo mẫu Bảng đăng ký định mức: nộp 02 bản chính;

a2.2.2) Bản giải trình về cơ sở, phương pháp tính định mức của mã hàng kèm theo tài liệu thiết kế kỹ thuật của sản phẩm (như sơ đồ cắt đối với hàng may mặc): nộp 01 bản chụp.

a2.3) Trường hợp cơ quan Hải quan yêu cầu phải kiểm tra thực tế định mức thì người khai hải quan:

Nộp hồ sơ và xuất trình sổ sách, chứng từ có liên quan đến việc xác định định mức của mã sản phẩm doanh nghiệp đã đăng ký;

Xuất trình sản phẩm để kiểm tra.

b) Nhiệm vụ của cơ quan Hải quan:

b1) Cơ quan Hải quan tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký định mức và phản hồi thông tin về kết quả kiểm tra cho người khai hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

b2) Lãnh đạo Chi cục Hải quan nơi quản lý hợp đồng gia công quyết định việc kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế định mức;

b3) Trường hợp có kiểm tra định mức (gồm kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế định mức), công chức hải quan kiểm tra, đăng ký định mức cập nhật kết quả kiểm tra trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan và xác nhận trên Bảng định mức in do người khai hải quan nộp;

2. Thủ tục điều chỉnh định mức: thực hiện tương tự thủ tục thông báo định mức quy định.

- Cách thức thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp kiểm tra hồ sơ định mức và kiểm tra định mức: thực hiện thủ công.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

*** Thành phần hồ sơ:**

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

- Bảng Thông báo định mức từng mã hàng theo mẫu 03/TBĐM-GC/2011 ban hành kèm theo Thông tư số 117/2011/TT-BTC).

- Văn bản giải trình việc điều chỉnh định mức kèm Bảng điều chỉnh định mức từng mã hàng theo mẫu 03/TBĐM-GC/2011 ban hành kèm theo Thông tư số 117/2011/TT-BTC).

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

- Bảng định mức gia công: nộp 02 bản chính;

- Bản giải trình về cơ sở, phương pháp tính định mức của mã hàng kèm theo tài liệu thiết kế kỹ thuật của sản phẩm (như sơ đồ cắt đối với hàng may mặc): nộp 01 bản sao;

- Xuất trình sổ sách, chứng từ có liên quan đến việc xác định định mức của mã sản phẩm doanh nghiệp đã đăng ký (chỉ áp dụng đối với trường hợp kiểm tra thực tế định mức).

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

- Thời hạn giải quyết:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

(1). Thời hạn tiếp nhận định mức và điều chỉnh định mức:

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì cơ quan hải quan thông báo ngay cho thương nhân bằng Phiếu yêu cầu nghiệp vụ để hoàn thiện hồ sơ. Nếu có nhiều hồ sơ tiếp nhận cùng một thời điểm, không thể thông báo ngay cho thương nhân thì chậm nhất 02 giờ làm việc kể từ khi tiếp nhận, cơ quan hải quan thông báo cho thương nhân bằng Phiếu yêu cầu nghiệp vụ để hoàn thiện hồ sơ:

Chậm nhất 08 giờ làm việc kể từ khi thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan hải quan hoàn thành thủ tục tiếp nhận định mức

(2). Thời hạn kiểm tra định mức:

a) Đối với trường hợp kiểm tra trên hồ sơ tại trụ sở cơ quan hải quan: chậm nhất 08 giờ làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm tra phải thực hiện xong việc kiểm tra định mức.

b) Trường hợp một hợp đồng/phụ lục hợp đồng có nhiều mã hàng cần kiểm tra định mức, trong 08 giờ làm việc không thể kiểm tra hết thì được kéo dài sang ngày làm việc tiếp theo nhưng thời gian kéo dài không quá 08 giờ làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm tra;

c) Đối với trường hợp kiểm tra hồ sơ kết hợp với kiểm tra thực tế tại cơ sở sản xuất của thương nhân: chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm tra phải thực hiện xong việc kiểm tra định mức. Trường hợp sản phẩm sản xuất có tính đặc thù cần phối hợp với các cơ quan chuyên ngành thì thời gian kiểm tra không quá 02 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kết quả giám định từ cơ quan chuyên ngành.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

- Thời hạn tiếp nhận định mức:

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Trường hợp định mức chưa hợp lệ hoặc chấp nhận định mức trên cơ sở thông tin định mức thì phản hồi thông tin cho người khai hải quan chậm nhất 02 giờ làm việc kể từ khi tiếp nhận;

Trường hợp phải kiểm tra hồ sơ giấy: chậm nhất 08 giờ làm việc kể từ khi người khai hải quan nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan Hải quan hoàn thành thủ tục kiểm tra định mức.

Trường hợp một hợp đồng/phụ lục hợp đồng có nhiều mã hàng cần kiểm tra định mức, trong 08 giờ làm việc không thể kiểm tra hết thì được kéo dài sang ngày làm việc tiếp theo nhưng thời gian kéo dài không quá 08 giờ làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm tra.

- Đối với trường hợp kiểm tra thực tế định mức trước khi chấp nhận định mức:

Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ khi thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan Hải quan tiến hành xong kiểm tra thực tế định mức và hoàn thành việc đăng ký định mức;

Đối với trường hợp thương nhân có cơ sở sản xuất ở tỉnh, thành phố khác với nơi thông báo định mức thì chậm nhất là 08 ngày làm việc kể từ khi người khai hải quan nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan Hải quan tiến hành xong kiểm tra thực tế định mức và hoàn thành việc đăng ký định mức.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Hải quan.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Cơ quan Giám định.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận thông tin thông báo, điều chỉnh định mức: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hướng dẫn thông báo định mức, điều chỉnh định mức; chấp nhận/ không chấp nhận định mức, điều chỉnh định mức: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan

Tiếp nhận thông tin thông báo, điều chỉnh định mức: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Kiểm tra hướng dẫn thông báo định mức, điều chỉnh định mức; chấp nhận/ không chấp nhận định mức, điều chỉnh định mức: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: được tiếp nhận định mức, tiếp nhận điều chỉnh định mức.

- Phí, lệ phí: Không có

- Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

+ Bảng Thông báo định mức từng mã hàng theo mẫu 03/TBĐM-GC/2011 ban hành kèm theo Thông tư số 117/2011/TT-BTC).

+ Thông tin định mức thực tế của sản phẩm gia công (ban hành theo Thông tư số 196/2012/TT-BTC).

- Yêu cầu, điều kiện thực thi thủ tục hành chính (nếu có): Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

+ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

+ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Thông tư số 117/2011/TT-BTC ngày 15/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hóa gia công với thương nhân nước ngoài.

D:\2011\KSoat TTHC\
Thống kê\TTHC bai bx

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Thủ tục xuất khẩu sản phẩm gia công cho thương nhân nước ngoài (thủ công-điện tử) B-BTC-122103-TT

- Trình tự thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công

*** Đối với người khai hải quan:**

Thương nhân làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm gia công tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký hợp đồng gia công.

*** Đối với cơ quan hải quan**

- Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra điều kiện và đăng ký tờ khai hải quan; kiểm tra hồ sơ và thông quan đối với lô hàng miễn kiểm tra thực tế hàng hóa, trừ việc kiểm tra tính thuế.

- Kiểm tra thực tế và thông quan đối với lô hàng thuộc diện phải kiểm tra thực tế.

- Thu lệ phí hải quan, đóng dấu "Đã làm thủ tục hải quan"; trả tờ khai cho người khai hải quan.

- Phúc tập hồ sơ theo qui định.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử

*** Đối với người khai hải quan:**

1. Tạo thông tin khai tờ khai hải quan điện tử (bao gồm cả tờ khai trị giá trong trường hợp hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá theo quy định hiện hành) trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo đúng các tiêu chí, định dạng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai.

a) Trường hợp người khai hải quan là đại lý làm thủ tục hải quan phải khai rõ nội dung uỷ quyền;

b) Khai hải quan đối với hàng hóa có nhiều hợp đồng/đơn hàng:

b1) Một mặt hàng có nhiều hợp đồng/đơn hàng, cùng điều kiện giao hàng, cùng bán cho một khách hàng và giao hàng một lần thì người khai hải quan được khai trên một tờ khai hoặc nhiều tờ khai hải quan;

b2) Khi khai hải quan, người khai hải quan phải khai đầy đủ số, ngày, tháng, năm của hợp đồng/đơn hàng trên tờ khai hải quan; trường hợp không thể khai hết trên tờ khai hải quan thì lập bản kê chi tiết kèm theo tờ khai hải quan theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư 196/2012/TT-BTC; về lượng hàng thì chỉ cần khai tổng lượng hàng của các hợp đồng/đơn hàng trên tờ khai hàng hóa /nhập khẩu;

d) Hàng hóa thuộc diện được giảm mức thuế suất so với quy định hoặc hưởng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt thì khi khai thuế suất người khai hải quan phải khai cả mức thuế suất trước khi giảm và tỷ lệ phần trăm giảm hoặc thuế suất ưu đãi đặc biệt theo quy định nào;

đ) Đối với hàng hóa nhập khẩu theo giấy phép, hoặc thuộc diện quản lý chuyên ngành hoặc được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt hoặc được miễn, giảm

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp thì khi khai hải quan người khai hải quan phải khai đầy đủ các thông tin liên quan đến các nội dung nêu trên theo đúng các tiêu chí và định dạng quy định tại mẫu Tờ khai hải quan điện tử thuộc Phụ lục I Thông tư 196/2012/TT-BTC.

2. Gửi tờ khai hải quan điện tử đến cơ quan Hải quan qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

3. Tiếp nhận thông tin phản hồi của cơ quan Hải quan và thực hiện theo một trong các trường hợp dưới đây:

a) Khi nhận "Thông báo từ chối tờ khai hải quan điện tử": người khai hải quan thực hiện việc sửa đổi, bổ sung thông tin tờ khai hải quan điện tử hoặc giải trình theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan;

b) Khi nhận "Số tờ khai hải quan điện tử" và "Quyết định hình thức mức độ kiểm tra":

b1) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", người khai hải quan thực hiện:

b1.1) In Tờ khai hải quan điện tử đã được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo mẫu Tờ khai hải quan điện tử in (01 bản); ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan điện tử in;

b1.2) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b1.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC cùng hàng hóa tại khu vực giám sát hải quan có kết nối với Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp thủ tục (nếu có).

Trong thời hạn quy định của pháp luật về lưu giữ hồ sơ hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu, nếu người khai hải quan có nhu cầu xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên tờ khai hải quan điện tử in, người khai hải quan xuất trình tờ khai đã có xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử xác nhận.

Nếu có nhu cầu xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan", người khai hải quan xuất trình 01 tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b1.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để xác nhận sau đó xuất trình tờ khai hải quan điện tử in đã được xác nhận cùng hàng hóa tại khu vực giám sát để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp các thủ tục (nếu có).

b2) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" với điều kiện phải xuất trình, nộp giấy phép hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan", người khai hải quan thực hiện:

b2.1) In tờ khai hải quan điện tử đã được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo mẫu Tờ khai hải quan điện tử in (01 bản); ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan điện tử in;

b2.2) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b2.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC và xuất trình/nộp giấy phép hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản";

b2.3) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu điểm b2.2 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC cùng hàng hóa tại khu vực giám sát hải quan để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp thủ tục (nếu có).

b3) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa: người khai hải quan nộp, xuất trình 02 tờ khai hải quan điện tử in; 02 tờ khai trị giá (nếu hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá) cùng các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử kiểm tra theo yêu cầu và thực hiện:

b3.1) Khi được "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản": người khai hải quan nhận 01 tờ khai hải quan điện tử in đã xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", 01 tờ khai trị giá (nếu có) và 01 Phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy. Khi mang hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư 196/2012/TT-BTC;

b3.2) Khi được yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để cơ quan Hải quan kiểm tra: người khai hải quan thực hiện các công việc quy định tại điểm b4 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

b4) Trường hợp tờ khai hải quan được cơ quan Hải quan yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để kiểm tra: người khai hải quan nộp, xuất trình 02 tờ khai hải quan điện tử in, 02 tờ khai trị giá (nếu hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá) cùng toàn bộ các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan theo yêu cầu và hàng hóa để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử kiểm tra. Khi được quyết định "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", hoặc "Cho phép hàng hóa chuyển cửa khẩu", người khai hải quan nhận 01 tờ khai hải quan điện tử in đã quyết định "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" hoặc

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

"Cho phép hàng hóa chuyển cửa khẩu", 01 phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy, 01 phiếu ghi kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa (trừ trường hợp hàng xin chuyển cửa khẩu), 01 tờ khai trị giá (nếu có). Khi mang hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

4. Người khai hải quan được phép chậm nộp bản chính một số chứng từ trong hồ sơ hải quan trừ giấy phép đối với hàng hóa phải có giấy phép theo quy định của pháp luật và phải khai về việc chậm nộp trên tờ khai hải quan điện tử. Người khai hải quan phải nộp các chứng từ được phép chậm nộp trong thời hạn quy định của pháp luật. Trong trường hợp pháp luật không quy định cụ thể thì thời hạn được phép chậm nộp là không quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan điện tử.

Ngoài ra, thực hiện thêm:

a) Đối với người khai hải quan:

a1) Tạo thông tin theo các tiêu chí và định dạng quy định tại mẫu Nguyên vật liệu gia công tự cung ứng (mua trong nước hoặc nhập khẩu). Tính thuế (nếu có) đối với nguyên liệu, vật tư mua tại Việt Nam để cung ứng cho hợp đồng gia công vào phụ lục tờ khai nếu sản phẩm gia công có sử dụng nguyên liệu, vật tư do bên nhận gia công tự cung ứng và gửi đến cơ quan Hải quan qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

a2) Khai thông tin đến cơ quan Hải quan nếu sản phẩm gia công được cho đối tác thứ ba theo thông báo chỉ định;

a3) Xuất trình mẫu lưu nguyên liệu (đối với trường hợp có lấy mẫu) đối với lô hàng thuộc diện phải kiểm tra thực tế.

*** Đối với cơ quan hải quan:**

Việc tiếp nhận, kiểm tra, cấp số đăng ký, phân luồng tờ khai hải quan điện tử của cơ quan Hải quan được tự động thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp không chấp nhận tờ khai hải quan điện tử, cơ quan Hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gửi "Thông báo từ chối tờ khai hải quan điện tử" trong đó nêu rõ lý do và hướng dẫn người khai hải quan thực hiện các công việc cần thiết để làm tiếp thủ tục hải quan.

Trường hợp chấp nhận tờ khai hải quan điện tử, thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, cơ quan Hải quan cấp số tờ khai hải quan điện tử và phân luồng theo một trong các hình thức sau:

a) Chấp nhận thông tin khai tờ khai hải quan điện tử, cho phép "Thông quan" hay "Giải phóng hàng" hay "Đưa hàng hóa về bảo quản" (gọi tắt là "luồng xanh"); hoặc chấp nhận thông tin khai tờ khai hải quan điện tử, cho phép "Thông quan" hay "Giải phóng hàng" hay "Đưa hàng hóa về bảo quản" với điều kiện phải xuất trình, nộp giấy phép hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được

hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" (gọi tắt là "luồng xanh có điều kiện");

b) Xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa (gọi tắt là "luồng vàng"). Việc kiểm tra chứng từ giấy thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 13 Thông tư 196/2012/TT-BTC;

c) Xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa (gọi tắt là "luồng đỏ"). Việc kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 13 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

Công chức hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa phải đối chiếu mẫu lưu nguyên liệu, với nguyên liệu cấu thành trên sản phẩm, đối chiếu bản định mức (do cơ quan Hải quan nơi đăng ký định mức xác nhận) với sản phẩm thực tế .

- Cách thức thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hàng hóa được phân vào luồng vàng hoặc luồng đỏ: thực hiện theo phương thức thủ công.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

- Tờ khai hải quan: 02 bản chính;
- Bản kê chi tiết hàng hoá trong trường hợp hàng hoá có nhiều chủng loại hoặc đóng gói không đồng nhất: 01 bản chính (nếu có);
- Giấy phép: 01 bản chính (nếu xuất khẩu 01 lần), 01 bản sao (nếu xuất khẩu nhiều lần); xuất trình bản chính để đối chiếu.
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có).

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

- Tờ khai hải quan điện tử ở dạng điện tử. Trong trường hợp phải xuất trình, nộp bản giấy theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền, tờ khai hải quan điện tử được in ra giấy theo mẫu Tờ khai hàng hóa nhập khẩu; mẫu Phụ lục tờ khai hàng hóa nhập khẩu, mẫu Tờ khai sửa đổi bổ sung, mẫu Bản kê tại Phụ lục III kèm theo Thông tư 196/2012/TT-BTC (sau đây gọi chung là tờ khai hải quan điện tử in).

Trường hợp một tờ khai hải quan điện tử in có 01 (một) phụ lục, người khai hải quan ký tên, đóng dấu trực tiếp lên bản phụ lục. Trường hợp một tờ khai hải quan điện tử in có nhiều hơn 01 (một) phụ lục thì người khai hải quan ký tên, đóng dấu vào tờ phụ lục cuối cùng và toàn bộ các tờ phụ lục phải đóng dấu giáp lai.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

- Các chứng từ khác thuộc hồ sơ hải quan điện tử được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 87/2012/NĐ-CP.

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

- Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất là 08 giờ làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế một phần hàng hóa theo xác xuất.

- Chậm nhất 02 ngày làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế toàn bộ lô hàng.

Trong trường hợp áp dụng hình thức kiểm tra thực tế toàn bộ lô hàng mà lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu có số lượng lớn, việc kiểm tra phức tạp thì thời hạn kiểm tra có thể được gia hạn nhưng không quá 08 giờ làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Hải quan.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: lô hàng được thông quan.

- Phí, lệ phí: 20.000 đồng

- Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Tờ khai hải quan.

- Yêu cầu, điều kiện thực thi thủ tục hành chính (nếu có): Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật

Hải quan;

+ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

+ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Thông tư số 117/2011/TT-BTC ngày 15/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hóa gia công với thương nhân nước ngoài.

+ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 172/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Hải quan.

To khai xuat khau.doc

To khai tri gia tinh thue hang nhap khau

D:\Bo TTHC\BAN PHAT HANH THONG T

D:\Bo TTHC\BAN PHAT HANH THONG T

www.LuatVietnam.vn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

PHỤ LỤC II. 13

Thủ tục thanh khoản hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài (thủ công - điện tử) B-BTC-118536-TT

- Trình tự thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công

*** Trách nhiệm của người khai hải quan:**

Chậm nhất 45 ngày làm việc, kể từ ngày hợp đồng gia công (hoặc phụ lục hợp đồng gia công) kết thúc hoặc hết hiệu lực, thương nhân nộp đủ hồ sơ thanh khoản hợp đồng gia công (bao gồm cả phương án giải quyết nguyên liệu, vật tư dư thừa, máy móc, thiết bị tạm nhập, phế liệu, phế phẩm, phế thải) cho Chi cục Hải quan quản lý hợp đồng gia công.

Đối với những hợp đồng gia công tách ra thành nhiều phụ lục để thực hiện thì thời hạn nộp hồ sơ thanh khoản đối với từng phụ lục hợp đồng gia công thực hiện như thời hạn nộp hồ sơ thanh khoản hợp đồng gia công.

*** Trách nhiệm của cơ quan hải quan:**

- Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ thanh khoản:

a) Kiểm tra, đối chiếu sơ bộ áp dụng cho thương nhân chấp hành tốt pháp luật hải quan: kiểm tra tính đầy đủ, đồng bộ, hợp lệ của bộ hồ sơ thanh khoản; đối chiếu sơ bộ bảng biểu thanh khoản (mẫu 06/HSTK-GC/2011, mẫu 07/HSTK-GC/2011, mẫu 08/SPHC-GC/2011-Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 117) do thương nhân nộp với bảng biểu thanh khoản trên máy.

Tiêu chí xác định thương nhân chấp hành tốt pháp luật về hải quan để phân loại hồ sơ thanh khoản là thương nhân đáp ứng các điều kiện sau:

a1) Chấp hành tốt pháp luật về hải quan theo hướng dẫn tại Điều 3 Thông tư số 194/2010/TT-BTC;

a2) Tại thời điểm nộp hồ sơ thanh khoản không còn hợp đồng/phụ lục hợp đồng gia công quá hạn chưa thanh khoản;

a3) Thương nhân không bị xử lý vi phạm về thanh khoản hợp đồng gia công trong khoảng thời gian kể từ ngày đăng ký tờ khai hàng hoá xuất khẩu cuối cùng của hợp đồng/phụ lục hợp đồng đến thời điểm thanh khoản hợp đồng/phụ lục hợp đồng gia công.

b) Kiểm tra, đối chiếu chi tiết hồ sơ thanh khoản áp dụng đối với trường hợp:

b1) Hồ sơ thanh khoản của thương nhân không chấp hành tốt pháp luật về hải quan.

b2) Hồ sơ thanh khoản của thương nhân chấp hành tốt pháp luật về hải quan nhưng có dấu hiệu nghi vấn (về nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, về định mức, về xuất khẩu sản phẩm, các nghi vấn phát hiện qua đối chiếu sơ bộ hồ sơ thanh khoản).

b3) Kiểm tra xác suất 05% hợp đồng gia công của thương nhân chấp hành tốt pháp luật hải quan (không kể những hồ sơ đã kiểm tra chi tiết ở tiết b2, điểm b, khoản 3, Điều này) để đánh giá việc tuân thủ pháp luật của thương nhân. Cách

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

tính 05% lấy theo tổng số hợp đồng gia công đã thanh khoản của thương nhân chấp hành tốt pháp luật về hải quan của năm trước liền kề, nếu kết quả nhỏ hơn 01 hợp đồng thì lấy tròn 01 hợp đồng.

b4) Đối với trường hợp nêu tại tiết b1, b2, điểm b, khoản 3, Điều 21 Thông tư 117/2011/TT-BTC thì thương nhân xuất trình bản chính tờ khai hàng hoá xuất khẩu (bản lưu người khai hải quan) và vận tải đơn/chứng từ vận tải (bản sao có xác nhận của chính thương nhân, xuất trình bản chính để đối chiếu) xác định hàng hoá đã xếp lên phương tiện vận tải xuất cảnh để cơ quan hải quan kiểm tra, đối chiếu với bảng kê tờ khai xuất khẩu.

- Thời hạn tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu hồ sơ thanh khoản:

a) Đối với hợp đồng/phụ lục hợp đồng thuộc diện kiểm tra sơ bộ:

Chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ thanh khoản đầy đủ, hợp lệ, công chức hải quan hoàn thành việc đối chiếu sơ bộ và xác nhận thanh khoản cho thương nhân; nếu qua kiểm tra sơ bộ phát hiện có nghi vấn nêu tại tiết b2, điểm b, khoản 3, Điều này thì chuyển sang kiểm tra chi tiết hồ sơ thanh khoản và thông báo rõ lý do cho thương nhân biết trong Phiếu yêu cầu nghiệp vụ;

Ưu tiên tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu trước đối với thương nhân ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý, theo dõi hàng gia công và kết nối được với cơ quan hải quan.

b) Đối với hợp đồng/phụ lục hợp đồng thuộc diện kiểm tra, đối chiếu chi tiết:

Chậm nhất 30 ngày làm việc kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ thanh khoản đầy đủ, hợp lệ, công chức Hải quan hoàn thành việc tiếp nhận, kiểm tra chi tiết, đối chiếu hồ sơ thanh khoản.

c) Việc kiểm tra hồ sơ thanh khoản do thương nhân nộp, xuất trình nêu tại các điểm a, b khoản 4, Điều 21 Thông tư 117/2011/TT-BTC được thực hiện tại cơ quan hải quan. Trường hợp lượng hồ sơ thanh khoản nhiều và thương nhân có văn bản đề nghị được thực hiện kiểm tra hồ sơ thanh khoản tại trụ sở thương nhân thì Lãnh đạo Chi cục Hải quan quản lý hợp đồng gia công xem xét, quyết định.

- Thời hạn làm thủ tục hải quan đối với nguyên liệu, vật tư dư thừa; máy móc, thiết bị tạm nhập; phế liệu, phế phẩm, phế thải:

Chậm nhất 30 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan hải quan hoàn thành việc kiểm tra, đối chiếu hồ sơ thanh khoản, thương nhân làm thủ tục hải quan để giải quyết số nguyên liệu, vật tư dư thừa; máy móc, thiết bị tạm nhập; phế liệu, phế phẩm, phế thải (nếu có).

- Xác nhận hoàn thành thủ tục thanh khoản:

a) Đối với hợp đồng/phụ lục hợp đồng gia công không có nguyên liệu, vật tư dư thừa; máy móc, thiết bị thuê, mượn; phế liệu, phế thải:

Chậm nhất 01 ngày làm việc (đối với hồ sơ thanh khoản thuộc diện kiểm tra sơ bộ) hoặc 03 ngày làm việc (đối với hồ sơ thanh khoản thuộc diện kiểm tra chi tiết) sau khi hoàn thành việc kiểm tra, đối chiếu hồ sơ thanh khoản, lãnh đạo Chi cục xác nhận hoàn thành thủ tục thanh khoản vào Bảng thanh khoản hợp đồng gia công mẫu 06/HSTK-GC/2011-Phụ lục II, Bảng thanh khoản máy móc,

thiết bị tạm nhập, tái xuất mẫu 07/HSTK-GC/2011-Phụ lục II, Bảng thống kê sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để gắn hoặc đóng chung với sản phẩm gia công xuất khẩu mẫu 08/SPHC-GC/2011-Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 117/2011/TT-BTC.

b) Đối với hợp đồng/phụ lục hợp đồng gia công có nguyên liệu, vật tư dư thừa; máy móc, thiết bị thuê, mượn; phế liệu, phế thải:

Chậm nhất 01 ngày làm việc (đối với hồ sơ thanh khoản thuộc diện kiểm tra sơ bộ) hoặc 03 ngày làm việc (đối với hồ sơ thanh khoản thuộc diện kiểm tra chi tiết) sau khi hoàn thành thủ tục hải quan đối với nguyên liệu, vật tư dư thừa; máy móc, thiết bị thuê, mượn; phế liệu, phế phẩm, phế thải, lãnh đạo Chi cục xác nhận hoàn thành thủ tục thanh khoản vào Bảng thanh khoản hợp đồng gia công mẫu 06/HSTK-GC/2011-Phụ lục II, Bảng thanh khoản máy móc, thiết bị tạm nhập, tái xuất mẫu 07/HSTK-GC/2011-Phụ lục II, Bảng thống kê sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để gắn hoặc đóng chung với sản phẩm gia công xuất khẩu mẫu 08/SPHC-GC/2011-Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 117/2011/TT-BTC.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử

*** Trách nhiệm của người khai hải quan:** Khai và gửi yêu cầu thanh khoản

Thương nhân nhận gia công khai, gửi yêu cầu thanh khoản theo các tiêu chí và định dạng chuẩn quy định tại mẫu Yêu cầu thanh khoản gia công tới Chi cục Hải quan quản lý hợp đồng gia công qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; trong đó có nội dung về hướng xử lý đối với số nguyên liệu, vật tư dư thừa; máy móc, thiết bị tạm nhập; phế liệu, phế phẩm (nếu có).

*** Trách nhiệm của cơ quan hải quan**

Tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu hồ sơ thanh khoản

Cơ quan Hải quan nơi quản lý hợp đồng gia công tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu thông tin liên quan đến yêu cầu thanh khoản trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

a) Đối với thương nhân đáp ứng các tiêu chí xác định thương nhân chấp hành tốt pháp luật về hải quan để phân loại hồ sơ thanh khoản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 21 Thông tư số 117/2011/TT-BTC:

a1) Nếu kết quả kiểm tra phù hợp thì phản hồi thông báo chấp nhận kết quả thanh khoản theo mẫu Thông báo gia công cho người khai hải quan;

a2) Nếu kết quả kiểm tra không phù hợp thì yêu cầu thương nhân nộp hồ sơ thanh khoản bản giấy theo quy định để kiểm tra chi tiết; phản hồi thông tin, nêu rõ lý do cho người khai hải quan theo mẫu Thông báo gia công.

b) Đối với thương nhân không đáp ứng các tiêu chí xác định thương nhân chấp hành tốt pháp luật về hải quan để phân loại hồ sơ thanh khoản hoặc thương nhân chấp hành tốt pháp luật về hải quan nhưng có dấu hiệu nghi vấn hoặc đối với trường hợp kiểm tra xác suất 5% hợp đồng gia công của thương nhân chấp

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

hành tốt pháp luật hải quan để đánh giá việc tuân thủ pháp luật của thương nhân thì sau khi kiểm tra, đối chiếu thông tin yêu cầu thanh khoản trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, yêu cầu người khai hải quan nộp hồ sơ thanh khoản theo quy định để kiểm tra chi tiết hồ sơ và phản hồi thông tin, nêu rõ lý do cho người khai hải quan theo mẫu Thông báo gia công.

- Cách thức thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công: Thương nhân nộp hồ sơ thanh khoản tại Chi cục Hải quan nơi quản lý hợp đồng gia công.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Kiểm tra hồ sơ thanh khoản: thực hiện theo phương thức thủ công.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Bảng tổng hợp nguyên liệu, vật tư nhập khẩu theo mẫu 01/HSTK-GC/2011-Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 117/2011/TT-BTC: nộp 01 bản chính;

b) Bảng tổng hợp sản phẩm gia công xuất khẩu theo mẫu 02/HSTK-GC/2011-Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 117/2011/TT-BTC: nộp 01 bản chính;

c) Bảng kê tờ khai xuất khẩu sản phẩm gia công (bao gồm cả tờ khai xuất nhập khẩu tại chỗ; tờ khai giao nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp) đã làm xong thủ tục hải quan, đủ cơ sở xác định hàng hoá đã xuất khẩu theo hướng dẫn tại Điều 26 Thông tư số 194/2010/TT-BTC, theo mẫu 09/HSTK-GC/2011-Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 117/2011/TT-BTC): nộp 01 bản chính;

d) Bảng tổng hợp nguyên liệu, vật tư xuất trả ra nước ngoài và chuyển sang hợp đồng gia công khác trong khi đang thực hiện hợp đồng gia công theo mẫu 03/HSTK-GC/2011-Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 117/2011/TT-BTC: nộp 01 bản chính;

đ) Bảng tổng hợp nguyên liệu, vật tư do bên nhận gia công cung ứng (nếu có) theo mẫu 04/HSTK-GC/2011-Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 117/2011/TT-BTC: nộp 01 bản chính;

e) Bảng tổng hợp nguyên liệu, vật tư đã sử dụng để sản xuất thành sản phẩm xuất khẩu theo mẫu 05/HSTK-GC/2011-Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 117/2011/TT-BTC: nộp 01 bản chính;

g) Bảng thanh khoản hợp đồng gia công theo mẫu 06/HSTK-GC/2011-Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 117/2011/TT-BTC: nộp 02 bản chính (trả thương nhân 01 bản sau khi thanh khoản);

h) Bảng tổng hợp máy móc, thiết bị tạm nhập, tái xuất theo mẫu 07/HSTK-GC/2011-Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 117/2011/TT-BTC: nộp 02 bản chính (trả thương nhân 01 bản sau khi thanh khoản);

i) Tờ khai tạm nhập máy móc, thiết bị thuê, mượn; tờ khai nhận máy móc, thiết bị từ hợp đồng gia công khác (nếu có); tờ khai tái xuất máy móc, thiết bị: xuất trình bản chính (bản lưu người khai hải quan);

k) Bảng thống kê sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để gắn hoặc đóng chung với sản phẩm gia công xuất khẩu (nếu có) theo mẫu 08/SPHC-GC/2011-Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 117/2011/TT-BTC: nộp 02 bản chính (trả thương nhân 01 bản sau khi thanh khoản).

II. Thực hiện theo phương thức điện tử: Yêu cầu thanh khoản gia công: 01 bản điện tử

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

- Thời hạn giải quyết:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

(1). Thời hạn tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu hồ sơ thanh khoản:

a) Đối với hợp đồng/phụ lục hợp đồng thuộc diện kiểm tra sơ bộ:

Chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ thanh khoản đầy đủ, hợp lệ, công chức hải quan hoàn thành việc đối chiếu sơ bộ và xác nhận thanh khoản cho thương nhân; nếu qua kiểm tra sơ bộ phát hiện có nghi vấn nêu tại tiết b2, điểm b, khoản 3, Điều này thì chuyển sang kiểm tra chi tiết hồ sơ thanh khoản và thông báo rõ lý do cho thương nhân biết trong Phiếu yêu cầu nghiệp vụ;

Ưu tiên tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu trước đối với thương nhân ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý, theo dõi hàng gia công và kết nối được với cơ quan hải quan.

b) Đối với hợp đồng/phụ lục hợp đồng thuộc diện kiểm tra, đối chiếu chi tiết:

Chậm nhất 30 ngày làm việc kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ thanh khoản đầy đủ, hợp lệ, công chức Hải quan hoàn thành việc tiếp nhận, kiểm tra chi tiết, đối chiếu hồ sơ thanh khoản.

c) Việc kiểm tra hồ sơ thanh khoản do thương nhân nộp, xuất trình nêu tại các điểm a, b khoản 4, Điều 21 Thông tư số 117/2011/TT-BTC được thực hiện tại cơ quan hải quan. Trường hợp lượng hồ sơ thanh khoản nhiều và thương nhân có văn bản đề nghị được thực hiện kiểm tra hồ sơ thanh khoản tại trụ sở thương nhân thì Lãnh đạo Chi cục Hải quan quản lý hợp đồng gia công xem xét, quyết định.

(2). Thời hạn xác nhận hoàn thành thủ tục thanh khoản:

a) Đối với hợp đồng/phụ lục hợp đồng gia công không có nguyên liệu, vật tư dư thừa; máy móc, thiết bị thuê, mượn; phế liệu, phế thải:

Chậm nhất 01 ngày làm việc (đối với hồ sơ thanh khoản thuộc diện kiểm tra sơ bộ) hoặc 03 ngày làm việc (đối với hồ sơ thanh khoản thuộc diện kiểm tra chi tiết) sau khi hoàn thành việc kiểm tra, đối chiếu hồ sơ thanh khoản, lãnh đạo Chi cục xác nhận hoàn thành thủ tục thanh khoản vào Bảng thanh khoản hợp đồng gia công mẫu 06/HSTK-GC/2011-Phụ lục II, Bảng thanh khoản máy móc, thiết bị tạm nhập, tái xuất mẫu 07/HSTK-GC/2011-Phụ lục II, Bảng thống kê sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để gắn hoặc đóng chung với sản phẩm gia công

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

xuất khẩu mẫu 08/SPHC-GC/2011-Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 117/2011/TT-BTC.

b) Đối với hợp đồng/phụ lục hợp đồng gia công có nguyên liệu, vật tư dư thừa; máy móc, thiết bị thuê, mượn; phế liệu, phế thải:

Chậm nhất 01 ngày làm việc (đối với hồ sơ thanh khoản thuộc diện kiểm tra sơ bộ) hoặc 03 ngày làm việc (đối với hồ sơ thanh khoản thuộc diện kiểm tra chi tiết) sau khi hoàn thành thủ tục hải quan đối với nguyên liệu, vật tư dư thừa; máy móc, thiết bị thuê, mượn; phế liệu, phế phẩm, phế thải, lãnh đạo Chi cục xác nhận hoàn thành thủ tục thanh khoản vào Bảng thanh khoản hợp đồng gia công mẫu 06/HSTK-GC/2011-Phụ lục II, Bảng thanh khoản máy móc, thiết bị tạm nhập, tái xuất mẫu 07/HSTK-GC/2011-Phụ lục II, Bảng thống kê sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để gắn hoặc đóng chung với sản phẩm gia công xuất khẩu mẫu 08/SPHC-GC/2011-Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 117/2011/TT-BTC.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

(1). Thời hạn tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu hồ sơ thanh khoản

a) Đối với trường hợp thuộc diện kiểm tra, đối chiếu thông tin liên quan đến yêu cầu thanh khoản trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan:

Chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu thanh khoản của người khai hải quan, công chức hải quan hoàn thành việc kiểm tra, đối chiếu thông tin liên quan đến yêu cầu thanh khoản.

b) Đối với trường hợp thuộc diện kiểm tra, đối chiếu chi tiết hồ sơ thanh khoản do người khai hải quan nộp:

Chậm nhất 30 ngày làm việc kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ thanh khoản đầy đủ, hợp lệ, công chức hải quan hoàn thành việc tiếp nhận, kiểm tra chi tiết, đối chiếu hồ sơ thanh khoản.

(2). Thời hạn xác nhận hoàn thành thủ tục thanh khoản:

a) Trường hợp hợp đồng/phụ lục hợp đồng không có nguyên liệu, vật tư dư thừa; máy móc, thiết bị thuê, mượn; phế liệu, phế thải:

Chậm nhất 01 ngày làm việc sau khi hoàn thành việc kiểm tra, đối chiếu, lãnh đạo Chi cục xác nhận hoàn thành thủ tục thanh khoản trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan và xác nhận trên hồ sơ thanh khoản trong trường hợp có kiểm tra hồ sơ thanh khoản.

b) Trường hợp hợp đồng/phụ lục hợp đồng gia công có nguyên liệu, vật tư dư thừa; máy móc, thiết bị thuê, mượn; phế liệu, phế thải:

Chậm nhất 03 ngày làm việc sau khi nhận được văn bản thông báo đã hoàn thành thủ tục hải quan đối với nguyên liệu, vật tư dư thừa; máy móc, thiết bị thuê, mượn; phế liệu, phế phẩm, phế thải, lãnh đạo Chi cục xác nhận hoàn thành thủ tục thanh khoản trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan và xác nhận trên hồ sơ thanh khoản trong trường hợp có kiểm tra hồ sơ thanh khoản.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Hải quan.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận thông tin thanh khoản: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hướng dẫn thanh khoản, chấp nhận/ không chấp nhận thanh khoản: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan

Tiếp nhận thông tin thanh khoản: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hướng dẫn thanh khoản, chấp nhận/ không chấp nhận thanh khoản: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: hợp đồng gia công được thanh khoản.

- Phí, lệ phí: Không có

- Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Bảng tổng hợp nguyên liệu, vật tư nhập khẩu theo mẫu 01/HSTK-GC/2011

b) Bảng tổng hợp sản phẩm gia công xuất khẩu theo mẫu 02/HSTK-GC/2011

c) Bảng kê tờ khai xuất khẩu sản phẩm gia công (bao gồm cả tờ khai xuất nhập khẩu tại chỗ; tờ khai giao nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp) đã làm xong thủ tục hải quan, đủ cơ sở xác định hàng hoá đã xuất khẩu theo hướng dẫn tại Điều 26 Thông tư số 194/2010/TT-BTC, theo mẫu 09/HSTK-GC/2011

d) Bảng tổng hợp nguyên liệu, vật tư xuất trả ra nước ngoài và chuyển sang hợp đồng gia công khác trong khi đang thực hiện hợp đồng gia công theo mẫu 03/HSTK-GC/2011

đ) Bảng tổng hợp nguyên liệu, vật tư do bên nhận gia công cung ứng (nếu có) theo mẫu 04/HSTK-GC/2011

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

e) Bảng tổng hợp nguyên liệu, vật tư đã sử dụng để sản xuất thành sản phẩm xuất khẩu theo mẫu 05/HSTK-GC/2011

g) Bảng thanh khoản hợp đồng gia công theo mẫu 06/HSTK-GC/2011

h) Bảng tổng hợp máy móc, thiết bị tạm nhập, tái xuất theo mẫu 07/HSTK-GC/2011

i) Bảng thống kê sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để gắn hoặc đóng chung với sản phẩm gia công xuất khẩu (nếu có) theo mẫu 08/SPHC-GC/2011.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

Yêu cầu thanh khoản (Ban hành theo Thông tư 196/2012/TT-BTC ngày 15/12/2012).

- Yêu cầu, điều kiện thực thi thủ tục hành chính (nếu có): Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

+ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

+ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Thông tư số 117/2011/TT-BTC ngày 15/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hóa gia công với thương nhân nước ngoài.

+ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại.

D:\2011\KSoat TTHC\Thống kê\TTHC bai bc

D:\Bo TTHC\BAN PHAT HANH THONG T

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Thủ tục hải quan xử lý nguyên vật liệu dư thừa; phế liệu, phế phẩm, phế thải; máy móc, thiết bị thuê mượn (thủ công-điện tử) B-BTC-052486-TT

- Trình tự thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công

*** Trách nhiệm của doanh nghiệp:**

Thực hiện thủ tục xử lý nguyên vật liệu dư thừa; phế liệu, phế phẩm, phế thải; máy móc, thiết bị tạm xuất phục vụ gia công tại Chi cục Hải quan nơi quản lý hợp đồng gia công, gồm:

1. Bán tại thị trường Việt Nam (thực hiện theo phương thức xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ);

2. Xuất khẩu trả ra nước ngoài (thực hiện như thủ tục xuất khẩu thương mại);

3. Chuyển sang thực hiện hợp đồng gia công khác tại Việt Nam (thực hiện như thủ tục giao nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp);

4. Biếu, tặng tại Việt Nam (thực hiện theo phương thức xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ);

5. Tiêu huỷ tại Việt Nam.

*** Trách nhiệm của cơ quan hải quan:**

Thực hiện thủ tục hải quan phù hợp đối với từng hình thức xử lý.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử

*** Trách nhiệm của doanh nghiệp:**

Theo sự thoả thuận trong hợp đồng gia công và quy định của pháp luật, người khai hải quan quyết định phương thức xử lý nguyên liệu, vật tư dư thừa, phế liệu, phế phẩm, máy móc, thiết bị thuê mượn theo các hình thức sau:

1. Bán tại thị trường Việt Nam: thủ tục hải quan thực hiện theo phương thức xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ quy định tại Điều 47 Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại.

2. Xuất khẩu trả ra nước ngoài: thủ tục hải quan xuất trả nguyên liệu, vật tư dư thừa, phế liệu, phế phẩm; máy móc, thiết bị thuê mượn ra nước ngoài thực hiện như đối với lô hàng xuất khẩu theo hợp đồng mua bán quy định tại Chương III Thông tư 196/2012/TT-BTC. Công chức hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa phải đối chiếu nguyên liệu xuất trả với mẫu lưu nguyên liệu lấy khi nhập khẩu; đối chiếu chủng loại, ký mã hiệu của máy móc thiết bị ghi trên tờ khai tạm nhập hoặc tờ khai chuyển tiếp gần nhất với máy móc thiết bị tái xuất.

3. Chuyển sang thực hiện hợp đồng gia công khác tại Việt Nam: thủ tục hải quan chuyển nguyên liệu, vật tư dư thừa, máy móc, thiết bị sang hợp đồng gia công khác thực hiện như thủ tục hải quan giao nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp hướng dẫn tại Điều 29 Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

4. Thủ tục hải quan biếu, tặng máy móc, thiết bị thuê, mượn; nguyên liệu, vật tư dư thừa; phế liệu, phế phẩm; thủ tục tiêu hủy phế liệu, phế phẩm tại Việt Nam và thủ tục xử lý đối với nguyên liệu, vật tư dư thừa do thương nhân tự cung ứng bằng hình thức nhập khẩu từ nước ngoài theo loại hình gia công: thực hiện theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 và khoản 3 Điều 23 Thông tư 117/2011/TT-BTC.

*** Trách nhiệm của cơ quan hải quan:**

Thực hiện thủ tục hải quan phù hợp đối với từng hình thức xử lý.

- Cách thức thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hàng hóa được phân vào luồng vàng hoặc luồng đỏ: thực hiện theo phương thức thủ công.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

1. Bán tại Việt Nam: Hồ sơ như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ;

2. Xuất trả ra nước ngoài: Hồ sơ như đối với hàng hóa xuất khẩu thương mại;

3. Chuyển sang thực hiện hợp đồng gia công khác: Hồ sơ như thủ tục giao nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp;

4. Biếu tặng tại Việt Nam: Hồ sơ như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ;và văn bản biếu, tặng của bên đặt gia công: nộp 01 bản chính; Văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương nếu hàng biếu tặng thuộc danh mục hàng hoá nhập khẩu theo giấy phép của Bộ Công Thương; văn bản cho phép của cơ quan chuyên ngành nếu hàng nhập khẩu phải có giấy phép của cơ quan chuyên ngành: nộp 01 bản chính.

5. Tiêu huỷ tại Việt Nam: Văn bản đề nghị tiêu hủy

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

- Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan: ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan đúng quy định của pháp luật (Khoản 1, Điều 19 Luật Hải quan)

- Thời hạn hoàn thành thành kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải (tính từ thời điểm người khai hải quan đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu về làm thủ tục hải quan theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Hải quan):

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

+ Chậm nhất là 08 giờ làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế một phần hàng hóa theo xác suất;

+ Chậm nhất là 02 ngày làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thực kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa.

Trong trường hợp áp dụng hình thức kiểm tra thực tế tòan bộ hàng hóa mà lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu có số lượng lớn, việc kiểm tra phức tạp thì thời hạn kiểm tra có thể được gia hạn nhưng không quá 08 giờ làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi Cục Hải quan.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: nguyên vật liệu dư thừa; phế liệu, phế phẩm, phế thải; máy móc, thiết bị thuê, mượn được xử lý theo qui định.

- Phí, lệ phí: 20.000 đồng theo Thông tư số 172/2010/TT-BTC.

- Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Đối chiếu thủ tục tương ứng với hình thức xử lý.

- Yêu cầu, điều kiện thực thi thủ tục hành chính (nếu có): Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

+ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

+ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Thông tư số 117/2011/TT-BTC ngày 15/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hóa gia công với thương nhân nước ngoài.

+ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 172/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Hải quan.

www.LuatVietnam.vn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ (thủ công - điện tử) B-BTC-040422-TT

- Trình tự thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày doanh nghiệp xuất khẩu ký xác nhận giao hàng cho doanh nghiệp nhập khẩu vào 04 tờ khai hải quan, doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ và doanh nghiệp xuất khẩu tại chỗ phải làm thủ tục hải quan.

Nếu quá thời hạn trên, doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ đã hoàn thành thủ tục hải quan nhưng doanh nghiệp xuất khẩu tại chỗ chưa làm thủ tục hải quan thì Hải quan làm thủ tục xuất khẩu tại chỗ lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính về hải quan đối với doanh nghiệp xuất khẩu tại chỗ, làm tiếp thủ tục hải quan, không huỷ tờ khai.

2. Thủ tục hải quan nhập khẩu tại chỗ

a) Trách nhiệm của doanh nghiệp xuất khẩu:

a.1) Kê khai đầy đủ các tiêu chí dành cho doanh nghiệp xuất khẩu trên 04 tờ khai, ký tên, đóng dấu;

a.2) Giao 04 tờ khai hải quan, hàng hoá và hoá đơn giá trị gia tăng (liên giao cho người mua, trên hoá đơn ghi rõ tên thương nhân nước ngoài, tên doanh nghiệp nhập khẩu) cho doanh nghiệp nhập khẩu.

b) Trách nhiệm của doanh nghiệp nhập khẩu:

b.1) Sau khi đã nhận đủ 04 tờ khai hải quan, doanh nghiệp nhập khẩu khai đầy đủ các tiêu chí dành cho doanh nghiệp này trên 04 tờ khai hải quan;

b.2) Nhận và bảo quản hàng hoá do doanh nghiệp xuất khẩu tại chỗ giao cho đến khi Chi cục Hải quan làm thủ tục nhập khẩu tại chỗ quyết định hình thức, mức độ kiểm tra hải quan;

Đối với trường hợp hàng hoá thuộc diện miễn kiểm tra thực tế thì được đưa ngay vào sản xuất; đối với trường hợp hàng hoá thuộc diện phải kiểm tra thực tế thì sau khi kiểm tra xong mới được đưa vào sản xuất.

b.3) Nộp hồ sơ hải quan và mẫu hàng hoá nhập khẩu tại chỗ (đối với hàng nhập khẩu tại chỗ làm nguyên liệu để gia công, sản xuất xuất khẩu) cho Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu để làm thủ tục nhập khẩu tại chỗ theo quy định, phù hợp với từng loại hình nhập khẩu;

b.4) Sau khi làm xong thủ tục nhập khẩu tại chỗ, doanh nghiệp nhập khẩu lưu 01 tờ khai; chuyển 02 tờ khai còn lại cho doanh nghiệp xuất khẩu.

c) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan làm thủ tục nhập khẩu tại chỗ:

c.1) Tiếp nhận, đăng ký tờ khai, quyết định hình thức, mức độ kiểm tra theo quy định phù hợp với từng loại hình, kiểm tra tính thuế (đối với hàng có thuế) theo quy định hiện hành đối với hàng nhập khẩu. Niêm phong mẫu (nếu có) giao doanh nghiệp tự bảo quản để xuất trình cho cơ quan hải quan khi có yêu cầu;

c.2) Tiến hành kiểm tra hàng hoá đối với trường hợp phải kiểm tra;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

c.3) Xác nhận đã làm thủ tục hải quan, ký tên và đóng dấu công chức vào cả 04 tờ khai;

c.4) Lưu 01 tờ khai và chứng từ doanh nghiệp phải nộp, trả lại cho doanh nghiệp nhập khẩu 03 tờ khai và các chứng từ doanh nghiệp xuất trình;

c.5) Có văn bản thông báo (mẫu 05-TBXNKTC/2010 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 194/2010/TT-BTC) cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ biết để theo dõi hoặc thông báo gửi qua mạng máy tính nếu giữa Chi cục Hải quan làm thủ tục nhập khẩu và cơ quan thuế địa phương đã nối mạng.

3. Thủ tục hải quan xuất khẩu tại chỗ

a) Sau khi nhận được 02 tờ khai xuất khẩu-nhập khẩu tại chỗ đã có xác nhận của Hải quan làm thủ tục nhập khẩu, doanh nghiệp xuất khẩu nộp hồ sơ hải quan cho Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp làm thủ tục xuất khẩu để làm thủ tục xuất khẩu tại chỗ.

b) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan làm thủ tục xuất khẩu tại chỗ:

b.1) Tiếp nhận hồ sơ hải quan xuất khẩu tại chỗ;

b.2) Tiến hành các bước đăng ký tờ khai theo quy định, phù hợp từng loại hình xuất khẩu, nhập khẩu; kiểm tra tính thuế (nếu có). Xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan, ký, đóng dấu công chức vào tờ khai hải quan;

b.3) Lưu 01 tờ khai cùng các chứng từ doanh nghiệp nộp, trả doanh nghiệp 01 tờ khai và các chứng từ do doanh nghiệp xuất trình.

4. Trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu tại chỗ và doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ đều làm thủ tục tại một Chi cục Hải quan, thì Chi cục Hải quan này ký xác nhận cả phần hải quan làm thủ tục xuất khẩu và hải quan làm thủ tục nhập khẩu.

5. Đối với sản phẩm gia công nhập khẩu tại chỗ để kinh doanh nội địa thì thủ tục hải quan thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

*** Đối với người khai hải quan:**

a) Trách nhiệm của doanh nghiệp xuất khẩu:

- Giao hàng hóa và các giấy tờ khác theo quy định đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu (trừ vận tải đơn - B/L) cho doanh nghiệp nhập khẩu;
- Khai báo thông tin tờ khai xuất khẩu tại chỗ sau khi nhận được bản chụp Thông báo về việc hoàn thành thủ tục nhập khẩu tại chỗ và làm thủ tục xuất khẩu tại Chi cục Hải quan làm thủ tục xuất khẩu theo quy định.

b) Trách nhiệm của doanh nghiệp nhập khẩu:

- Khai báo thông tin tờ khai nhập khẩu tại chỗ điện tử và làm thủ tục hải quan theo quy định;

*** Đối với cơ quan hải quan:**

a) Trách nhiệm của cơ quan Hải quan làm thủ tục nhập khẩu:

- Tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, phân luồng tờ khai hải quan điện tử theo quy định, phù hợp với từng loại hình, kiểm tra tính thuế (nếu có);
- Thông báo về việc hoàn thành thủ tục nhập khẩu tại chỗ (theo mẫu ban hành kèm theo Phụ lục III kèm theo Thông tư 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012) cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp nhập tại chỗ biết

để theo dõi và gửi cho doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ 01 bản;

- Lưu các chứng từ doanh nghiệp nộp, trả lại các chứng từ do doanh nghiệp xuất trình;

- Thông báo cho Chi cục Hải quan làm thủ tục xuất khẩu về tờ khai đã hoàn thành thủ tục qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (nếu hệ thống đáp ứng).

b) Trách nhiệm của cơ quan Hải quan làm thủ tục xuất khẩu:

- Tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, phân luồng tờ khai hải quan điện tử theo quy định, phù hợp với từng loại hình, kiểm tra tính thuế (nếu có);

- Lưu các chứng từ doanh nghiệp nộp, trả lại các chứng từ do doanh nghiệp xuất trình;

- Hàng xuất khẩu tại chỗ được miễn kiểm tra thực tế hàng hoá.

- Cách thức thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hàng hóa được phân vào luồng vàng hoặc luồng đỏ: thực hiện theo phương thức thủ công.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

- Tờ khai xuất khẩu-nhập khẩu tại chỗ: nộp 04 bản chính;

- Hợp đồng mua bán hàng hoá hoặc hợp đồng gia công có chỉ định giao hàng tại Việt Nam (đối với người xuất khẩu), hợp đồng mua bán hàng hoá hoặc hợp đồng gia công có chỉ định nhận hàng tại Việt Nam (đối với người nhập khẩu), hợp đồng thuê, mượn: nộp 01 bản sao;

- Hoá đơn giá trị gia tăng do doanh nghiệp xuất khẩu lập (liên giao khách hàng): nộp 01 bản sao;

- Các giấy tờ khác theo quy định đối với từng loại hình xuất khẩu, nhập khẩu (trừ vận tải đơn - B/L)

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

- Đối với doanh nghiệp xuất khẩu:

+ Tờ khai hải quan điện tử xuất khẩu tại chỗ in: 02 bản chính;

+ Thông báo về việc hoàn thành thủ tục nhập khẩu tại chỗ: 01 bản chụp của doanh nghiệp nhập khẩu;

+ Hợp đồng mua bán hàng hóa có chỉ định giao hàng tại Việt Nam (đối với người xuất khẩu), hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc hợp đồng gia công có chỉ định nhận hàng tại Việt Nam (đối với người nhập khẩu), hợp đồng thuê, mượn: 01 bản chụp;

+ Các giấy tờ khác theo quy định đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu (trừ

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

vận tải đơn - B/L).

- Đối với doanh nghiệp nhập khẩu

+ Tờ khai hải quan điện tử nhập khẩu tại chỗ: 02 bản chính;

+ Hợp đồng mua bán hàng hóa có chỉ định giao hàng tại Việt Nam (đối với người xuất khẩu), hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc hợp đồng gia công có chỉ định nhận hàng tại Việt Nam (đối với người nhập khẩu), hợp đồng thuê, mượn: 01 bản chụp;

+ Các giấy tờ khác theo quy định đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu (trừ vận tải đơn - B/L).

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

- Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan: ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan đúng quy định của pháp luật (Khoản 1, Điều 19 Luật Hải quan)

- Thời hạn hoàn thành thành kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải (tính từ thời điểm người khai hải quan đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu về làm thủ tục hải quan theo quy đinh tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Hải quan):

+ Chậm nhất là 08 giờ làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế một phần hàng hóa theo xác suất;

+ Chậm nhất là 02 ngày làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thực kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa.

Trong trường hợp áp dụng hình thức kiểm tra thực tế tòan bộ hàng hóa mà lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu có số lượng lớn, việc kiểm tra phức tạp thì thời hạn kiểm tra có thể được gia hạn nhưng không quá 08 giờ làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

<u>I. Thực hiện theo phương thức thủ công:</u>

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

<u>II. Thực hiện theo phương thức điện tử:</u>

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Xác nhận thông quan.

- Phí, lệ phí: 20.000 đồng

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai xuất khẩu-nhập khẩu tại chỗ (Thông tư 194/2010/TT-BTC hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu).

+ Tờ khai xuất khẩu-nhập khẩu tại chỗ (Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

+ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005

+ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

+ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

+ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 172/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Hải quan.

chi tieu thong tin TQDT.doc | Mau so 21-22 TKXNK tai cho.xls | Mau so 23. Thong bao hoan thanh XNK

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư (thủ công - điện tử) B-BTC-045581-TT

- Trình tự thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

Thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm phục vụ sản xuất của dự án ưu đãi đầu tư:

a) Đăng ký danh mục hàng hoá nhập khẩu được miễn thuế với cơ quan hải quan đối với trường hợp nhập khẩu hàng hoá tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm phục vụ sản xuất của dự án ưu đãi đầu tư thuộc đối tượng được miễn thuế nhập khẩu;

Thủ tục đăng ký thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 194/2010/TT-BTC

b) Thủ tục nhập khẩu

b.1) Doanh nghiệp làm thủ tục hải quan để nhập khẩu hàng hoá tại Chi cục Hải quan nơi có hàng nhập khẩu hoặc Chi cục Hải quan nơi xây dựng dự án đầu tư.

b.2) Thủ tục hải quan thực hiện như đối với hàng xuất nhập khẩu thương mại, cụ thể:

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra điều kiện và đăng ký tờ khai hải quan; kiểm tra hồ sơ và thông quan đối với lô hàng miễn kiểm tra thực tế hàng hoá:

Bước 2: Kiểm tra thực tế hàng hóa và thông quan đối với lô hàng phải kiểm tra thực tế:

Bước 3: Thu thuế, lệ phí hải quan; đóng dấu "Đã làm thủ tục hải quan"; trả tờ khai cho người khai hải quan:

Bước 4: Phúc tập hồ sơ.

Ngoài ra còn phải thực hiện:

- Đăng ký danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế trước khi làm thủ tục hải quan theo Điều 102 Thông tư 194/2010/TT-BTC
- Báo cáo, kiểm tra, quyết toán việc xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng hàng hóa miễn thuế theo Điều 103 Thông tư 194/2010/TT-BTC

c) Thanh lý hàng hoá nhập khẩu

c.1. Các hình thức thanh lý, hàng hoá thuộc diện thanh lý, điều kiện thanh lý, hồ sơ thanh lý hàng hoá nhập khẩu miễn thuế thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2007/TT-BTM ngày 04 tháng 4 năm 2007 của Bộ Thương mại hướng dẫn hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công, thanh lý hàng nhập khẩu và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Đối với hàng hóa nhập khẩu miễn thuế của doanh nghiệp đầu tư trong nước khi thanh lý được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2007/TT-BTM.

c.2. Thủ tục thanh lý thực hiện tại cơ quan hải quan nơi đăng ký danh mục hàng nhập khẩu được miễn thuế.

c.3) Thủ tục thanh lý

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

c.3.1) Doanh nghiệp hoặc Ban thanh lý có văn bản nêu rõ lý do thanh lý, tên gọi, ký mã hiệu, lượng hàng cần thanh lý, thuộc tờ khai nhập khẩu số, ngày, tháng, năm gửi cơ quan hải quan nơi đăng ký danh mục hàng nhập khẩu được miễn thuế.

c.3.2) Trường hợp thanh lý theo hình thức xuất khẩu thì doanh nghiệp mở tờ khai xuất khẩu; trường hợp thanh lý theo hình thức nhượng bán tại thị trường Việt Nam cho doanh nghiệp không thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu, cho, biếu, tặng, tiêu huỷ thì không phải mở tờ khai mới, nhưng phải thực hiện việc kê khai, tính thuế theo hướng dẫn tại khoản 8 Điều 10 Thông tư 194/2010/TT-BTC. Trường hợp thanh lý theo hình thức nhượng bán tại thị trường Việt Nam cho doanh nghiệp thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu thì làm thủ tục hải quan theo các bước và sử dụng tờ khai xuất nhập khẩu tại chỗ. Khi tiêu huỷ, doanh nghiệp chịu trách nhiệm thực hiện theo quy định của cơ quan quản lý môi trường.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

- Thủ tục nhập khẩu:

+ Đăng ký danh mục hàng hóa nhập khẩu được miễn thuế với cơ quan Hải quan đối với trường hợp nhập khẩu hàng hóa tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm phục vụ sản xuất của dự án đầu tư, dự án ưu đãi đầu tư thuộc đối tượng được miễn thuế nhập khẩu: thủ tục đăng ký thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 102 Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa nhập khẩu.

+ Doanh nghiệp làm thủ tục hải quan để nhập khẩu hàng hóa tại Chi cục Hải quan nơi có hàng nhập khẩu hoặc Chi cục Hải quan nơi xây dựng dự án đầu tư;

+ Thủ tục hải quan thực hiện như hướng dẫn đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán hàng hóa tại Chương III Thông tư 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012. Hồ sơ, thủ tục miễn thuế và chế độ báo cáo, kiểm tra, quyết toán việc nhập khẩu, sử dụng hàng hóa miễn thuế theo hướng dẫn tại Điều 103, Điều 104 Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa nhập khẩu.

- Thủ tục thanh lý:

a) Doanh nghiệp có văn bản nêu rõ lý do thanh lý, hình thức thanh lý; danh mục hàng hóa đề nghị thanh lý (gồm tên gọi, ký mã hiệu, lượng hàng cần thanh lý, thuộc tờ khai nhập khẩu số, ngày, tháng, năm) và quyết định thành lập Hội đồng thanh lý gửi cơ quan Hải quan nơi đăng ký danh mục hàng nhập khẩu được miễn thuế;

b) Trường hợp thanh lý theo hình thức thì doanh nghiệp mở tờ khai ; trường hợp thanh lý theo hình thức nhượng bán tại thị trường Việt Nam, cho, biếu, tặng thì việc kê khai, tính thuế thực hiện theo quy định và không phải mở tờ khai mới;

c) Trường hợp tiêu hủy, doanh nghiệp chủ động tổ chức việc tiêu huỷ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tác động của toàn bộ quá trình tiêu huỷ đối với môi trường. Cơ quan Hải quan giám sát quá trình tiêu huỷ, sau khi kết thúc tiêu huỷ các bên tiến hành lập biên bản xác nhận việc tiêu huỷ. Biên bản phải có chữ ký của giám đốc doanh nghiệp có hàng hóa tiêu huỷ (hoặc người được uỷ

quyền), đóng dấu của doanh nghiệp; chữ ký, ghi rõ họ tên công chức hải quan và các bên liên quan giám sát tiêu huỷ.

- Cách thức thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hàng hóa được phân vào luồng vàng hoặc luồng đỏ: thực hiện theo phương thức thủ công.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Tờ khai hải quan: nộp 02 bản chính;

b) Hợp đồng mua bán hàng hoá hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương hợp đồng: nộp 01 bản sao; hợp đồng uỷ thác nhập khẩu (nếu nhập khẩu uỷ thác): nộp 01 bản sao;

c) Hóa đơn thương mại: nộp 01 bản chính;

d) Vận tải đơn: nộp 01 bản sao chụp từ bản gốc hoặc sao chụp từ bản chính có ghi chữ copy, chữ surrendered;

Đối với hàng hoá nhập khẩu qua bưu điện quốc tế nếu không có vận tải đơn thì người khai hải quan ghi mã số gói bưu kiện, bưu phẩm lên tờ khai hải quan hoặc nộp danh mục bưu kiện, bưu phẩm do Bưu điện lập.

Đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ cho hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí được vận chuyển trên các tàu dịch vụ (không phải là tàu thương mại) thì nộp bản khai hàng hoá (cargo manifest) thay cho vận tải đơn.

e) Tuỳ từng trường hợp cụ thể dưới đây, người khai hải quan nộp thêm, xuất trình các chứng từ sau:

e.1) Bản kê chi tiết hàng hoá đối với hàng hoá có nhiều chủng loại hoặc đóng gói không đồng nhất: nộp 01 bản chính hoặc bản có giá trị tương đương như điện báo, bản fax, telex, thông điệp dữ liệu và các hình thức khác theo quy định của pháp luật;

e.2) Giấy đăng ký kiểm tra hoặc giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc giấy thông báo kết quả kiểm tra của tổ chức kỹ thuật được chỉ định kiểm tra chất lượng, của cơ quan kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, của cơ quan kiểm dịch (sau đây gọi tắt là cơ quan kiểm tra) đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc danh mục sản phẩm, hàng hoá phải kiểm tra về chất lượng, về vệ sinh an toàn thực phẩm; về kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật: nộp 01 bản chính;

e.3) Chứng thư giám định đối với hàng hoá được thông quan trên cơ sở kết quả giám định: nộp 01 bản chính;

e.4) Tờ khai trị giá hàng nhập khẩu đối với hàng hoá thuộc diện phải khai tờ khai trị giá: nộp 02 bản chính;

e.5) Giấy phép nhập khẩu đối với hàng hóa phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật: nộp 01 bản chính nếu nhập khẩu một lần hoặc bản sao khi nhập khẩu nhiều lần và phải xuất trình bản chính để đối chiếu, lập phiếu theo dõi trừ lùi;

e.6) Nộp 01 bản gốc giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) trong các trường hợp:

e.6.1) Hàng hoá có xuất xứ từ nước hoặc nhóm nước nước có thoả thuận về áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt với Việt Nam (trừ hàng hoá nhập khẩu có trị giá FOB không vượt quá 200 USD) theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập, nếu người nhập khẩu muốn được hưởng các chế độ ưu đãi đó;

e.6.2) Hàng hoá nhập khẩu được Việt Nam và các tổ chức quốc tế thông báo đang ở trong thời điểm có nguy cơ gây hại đến an toàn xã hội, sức khoẻ của cộng đồng hoặc vệ sinh môi trường cần được kiểm soát;

e.6.3) Hàng hoá nhập khẩu từ các nước thuộc diện Việt Nam thông báo đang ở trong thời điểm áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế chống phân biệt đối xử, các biện pháp về thuế để tự vệ, biện pháp hạn ngạch thuế quan;

e.6.4) Hàng hoá nhập khẩu phải tuân thủ các chế độ quản lý nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc các Điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương mà Việt Nam là thành viên;

C/O đã nộp cho cơ quan hải quan thì không được sửa chữa nội dung hoặc thay thế, trừ trường hợp do chính cơ quan hay tổ chức có thẩm quyền cấp C/O sửa đổi, thay thế trong thời hạn quy định của pháp luật.

e.7) Danh mục hàng hóa miễn thuế kèm theo phiếu theo dõi trừ lùi đã được đăng ký tại cơ quan hải quan, đối với các trường hợp phải đăng ký danh mục: nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu và trừ lùi;

e.8) Giấy báo trúng thầu hoặc giấy chỉ định thầu kèm theo hợp đồng cung cấp hàng hoá, trong đó có quy định giá trúng thầu hoặc giá cung cấp hàng hoá không bao gồm thuế nhập khẩu (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân trúng thầu nhập khẩu); hợp đồng uỷ thác nhập khẩu hàng hoá, trong đó có quy định giá cung cấp theo hợp đồng uỷ thác không bao gồm thuế nhập khẩu (đối với trường hợp uỷ thác nhập khẩu): nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu;

e.9) Giấy tờ khác chứng minh hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế;

e.10) Bảng kê danh mục, tài liệu của hồ sơ đề nghị miễn thuế.

e.11) Hàng hoá thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng là máy móc, thiết bị, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí đốt; tàu bay, dàn khoan, tàu thuỷ thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu tạo tài sản cố định của doanh nghiệp, thuê của nước ngoài sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và để cho thuê, phải có:

e.12) Giấy báo trúng thầu hoặc giấy chỉ định thầu và hợp đồng bán hàng cho các doanh nghiệp theo kết quả đấu thầu (ghi rõ giá hàng hoá phải thanh toán không bao gồm thuế giá trị gia tăng) đối với hàng hoá thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng do cơ sở trúng thầu hoặc được chỉ định thầu nhập khẩu: nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu;

e.13) Hợp đồng uỷ thác nhập khẩu hàng hoá, trong đó ghi rõ giá cung cấp theo hợp đồng uỷ thác không bao gồm thuế giá trị gia tăng (đối với trường hợp nhập khẩu uỷ thác): nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu;

e.14) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho các tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc hợp đồng khoa học và công nghệ giữa bên đặt hàng với bên nhận đặt hàng thực hiện hợp đồng khoa học và công nghệ kèm theo bản xác nhận của đại diện doanh nghiệp hoặc thủ trưởng cơ quan nghiên cứu khoa học và cam kết sử dụng trực tiếp hàng hoá nhập khẩu cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ đối với trường hợp nhập khẩu để nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: nộp 01 bản chính;

e.15) Xác nhận và cam kết của đại diện doanh nghiệp về việc sử dụng máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí đốt: nộp 01 bản chính;

e.16) Xác nhận và cam kết của đại diện doanh nghiệp về việc sử dụng tàu bay, dàn khoan, tàu thuỷ thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp, thuê của nước ngoài sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và để cho thuê: nộp 01 bản chính;

e.17) Hợp đồng thuê ký với nước ngoài đối với trường hợp thuê tàu bay, giàn khoan, tàu thuỷ; loại trong nước chưa sản xuất được của nước ngoài dùng cho sản xuất, kinh doanh và để cho thuê: xuất trình 01 bản chính;

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

a) Tờ khai hải quan điện tử ở dạng điện tử. Trong trường hợp phải xuất trình, nộp bản giấy theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền, tờ khai hải quan điện tử được in ra giấy theo mẫu Tờ khai hàng hóa nhập khẩu; mẫu Phụ lục tờ khai hàng hóa nhập khẩu, mẫu Tờ khai sửa đổi bổ sung, mẫu Bản kê tại Phụ lục III kèm theo Thông tư 196/2012/TT-BTC (sau đây gọi chung là tờ khai hải quan điện tử in).

Trường hợp một tờ khai hải quan điện tử in có 01 (một) phụ lục, người khai hải quan ký tên, đóng dấu trực tiếp lên bản phụ lục. Trường hợp một tờ khai hải quan điện tử in có nhiều hơn 01 (một) phụ lục thì người khai hải quan ký tên, đóng dấu vào tờ phụ lục cuối cùng và toàn bộ các tờ phụ lục phải đóng dấu giáp lai.

b) Các chứng từ khác thuộc hồ sơ hải quan điện tử được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 87/2012/NĐ-CP.

*** Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)**

- Thời hạn giải quyết:

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

- Thời hạn tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan: ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan đúng quy định của pháp luật (Khoản 1, Điều 19 Luật Hải quan)

- Thời hạn hoàn thành thành kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải (tính từ thời điểm người khai hải quan đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu về làm thủ tục hải quan theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Hải quan):

+ Chậm nhất là 08 giờ làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế một phần hàng hóa theo xác suất;

+ Chậm nhất là 02 ngày làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thực kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa.

Trong trường hợp áp dụng hình thức kiểm tra thực tế tòan bộ hàng hóa mà lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu có số lượng lớn, việc kiểm tra phức tạp thì thời hạn kiểm tra có thể được gia hạn nhưng không quá 08 giờ làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thông quan

- Phí, lệ phí: 20.000 đồng

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai hải quan truyền thống (Quyết định số 1257/QĐ-TCHQ ngày 04/12/2001)

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

+ Tờ khai hải quan điện tử (Thông tư 196/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

+ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

+ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

+ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

+ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Thông tư số 172/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Hải quan.

Mau so 3. To khai xuat nhap HQDT.xls

Mau so 4. Phu luc to khai xuat nhap HQDT

Mẫu 1(to khai ĐTu).doc

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất (thủ công – điện tử) B-BTC-046054-TT

- Trình tự thực hiện:

I.Thực hiện theo phương thức thủ công:

*** Đối với cá nhân, tổ chức:**

- Địa điểm làm thủ tục hải quan

+ Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu: thủ tục hải quan làm tại Chi cục Hải quan quản lý DNCX.

+ Đối với hàng hoá gia công giữa DNCX với doanh nghiệp nội địa: Doanh nghiệp nội địa làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan quản lý DNCX hoặc Chi cục Hải quan nơi có trụ sở chính của doanh nghiệp nội địa.

+ Đối với hàng hoá gia công giữa hai DNCX: Doanh nghiệp nhận gia công thực hiện đăng ký hợp đồng gia công và làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan quản lý DNCX nhận gia công.

- Nộp hồ sơ hải quan theo quy định

*** Đối với cơ quan Hải quan:**

1. Nguyên tắc chung

a) Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất (dưới đây viết tắt là DNCX) được áp dụng cho DNCX trong khu chế xuất và DNCX ngoài khu chế xuất.

b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của DNCX phải làm thủ tục hải quan theo quy định đối với từng loại hình xuất khẩu, nhập khẩu. Riêng việc mua văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng (bao gồm cả bảo hộ lao động: quần, áo, mũ, giầy, ủng, găng tay) từ nội địa để phục vụ cho điều hành bộ máy văn phòng và sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại doanh nghiệp, DNCX được lựa chọn thực hiện hoặc không thực hiện thủ tục hải quan đối với loại hàng hóa này.

c) Hàng hóa luân chuyển trong nội bộ một DNCX thì không phải làm thủ tục hải quan.

d) Hàng hóa nhập khẩu của DNCX được chuyển cửa khẩu từ cửa khẩu nhập về DNCX, hàng hóa xuất khẩu của DNCX được chuyển cửa khẩu từ DNCX đến cửa khẩu xuất.

e) Hải quan quản lý khu chế xuất, DNCX chỉ giám sát trực tiếp tại cổng ra vào của khu chế xuất, DNCX khi cần thiết theo quyết định của Cục trưởng Cục Hải quan.

2. Địa điểm làm thủ tục hải quan

a) Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu: thủ tục hải quan làm tại Chi cục Hải quan quản lý DNCX.

b) Đối với hàng hoá gia công giữa DNCX với doanh nghiệp nội địa: Doanh nghiệp nội địa làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan quản lý DNCX hoặc Chi cục Hải quan nơi có trụ sở chính của doanh nghiệp nội địa.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

c) Đối với hàng hoá gia công giữa hai DNCX: Doanh nghiệp nhận gia công thực hiện thông báo hợp đồng gia công và làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan quản lý DNCX nhận gia công.

3. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của DNCX

a) Hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài

a.1) Căn cứ văn bản đề nghị nhập khẩu hàng hoá tạo tài sản cố định của giám đốc Doanh nghiệp chế xuất, kèm danh mục hàng hoá (chi tiết tên hàng, lượng hàng, chủng loại), cơ quan hải quan làm thủ tục nhập khẩu theo quy định đối với hàng hoá nhập khẩu thương mại.

a.2) Đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, DNCX làm thủ tục nhập khẩu theo quy định đối với hàng hóa nhập khẩu thương mại, trừ việc kê khai tính thuế.

a.3) Hàng hoá gia công cho thương nhân nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Đối với hàng hoá của DNCX xuất khẩu ra nước ngoài, DNCX làm thủ tục xuất khẩu theo quy định đối với hàng xuất khẩu thương mại, trừ việc kê khai tính thuế.

c) Hàng hoá của DNCX bán vào nội địa

c.1) Đối với sản phẩm do DNCX sản xuất, bán vào thị trường nội địa: DNCX và doanh nghiệp nội địa làm thủ tục hải quan và sử dụng tờ khai xuất nhập khẩu tại chỗ.

c.2) Đối với phế liệu, phế phẩm được phép bán vào thị trường nội địa, doanh nghiệp nội địa làm thủ tục nhập khẩu theo quy định đối với hàng nhập khẩu thương mại.

d) Đối với hàng hoá do doanh nghiệp nội địa bán cho DNCX: DNCX và doanh nghiệp nội địa làm thủ tục hải quan theo các bước và sử dụng tờ khai xuất nhập khẩu tại chỗ.

e) Hàng hoá gia công (trừ gia công cho nước ngoài)

e.1) Đối với hàng hoá do DNCX thuê doanh nghiệp nội địa gia công, doanh nghiệp nội địa làm thủ tục hải quan theo quy định về gia công hàng hóa cho thương nhân nước ngoài.

e.2) Đối với hàng hoá do DNCX nhận gia công cho doanh nghiệp nội địa, doanh nghiệp nội địa làm thủ tục hải quan theo quy định về đặt gia công hàng hoá ở nước ngoài.

e.3) Hàng hoá gia công giữa các DNCX với nhau thì DNCX nhận gia công làm thủ tục hải quan theo quy định đối với hàng gia công cho thương nhân nước ngoài.

g) Đối với hàng hóa mua, bán giữa các doanh nghiệp chế xuất với nhau

g.1) Hàng hoá mua, bán giữa các DNCX không cùng một khu chế xuất thì thực hiện theo hướng dẫn về thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu tại chỗ quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 41 Thông tư 194/2010/TT-BTC (trừ quy định về điều kiện xuất nhập khẩu tại chỗ).

g.2) Hàng hoá mua, bán giữa các DNCX trong cùng một khu chế xuất thì không phải làm thủ tục hải quan.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

h) Đối với hàng hoá của DNCX đưa vào nội địa để sửa chữa, DNCX có văn bản thông báo: tên hàng, số lượng, lý do, thời gian sửa chữa, không phải đăng ký tờ khai hải quan. Cơ quan hải quan có trách nhiệm theo dõi, xác nhận khi hàng đưa trở lại DNCX. Quá thời hạn đăng ký sửa chữa mà không đưa hàng trở lại thì xử lý theo hướng dẫn đối với hàng chuyển đổi mục đích sử dụng.

i) Việc tiêu huỷ phế liệu, phế phẩm thực hiện theo quy định của pháp luật, có sự giám sát của cơ quan hải quan.

4. Thủ tục thanh khoản nguyên liệu, vật tư của DNCX

a) Việc thanh khoản đối với nguyên liệu, vật tư của DNCX được thực hiện theo từng loại hình hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu nhưng chỉ thanh khoản về lượng.

b) Thời hạn và địa điểm thanh khoản

b.1) Đối với loại hình gia công thì thanh khoản theo quy định về thời hạn thanh khoản hợp đồng gia công tại Chi cục Hải quan nơi thông báo hợp đồng gia công.

b.2) Đối với loại hình SXXK thực hiện thanh khoản một quý một lần và chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu quý sau tại Chi cục Hải quan quản lý DNCX. Trường hợp doanh nghiệp có đề nghị thì thời hạn thanh khoản được thực hiện một tháng một lần, trước ngày 15 của tháng sau.

c) Hồ sơ thanh khoản

c.1) Đối với loại hình gia công: thực hiện theo quy định về thanh khoản đối với hàng hoá gia công cho thương nhân nước ngoài.

c.2) Đối với hàng SXXK, hồ sơ thanh khoản gồm:

c.2.1) Bảng định mức (mẫu 07/ĐKĐM-SXXK Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 194/2010/TT-BTC) của từng mã hàng: xuất trình 01 bản chính;

c.2.2) Báo cáo nhập, xuất, tồn (mẫu 10/HSTK-CX Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 194/2010/TT-BTC) nguyên liệu, vật tư nhập khẩu: nộp 02 bản chính (trả doanh nghiệp 01 bản khi kết thúc kiểm tra).

d) Việc xử lý đối với tài sản, hàng hoá có nguồn gốc nhập khẩu khi doanh nghiệp chuyển đổi loại hình từ doanh nghiệp chế xuất thành doanh nghiệp bình thường và ngược lại thực hiện như sau:

d.1) Trường hợp chuyển đổi loại hình từ doanh nghiệp chế xuất thành doanh nghiệp không hưởng chế độ chế xuất:

d.1.1) Thanh khoản tài sản, hàng hoá có nguồn gốc nhập khẩu;

d.1.2) Xác định tài sản, hàng hoá có nguồn gốc nhập khẩu còn tồn kho;

d.1.3) Thực hiện việc thu thuế theo quy định;

d.1.4) Thời điểm thanh khoản và xác định tài sản, hàng hoá có nguồn gốc nhập khẩu thực hiện trước khi doanh nghiệp chuyển đổi.

d.2) Trường hợp chuyển đổi loại hình từ doanh nghiệp không hưởng chế độ chế xuất sang doanh nghiệp chế xuất:

d.2.1) Doanh nghiệp báo cáo số lượng nguyên liệu, vật tư còn tồn kho; cơ quan hải quan kiểm tra nguyên liệu, vật tư còn tồn kho và xử lý thuế theo quy định;

d.2.2) Trước khi chuyển đổi, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp đầy đủ các khoản nợ thuế, nợ phạt còn tồn đọng cho cơ quan hải quan. Cơ quan hải quan chỉ

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

áp dụng chính sách thuế, hải quan đối với loại hình doanh nghiệp chế xuất sau khi doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, hải quan với cơ quan hải quan.

5. Thanh lý máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển tạo tài sản cố định

a) Các hình thức thanh lý, hàng hoá thuộc diện thanh lý, điều kiện thanh lý, hồ sơ thanh lý hàng hoá nhập khẩu miễn thuế thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2007/TT-BTM.

b) Nơi làm thủ tục thanh lý là Chi cục Hải quan quản lý DNCX.

c) Thủ tục thanh lý

c.1) Doanh nghiệp hoặc ban thanh lý có văn bản nêu rõ lý do thanh lý, tên gọi, ký mã hiệu, lượng hàng cần thanh lý, thuộc tờ khai nhập khẩu số, ngày tháng năm gửi Chi cục Hải quan quản lý DNCX.

c.2) Trường hợp thanh lý theo hình thức xuất khẩu thì doanh nghiệp mở tờ khai xuất khẩu; trường hợp thanh lý nhượng bán tại thị trường Việt Nam, cho, biếu, tặng thì mở tờ khai theo loại hình tương ứng, thu thuế theo quy định.

c.3) Trường hợp tiêu huỷ, doanh nghiệp chịu trách nhiệm thực hiện theo quy định của cơ quan quản lý môi trường, có sự giám sát của cơ quan hải quan.

6. Kết thúc xây dựng công trình, DNCX phải thực hiện báo cáo quyết toán đối với hàng hoá nhập khẩu để xây dựng công trình với cơ quan hải quan.

Cơ quan hải quan có trách nhiệm kiểm tra và xử lý theo quy định đối với hàng hoá nhập thừa hoặc sử dụng không đúng mục đích.

7. Hàng hóa của DNCX được xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/07/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007; Thông tư số 05/2008/TT-BCT ngày 14/4/2008 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư 09/2007/TT-BTM thì thực hiện theo hướng dẫn đối với hàng hóa kinh doanh theo hợp đồng mua bán, không thực hiện theo hướng dẫn tại các khoản từ khoản 1 đến khoản 6 Điều này.

II.Thực hiện theo phương thức điện tử:

*** Đăng ký, sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu**

1. Việc đăng ký danh mục hàng hoá được phân loại như sau:

a) Đối với hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu quản lý theo mục đích sử dụng là sản xuất, đầu tư, tiêu dùng, DNCX phải đăng ký danh mục hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định tại điểm 2, điểm 3 dưới đây.;

b) Đối với hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu quản lý theo mục đích sử dụng khác, DNCX thực hiện đăng ký danh mục theo từng loại hình tương ứng (nếu có).

2. Thời điểm đăng ký, sửa đổi bổ sung

a) Thời điểm đăng ký danh mục:

a1) Đối với hàng hóa nhập khẩu: đăng ký danh mục trước khi làm thủ tục

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

nhập khẩu lô hàng đầu tiên;

a2) Đối với hàng hóa xuất khẩu:

a2.1) Nếu hàng hóa là sản phẩm do DNCX sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu, thì phải đăng ký danh mục trước khi làm thủ tục thông báo định mức;

a2.2) Nếu hàng hóa xuất khẩu là hàng hóa nhập khẩu ban đầu, thì không phải đăng ký danh mục hàng hóa xuất khẩu, DNCX dùng danh mục hàng hóa nhập khẩu ban đầu đã đăng ký với cơ quan Hải quan để khai báo khi xuất khẩu.

b) Thời điểm sửa đổi, bổ sung danh mục:

b1) Sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa nhập khẩu:

b1.1) Trường hợp hàng hóa là nguyên liệu, vật tư cho sản phẩm xuất khẩu: người khai hải quan được sửa đổi tất cả các thông tin danh mục hàng hóa nhập khẩu trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng đầu tiên hoặc trước khi thông báo định mức tùy theo thời điểm nào có trước;

b1.2) Trường hợp hàng hóa không phải là nguyên liệu, vật tư cho sản phẩm xuất khẩu: người khai hải quan được sửa đổi tất cả các thông tin danh mục hàng hóa nhập khẩu trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng đầu tiên.

b2) Sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa xuất khẩu:

b2.1) Nếu hàng hóa là sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu thì người khai hải quan được sửa đổi trước khi làm thủ tục thông báo định mức;

b2.2) Nếu hàng hóa không phải là sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu thì người khai hải quan được quyền sửa đổi trước khi làm thủ tục xuất khẩu.

c) Trường hợp phát hiện sai sót trong khai báo các loại danh mục ngoài thời điểm quy định ở điểm b khoản 2 Điều 40 Thông tư 196/2012/TT-BTC, người khai hải quan được phép sửa đổi nội dung đã khai nếu có lý do hợp lý và được Chi cục trưởng chấp nhận nhưng không được phép sửa đổi mã hàng hóa và đơn vị tính hàng hóa.

3. Thủ tục đăng ký, sửa đổi bổ sung

a) Người khai hải quan tạo thông tin khai về các danh mục theo đúng các tiêu chí và khuôn dạng chuẩn về tên gọi hàng hóa, mã HS, mã hàng hóa, đơn vị tính, mục đích sử dụng, thông báo theo hệ thống danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu hiện hành và phải khai thống nhất từ khi nhập hàng vào doanh nghiệp chế xuất cho đến khi DNCX chấm dứt hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu. Người khai hải quan tạo thông tin khai về các danh mục theo mẫu Bảng danh mục hàng hóa nhập khẩu vào DNCX và Bảng danh mục hàng hóa xuất khẩu ra khỏi DNCX.

Việc đăng ký, tiếp nhận thông tin phản hồi của DNCX thực hiện như quy định tại Điều 33 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

b) Việc kiểm tra tiếp nhận các nội dung tại danh mục của cơ quan Hải quan thực hiện như quy định tại Điều 33 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

*** Thông báo, điều chỉnh định mức, tỷ lệ hao hụt nguyên liệu, vật tư cho**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

sản phẩm xuất khẩu

1. Hàng hóa xuất khẩu là sản phẩm, phế phẩm (nếu có) được sản xuất từ nguyên vật liệu nhập khẩu có mục đích sử dụng là sản xuất thì phải thông báo định mức trước khi xuất khẩu, trường hợp tái xuất nguyên liệu thì không phải khai định mức.

2. DNCX khai thông tin về định mức theo đúng các tiêu chí và khuôn dạng chuẩn quy định tại mẫu Thông tin về định mức thực tế đối với sản phẩm xuất khẩu ra khỏi doanh nghiệp chế xuất hoặc mẫu Thông tin về định mức thực tế đối với nguyên liệu trực tiếp tham gia vào sản phẩm xuất khẩu được tách ra từ nguyên liệu gốc (nguyên liệu thành phần).

3. Trình tự các bước áp dụng như thủ tục thông báo, điều chỉnh định mức hàng hóa gia công quy định tại Thông tư 196/2012/TT-BTC. Các định nghĩa về định mức nguyên liệu, vật tư tiêu hao, tỷ lệ hao hụt; chính sách, chế độ quản lý thực hiện như quy định tại Thông tư số 117/2011/TT-BTC ngày 15/8/2011 của Bộ Tài chính.

*** Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu của DNCX**

1. Đối với hàng hóa DNCX nhập khẩu từ nước ngoài, từ kho ngoại quan, từ DNCX khác

a) Hàng hoá nhập khẩu quản lý theo mục đích sử dụng là sản xuất (bao gồm cả trường hợp DNCX nhận gia công cho nước ngoài; nhập khẩu tại chỗ), đầu tư, tiêu dùng, DNCX làm thủ tục nhập khẩu như thủ tục hải quan đối với hợp đồng mua bán (trừ việc kê khai thuế) quy định tại Thông tư này.

Trường hợp hàng hoá nhập khẩu quản lý theo mục đích sử dụng là đầu tư, trong hồ sơ hải quan điện tử phải kèm công văn (bản giấy hoặc bản scan) đề nghị nhập khẩu hàng hóa tạo tài sản cố định của DNCX và danh mục hàng hóa (chi tiết tên hàng, số lượng hàng, đơn vị tính, mã HS, quy cách chủng loại, trị giá hàng nhập khẩu của lô hàng, tổng vốn đầu tư tạo tài sản cố định đã đăng ký và tổng vốn đầu tư tạo tài sản cố định còn lại trước khi nhập khẩu lô hàng này).

b) Trường hợp hàng hóa mua, bán giữa các DNCX với nhau quản lý theo mục đích sử dụng là sản xuất, đầu tư, tiêu dùng, các DNCX làm thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu như thủ tục hải quan đối với hợp đồng mua bán (trừ việc kê khai thuế) quy định tại Thông tư này. Các DNCX thực hiện các bước và thời hạn làm thủ tục hải quan như thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ quy định tại Thông tư 196/2012/TT-BTC (trừ quy định về điều kiện xuất nhập khẩu tại chỗ);

c) Trường hợp hàng hoá nhập khẩu theo mục đích là mua bán (quyền nhập khẩu), DNCX làm thủ tục hải quan như thủ tục hải quan nhập khẩu hàng hoá từ nước ngoài theo hợp đồng mua bán (kê khai tính thuế nhập khẩu, thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế bảo vệ môi trường (nếu có)).

2. Đối với hàng hóa DNCX nhập khẩu từ nội địa theo hình thức mua bán

a) Trường hợp hàng hoá nhập khẩu từ nội địa quản lý theo mục đích sử dụng

là sản xuất, đầu tư, tiêu dùng, DNCX làm thủ tục nhập khẩu theo điểm a khoản 1 Điều 42 Thông tư 196/2012/TT-BTC (bao gồm cả mặt hàng xăng dầu DNCX mua từ thương nhân có giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu hoặc mua từ nội địa);

b) Trường hợp hàng hoá nhập khẩu từ nội địa quản lý theo mục đích sử dụng khác (trừ hàng hoá nhập khẩu theo điểm c khoản 2 Điều 42 Thông tư 196/2012/TT-BTC), DNCX làm thủ tục nhập khẩu theo loại hình tương ứng;

c) Trường hợp hàng hoá nhập khẩu từ nội địa quản lý theo mục đích sử dụng là mua bán (thực hiện quyền xuất khẩu), DNCX làm thủ tục hải quan nhập khẩu như thủ tục hải quan đối với hợp đồng mua bán (trừ việc kê khai thuế) quy định tại Thông tư 196/2012/TT-BTC.

Doanh nghiệp chế xuất và doanh nghiệp nội địa thực hiện các bước và thời hạn làm thủ tục hải quan như thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ quy định tại Thông tư 196/2012/TT-BTC (trừ quy định về điều kiện xuất nhập khẩu tại chỗ).

3. Đối với hàng hóa của DNCX xuất khẩu ra nước ngoài, xuất vào kho ngoại quan, xuất sang DNCX khác

a) Đối với hàng hoá xuất khẩu (bao gồm cả xuất khẩu tại chỗ) có nguồn nhập khẩu quản lý theo mục đích sử dụng là sản xuất, đầu tư, tiêu dùng, DNCX làm thủ tục xuất khẩu như thủ tục hải quan đối với hợp đồng mua bán (trừ việc kê khai thuế) quy định tại Thông tư 196/2012/TT-BTC.

Trường hợp hàng hóa mua, bán giữa các DNCX với nhau quản lý theo mục đích sử dụng là sản xuất, đầu tư, tiêu dùng, DNCX mua làm thủ tục nhập khẩu và DNCX bán làm thủ tục xuất khẩu như thủ tục hải quan đối với hợp đồng mua bán (trừ việc kê khai thuế) quy định tại Thông tư 196/2012/TT-BTC. Các DNCX thực hiện các bước và thời hạn làm thủ tục hải quan như thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ quy định tại Thông tư 196/2012/TT-BTC (trừ quy định về điều kiện xuất nhập khẩu tại chỗ).

b) Trường hợp hàng hoá xuất khẩu theo mục đích là mua bán (quyền xuất khẩu), DNCX làm thủ tục hải quan như thủ tục hải quan xuất khẩu hàng hoá ra nước ngoài theo hợp đồng mua bán (kê khai tính thuế xuất khẩu (nếu có)).

4. Đối với hàng hóa của DNCX bán vào nội địa, hàng hóa xuất dùng sửa chữa sản phẩm tái nhập, hàng hoá mua từ doanh nghiệp nội địa nhưng không đạt yêu cầu trả lại nội địa để sửa chữa tái nhập và hàng hoá xuất khẩu khác (trừ trường hợp xuất khẩu ra nước ngoài):

a) Đối với sản phẩm, phế liệu, phế phẩm (trong đó phế liệu, phế phẩm chưa được xây dựng trong định mức) được phép bán vào thị trường nội địa, có nguồn nhập khẩu quản lý theo mục đích sử dụng là sản xuất: DNCX làm thủ tục xuất khẩu theo điểm a khoản 3 Điều 42 Thông tư 196/2012/TT-BTC. Doanh nghiệp nội địa làm thủ tục hải quan theo loại hình tương ứng.

Doanh nghiệp chế xuất và doanh nghiệp nội địa thực hiện các bước và thời

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

hạn làm thủ tục hải quan như thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ quy định tại Thông tư 196/2012/TT-BTC (trừ quy định về điều kiện xuất nhập khẩu tại chỗ).

b) Đối với phế liệu, phế phẩm (nằm trong tỷ lệ hao hụt) có nguồn nhập khẩu quản lý theo mục đích sử dụng là sản xuất được phép bán vào thị trường nội địa: DNCX không làm thủ tục xuất khẩu. Doanh nghiệp nội địa làm thủ tục hải quan theo từng loại hình tương ứng.

Thời hạn doanh nghiệp nội địa phải làm thủ tục hải quan chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày DNCX xuất hoá đơn bán hàng.

c) Đối với hàng hoá xuất thanh lý từ nguồn nhập khẩu quản lý theo mục đích sử dụng là đầu tư, tiêu dùng, DNCX khai thông tin thanh lý hàng hóa theo đúng các tiêu chí và khuôn dạng quy định theo mẫu Thông tin chứng từ thanh lý TSCĐ. Doanh nghiệp nội địa làm thủ tục nhập khẩu theo loại hình tương ứng.

Thời hạn khai thông tin thay đổi mục đích sử dụng theo khoản 8 và khoản 9 Điều 10 Thông tư 194/2010/TT-BTC.

Doanh nghiệp chế xuất và doanh nghiệp nội địa thực hiện các bước làm thủ tục hải quan như thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ quy định tại Thông tư 196/2012/TT-BTC (trừ quy định về điều kiện xuất nhập khẩu tại chỗ).

d) Đối với hàng hoá xuất dùng để sửa chữa sản phẩm tái nhập và hàng hóa xuất khẩu khác từ nguồn nhập khẩu quản lý theo mục đích sử dụng là sản xuất, đầu tư, tiêu dùng, DNCX khai thông tin theo mẫu Thông báo xuất kho.

Định kỳ hàng tháng, từ ngày 01 đến ngày 10 của tháng sau, DNCX phải khai thông tin hàng hoá xuất kho của tháng trước đến Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

đ) Đối với hàng hoá được nhập khẩu từ nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối, sau đó xuất bán vào nội địa, xuất bán cho DNCX khác:

đ1) Trường hợp xuất bán cho các doanh nghiệp nội địa, DNCX làm thủ tục hải quan như thủ tục hải quan xuất khẩu hàng hoá ra nước ngoài theo hợp đồng mua bán (không kê khai tính thuế xuất khẩu). Doanh nghiệp nội địa làm thủ tục hải quan theo loại hình tương ứng;

đ2) Trường hợp bán lại hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế cho DNCX khác, DNCX bán hàng làm thủ tục hải quan như thủ tục hải quan xuất khẩu hàng hoá ra nước ngoài theo hợp đồng mua bán (không kê khai tính thuế xuất khẩu). DNCX mua hàng làm thủ tục hải quan như thủ tục hải quan nhập khẩu hàng hoá từ nước ngoài theo hợp đồng mua bán (kê khai và nộp thuế theo quy định).

Doanh nghiệp chế xuất và doanh nghiệp nội địa hoặc DNCX khác thực hiện các bước và thời hạn làm thủ tục hải quan như thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ quy định tại Thông tư 196/2012/TT-BTC (trừ quy định về điều kiện xuất nhập khẩu tại chỗ).

e) Trường hợp hàng hoá mua từ doanh nghiệp nội địa nhưng không đạt yêu

cầu trả lại nội địa để sửa chữa tái nhập, DNCX không mở tờ khai (trừ trường hợp hàng hoá trả lại cho doanh nghiệp nội địa nhưng sau đó không tái nhập trở lại DNCX, DNCX phải khai thông tin theo mẫu Thông báo xuất kho như hướng dẫn tại điểm d khoản 4 Điều 42 Thông tư 196/2012/TT-BTC), doanh nghiệp nội địa mở tờ khai tái nhập theo loại hình tương ứng.

Thời hạn doanh nghiệp nội địa phải làm thủ tục hải quan tái nhập chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày DNCX giao hàng.

5. Hàng hóa gia công (trừ gia công cho nước ngoài)

a) Đối với hàng hóa do DNCX thuê doanh nghiệp nội địa gia công: doanh nghiệp nội địa làm thủ tục hải quan theo quy định về gia công hàng hóa cho thương nhân nước ngoài. DNCX không làm thủ tục hải quan;

b) Đối với hàng hóa do DNCX nhận gia công cho doanh nghiệp nội địa: doanh nghiệp nội địa làm thủ tục hải quan theo quy định về đặt gia công hàng hóa ở nước ngoài theo Thông tư số 117/2011/TT-BTC ngày 15/8/2011 của Bộ Tài chính. DNCX không làm thủ tục hải quan.

Riêng trường hợp DNCX có cung ứng nguyên vật liệu, DNCX khai thông tin cung ứng nguyên vật liệu cung ứng theo đúng khuôn dạng tại mẫu Thông báo xuất kho. Định kỳ hàng tháng, từ ngày 01 đến ngày 10 của tháng sau, DNCX phải khai thông tin hàng hoá xuất cung ứng của tháng trước đến Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

c) Hàng hóa gia công giữa các DNCX với nhau thì DNCX nhận gia công làm thủ tục hải quan theo quy định đối với hàng gia công cho thương nhân nước ngoài.

6. Đối với hàng hóa của DNCX xuất vào nội địa để sửa chữa

a) Trước khi mang hàng hóa ra bên ngoài để sửa chữa, DNCX khai thông tin xuất sửa chữa đến hệ thống hải quan theo đúng khuôn dạng tại mẫu Thông báo xuất kho, trong đó có nội dung: lý do, thời gian sửa chữa. DNCX không phải đăng ký tờ khai hải quan;

b) Khi nhập lại hàng hóa, DNCX khai thông tin nhập hàng sửa chữa đến hệ thống hải quan theo đúng khuôn dạng tại mẫu Thông báo nhập kho;

c) Quá thời hạn đăng ký sửa chữa mà DNCX không đưa hàng trở lại, nếu DNCX có văn bản giải trình lý do hợp lý, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quản lý DNCX xem xét gia hạn 01 lần theo thời hạn thoả thuận sửa chữa giữa các doanh nghiệp. Trường hợp không có lý do hợp lý thì xử lý theo hướng dẫn đối với hàng chuyển đổi mục đích sử dụng.

7. Thủ tục khai báo đối với hàng hoá xuất kho có nguồn nhập khẩu quản lý theo mục đích sử dụng là tiêu dùng

a) Đối với hàng hoá xuất kho theo mục đích xuất tiêu dùng:

a1) DNCX khai thông tin Phiếu xuất kho theo đúng các tiêu chí và khuôn dạng quy định theo mẫu Thông báo xuất kho, gửi đến cơ quan Hải quan qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

a2) Cơ quan Hải quan tiếp nhận thông tin do doanh nghiệp khai đến để làm cơ sở theo dõi nhập - xuất - tồn đối với loại hàng hoá này.

b) Đối với hàng hoá xuất kho theo mục đích xuất tiêu dùng nhưng đã thay đổi sang mục đích khác (sản xuất, đầu tư):

Ví dụ: DNCX nhập khẩu thép để làm kệ đựng sản phẩm (tiêu dùng), nhưng sau đó lại dùng số thép nhập khẩu này để sản xuất ra khuôn (đầu tư tài sản cố định) hoặc dùng thép để sản xuất sản phẩm (sản xuất).

Khi xuất kho hàng hóa, DNCX khai báo thông tin xuất kho hàng hóa nhập khẩu ban đầu đến cơ quan Hải quan theo điểm a khoản 7 Điều 42 Thông tư 196/2012/TT-BTC; đồng thời khai báo thông tin nhập kho đối với hàng hoá mới được hình thành từ việc chuyển đổi hàng hoá nhập khẩu ban đầu theo mẫu Thông báo nhập kho, để cơ quan Hải quan tiếp tục theo dõi nhập khẩu đối với hàng hoá mới này.

Định kỳ hàng tháng, từ ngày 01 đến ngày 10 của tháng sau, DNCX phải khai thông tin hàng hoá xuất nhập của tháng trước đến Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

8. Thủ tục tiêu hủy đối với hàng hóa tại DNCX

a) Trách nhiệm của DNCX:

a1) Trước khi tiến hành tiêu hủy hàng hóa, DNCX phải khai thông tin về việc tiêu hủy nguyên liệu, vật tư, sản phẩm, phế liệu, phế phẩm (trừ phế liệu đã tính trong định mức, tỷ lệ hao hụt), máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, hàng hoá tiêu dùng cho cơ quan Hải quan, kèm văn bản cho phép tiêu hủy tại Việt Nam của Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng các tiêu chí và khuôn dạng quy định theo mẫu Thông tin tiêu hủy nguyên vật liệu, sản phẩm, phế liệu, phế phẩm, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, hàng hoá khác;

a2) Trường hợp hàng hóa tiêu hủy là sản phẩm, phế phẩm, trước khi tiêu hủy, DNCX phải khai thông báo định mức của sản phẩm, phế phẩm như thủ tục thông báo, điều chỉnh định mức hàng hóa gia công quy định tại Thông tư 196/2012/TT-BTC;

a3) Đối với sản phẩm, phế phẩm sau quá trình tiêu hủy được xử lý như sau:

a3.1) Nếu còn giá trị thương mại và bán vào nội địa: doanh nghiệp nội địa làm thủ tục như thủ tục hải quan đối với hợp đồng mua bán quy định tại Thông tư này. DNCX không làm thủ tục hải quan.

Thời hạn doanh nghiệp nội địa phải làm thủ tục hải quan chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày DNCX xuất hoá đơn bán hàng.

a3.2) Nếu không còn giá trị thương mại và đưa ra bên ngoài xử lý: DNCX thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 9 Điều 42 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

b) Trách nhiệm Chi cục Hải quan quản lý DNCX:

b1) Tiếp nhận, kiểm tra, phản hồi thông tin của DNCX về việc đề nghị giám sát tiêu hủy nguyên liệu, vật tư, sản phẩm, phế liệu, phế phẩm, máy móc, thiết bị,

phương tiện vận tải, hàng hoá khác;

b2) Tiến hành giám sát việc tiêu hủy theo quy định.

c) Sau khi kết thúc việc tiêu hủy hàng hóa, các bên phải có biên bản giám sát việc tiêu hủy. Biên bản này phải có chữ ký của giám đốc DNCX (hoặc người được ủy quyền), dấu của DNCX, chữ ký của công chức Hải quan giám sát và các bên có liên quan giám sát việc tiêu hủy.

9. Thủ tục giám sát hải quan đối với trường hợp phế liệu nằm trong tỷ lệ hao hụt, chất thải thu hồi trong quá trình sản xuất của DNCX đưa đi tiêu hủy tại địa điểm ngoài DNCX (dưới đây gọi chung là chất thải)

a) Việc vận chuyển và tiêu hủy chất thải phải thực hiện theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản hướng dẫn liên quan;

b) Cơ quan Hải quan không thực hiện niêm phong hải quan đối với phương tiện chứa chất thải khi vận chuyển chất thải đến địa điểm khác ngoài khu chế xuất, DNCX để xử lý;

c) Trước khi bàn giao chất thải cho người vận chuyển, DNCX (chủ phát sinh nguồn thải) thông báo với Chi cục Hải quan nơi quản lý DNCX biết thời gian bàn giao để Hải quan cử công chức đến làm nhiệm vụ kiểm tra giám sát;

d) Việc kiểm tra, giám sát của cơ quan Hải quan đối với chất thải đưa đi tiêu hủy thực hiện như sau:

d1) Khi nhận được thông báo bằng văn bản của doanh nghiệp, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi quản lý DNCX cử công chức đến doanh nghiệp để làm nhiệm vụ kiểm tra giám sát;

d2) Công chức hải quan được giao nhiệm vụ kiểm tra, giám sát thực hiện:

d2.1) Kiểm tra giấy phép, hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải;

d2.1.1) Đối với chất thải nguy hại:

- Kiểm tra Giấy phép hành nghề xử lý chất thải nguy hại và Giấy phép hành nghề vận chuyển chất thải nguy hại của doanh nghiệp xử lý: giấy phép phải còn hiệu lực, chất thải của DNCX đưa đi xử lý phải phù hợp với chất thải được phép vận chuyển, xử lý ghi trong giấy phép;

- Kiểm tra sự phù hợp giữa hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải với hồ sơ, chứng từ, phương tiện vận chuyển, giấy phép có liên quan.

d2.1.2) Đối với chất thải thông thường:

- Kiểm tra giấy phép kinh doanh của đơn vị xử lý chất thải về ngành nghề xử lý chất thải liên quan;

- Kiểm tra sự phù hợp giữa hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải với hồ sơ, chứng từ, giấy phép có liên quan.

d2.2) Kiểm tra chất thải của DNCX trước khi bàn giao cho người vận chuyển (chất thải để bàn giao phải không lẫn phế liệu chưa tính trong tỷ lệ hao hụt của định mức sản phẩm, phế phẩm còn sử dụng được và các hàng hóa khác);

d2.3) Thực hiện giám sát đưa chất thải vào phương tiện vận chuyển chất thải giám sát việc vận chuyển chất thải ra khỏi ranh giới khu chế xuất, DNCX;

d2.4) Lập biên bản kiểm tra, giám sát có xác nhận của DNCX, người vận chuyển chất thải (biên bản ghi rõ thời gian kiểm tra, giám sát; công chức Hải quan kiểm tra, giám sát; tên DNCX có chất thải, người đại diện DNCX thực hiện bàn giao chất thải; doanh nghiệp ký hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải, người vận chuyển chất thải, số hiệu phương tiện vận chuyển chất thải; tên chất thải, những nội dung đã kiểm tra, giám sát); biên bản lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

đ) Khi nhận được chứng từ chất thải nguy hại từ chủ hành nghề quản lý chất thải nguy hại, DNCX (chủ nguồn thải) chụp liên số 4 chứng từ chất thải nguy hại gửi cho Chi cục Hải quan nơi quản lý DNCX. Khi kiểm tra chi tiết hồ sơ thanh khoản hoặc đột xuất Chi cục Hải quan nơi quản lý DNCX kiểm tra sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, chứng từ chất thải nguy hại lưu tại DNCX.

*** Thanh lý hàng hóa**

Các hình thức thanh lý, hàng hóa thuộc diện thanh lý, điều kiện thanh lý, hồ sơ thanh lý, hàng hóa nhập khẩu vào của DNCX thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2007/TT-BTM ngày 04/04/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

1. Thủ tục thanh lý

a) Thanh lý theo hình thức xuất khẩu: thủ tục thực hiện như quy định tại điểm a khoản 3 Điều 42 Thông tư 196/2012/TT-BTC;

b) Thanh lý theo hình thức nhượng bán tại thị trường Việt Nam: thủ tục thực hiện như quy định tại điểm a và điểm c khoản 4 Điều 42 Thông tư 196/2012/TT-BTC;

c) Thanh lý theo hình thức cho, biếu, tặng tại Việt Nam: thủ tục thực hiện như quy định tại điểm d khoản 4 Điều 42 Thông tư 196/2012/TT-BTC;

d) Thanh lý theo hình thức tiêu huỷ: thủ tục tiêu huỷ thực hiện như quy định tại khoản 8 Điều 42 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

2. Khi khai báo trên tờ khai xuất khẩu hoặc Thông tin chứng từ thanh lý TSCĐ hoặc Thông báo xuất kho đến cơ quan Hải quan, DNCX khai rõ nguồn nhập khẩu của hàng hóa thanh lý, xuất khẩu thống nhất với danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã đăng ký với cơ quan Hải quan.

*** Chế độ báo cáo và kiểm tra đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu của DNCX và kiểm tra sổ sách hàng hoá tồn kho**

1. Quy định chung

Báo cáo hàng hóa tồn kho theo quý hoặc theo năm được lập theo từng mục đích sử dụng khi nhập khẩu vào doanh nghiệp chế xuất.

2. Điều kiện áp dụng chế độ báo cáo và thời hạn báo cáo

a) Đối với DNCX đáp ứng các điều kiện sau đây thì được áp dụng chế độ

báo cáo nhập - xuất - tồn thực tế theo năm dương lịch. Các điều kiện bao gồm:

a1) Doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế liên tục trong thời hạn 36 tháng tính đến thời điểm xem xét.

Cơ quan Hải quan căn cứ vào quá trình quản lý doanh nghiệp để xem xét.

a2) Doanh nghiệp có hệ thống công nghệ thông tin để quản lý toàn bộ dữ liệu về hoạt động sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, giao nhận hàng hoá đáp ứng các yêu cầu quản lý theo dõi hàng hoá nhập - xuất - tồn thực tế.

Doanh nghiệp nộp tài liệu hướng dẫn sử dụng chương trình.

a3) Xây dựng quy chế phối hợp chặt chẽ giữa bộ phận quản lý kho với bộ phận làm thủ tục xuất nhập khẩu để kịp thời khai báo bổ sung với cơ quan Hải quan trong trường hợp có sự không phù hợp giữa thông tin khai báo với thực tế xuất nhập kho hàng hóa, với định mức thực tế.

Doanh nghiệp nộp quy chế phối hợp giữa bộ phận quản lý kho với bộ phận làm thủ tục xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

a4) Chấp hành yêu cầu kiểm tra, thẩm định sự tuân thủ định kỳ theo kế hoạch có thông báo trước hoặc yêu cầu kiểm tra đột xuất của cơ quan Hải quan.

Cơ quan Hải quan căn cứ vào quá trình quản lý doanh nghiệp để xác định.

b) Đối với DNCX chưa đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Thông tư 196/2012/TT-BTC, phải thực hiện chế độ báo cáo nhập - xuất - tồn thực tế hàng quý và cuối mỗi năm.

Thời hạn báo cáo chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu quý sau đối với báo cáo quý và chậm nhất vào ngày cuối quý I năm sau đối với báo cáo năm.

3. Thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng chế độ báo cáo

a) Trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của DNCX và nộp các chứng từ nêu tại điểm a khoản 2 Điều 44 Thông tư 196/2012/TT-BTC tại Chi cục Hải quan nơi quản lý DNCX, chậm nhất trong thời hạn 05 ngày, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi quản lý DNCX xem xét, quyết định và thông báo bằng văn bản đến DNCX biết. Thời điểm áp dụng chế độ báo cáo theo năm được áp dụng ngay trong năm doanh nghiệp đề nghị và thoả mãn các điều kiện quy định.

b) Trong quá trình hoạt động, nếu DNCX không đáp ứng được một trong các điều kiện theo điểm a khoản 2 Điều 44 Thông tư 196/2012/TT-BTC, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi quản lý doanh nghiệp chế xuất sẽ quyết định đình chỉ việc áp dụng thời hạn báo cáo theo năm và chuyển sang thời hạn báo cáo theo quý. DNCX phải thực hiện việc báo cáo từ thời điểm kết thúc của kỳ báo cáo trước đến quý của tháng bị đình chỉ.

Ví dụ: thời gian quyết định đình chỉ việc áp dụng thời hạn báo cáo theo năm là tháng 4, thì DNCX phải thực hiện chế độ báo cáo theo quý là quý II. Số liệu báo cáo quý II này được tính từ số tồn cuối năm trước đến hết quý II (tháng 6) của năm hiện tại.

4. Trách nhiệm báo cáo của DNCX

a) Định kỳ hàng quý, chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu quý sau đối với báo cáo quý hoặc định kỳ hàng năm, chậm nhất vào ngày cuối quý I năm sau đối với báo cáo năm hoặc đột xuất khi cơ quan Hải quan có yêu cầu, DNCX tạo thông tin báo cáo hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu, thanh lý, tồn kho theo sổ sách và tồn kho thực tế theo sổ sách kế toán của DNCX đến kỳ báo cáo theo đúng các tiêu chí và khuôn dạng chuẩn quy định tại mẫu Thông tin báo cáo hàng tồn kho của DNCX, được quản lý theo từng mục đích sử dụng (sản xuất, đầu tư, tiêu dùng), trong đó bao gồm cả nguyên vật liệu tồn dưới dạng sản phẩm dở dang đang nằm trên dây chuyền sản xuất; sản phẩm tồn kho chưa xuất khẩu; hàng đang đi trên đường; hàng gửi bán hộ và hàng hoá khác thuộc sở hữu của DNCX, gửi tới Chi cục Hải quan nơi quản lý DNCX qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

b) Trường hợp số liệu hàng hoá tồn kho có sai lệch giữa thực tế và sổ sách, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan Hải quan, DNCX tạo thông tin giải trình chi tiết theo mẫu Thông báo giải trình lượng tồn kho chênh lệch giữa thực tế với sổ sách, kèm các chứng từ, sổ sách, báo cáo chứng minh gửi đến cơ quan Hải quan qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

5. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan quản lý DNCX

a) Định kỳ hàng quý, chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu quý sau đối với báo cáo quý hoặc định kỳ hàng năm, chậm nhất vào ngày cuối quý I năm sau đối với báo cáo năm hoặc khi có nghi vấn đột xuất, Chi cục Hải quan quản lý DNCX theo dõi số liệu hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu và thanh khoản số liệu, xác định số lượng hàng hoá tồn theo dõi trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan Hải quan.

Căn cứ số liệu hàng hoá tồn tại Thông tin báo cáo hàng tồn kho của DNCX do doanh nghiệp khai đến, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan sẽ tự động đối chiếu với số liệu hàng hoá tồn tại Bảng tổng hợp hàng hóa nhập - xuất - tồn theo dõi tại Chi cục Hải quan quản lý DNCX, để xác định số liệu chênh lệch giữa hàng hóa tồn theo sổ sách và tồn thực tế theo sổ sách kế toán của DNCX với hàng hoá tồn theo sổ sách của cơ quan Hải quan.

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày DNCX gửi thông tin báo cáo hàng hoá tồn đối với bộ hồ sơ thanh khoản quý hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày DNCX gửi thông tin báo cáo hàng hoá tồn đối với hồ sơ thanh khoản năm, Chi cục Hải quan nơi quản lý DNCX có trách nhiệm thông báo đến DNCX thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo một trong các trường hợp sau:

b1) Trường hợp không có chênh lệch số liệu giữa hàng hóa tồn theo sổ sách và tồn thực tế theo sổ sách kế toán của DNCX với hàng hoá tồn theo sổ sách của cơ quan Hải quan, Chi cục Hải quan quản lý DNCX chấp nhận thanh khoản và phản hồi cho DNCX;

b2) Trường hợp có chênh lệch số liệu giữa hàng hóa tồn theo sổ sách và tồn thực tế theo sổ sách kế toán của DNCX với hàng hoá tồn theo sổ sách của cơ

quan Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quản lý DNCX quyết định gửi Bảng tổng hợp chênh lệch giữa hàng hóa tồn kho thực tế với sổ sách đến DNCX để yêu cầu giải trình.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được giải trình chênh lệch số liệu của DNCX, cơ quan hải quan xử lý như sau:

b2.1) Trường hợp giải trình của DNCX có cơ sở hợp lý, Chi cục Hải quan quản lý DNCX chấp nhận thanh khoản và phản hồi cho DNCX;

b2.2) Trường hợp giải trình của DNCX chưa có cơ sở hợp lý, thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, cơ quan Hải quan thông báo cho DNCX nộp bản chụp, xuất trình bản chính từ một đến toàn bộ các chứng từ, sổ sách, báo cáo dưới đây:

b2.2.1) Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho liên quan đến hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu;

b2.2.2) Sổ kế toán chi tiết của các tài khoản liên quan đến hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu;

b2.2.3) Báo cáo kế toán năm;

b2.2.4) Các chứng từ khác liên quan đến hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu (nếu có).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được các chứng từ do DNCX nộp, xuất trình, cơ quan hải quan xử lý như sau:

b2.3) Chỉ có đủ căn cứ xác định sai sót qua kết quả kiểm tra số liệu hàng tồn kho thực tế theo sổ sách kế toán của DNCX, Chi cục Hải quan nơi quản lý DNCX tiến hành các biện pháp: xử lý vi phạm hành chính về hải quan, thực hiện việc ấn định thuế theo quy định và phản hồi cho DNCX;

b2.4) Trường hợp qua kết quả kiểm tra số liệu hàng tồn kho thực tế theo sổ sách kế toán của DNCX mà chưa đủ căn cứ để xác định sai sót của DNCX, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi quản lý DNCX quyết định kiểm tra thực tế hàng tồn kho hoặc chuyển hồ sơ sang kiểm tra sau thông quan theo quy định.

- Cách thức thực hiện:

I.Thực hiện theo phương thức thủ công: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

II.Thực hiện theo phương thức điện tử:

*** Đăng ký, sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu**

Việc tiếp nhận thông tin danh mục trao đổi các thông tin theo quy định của pháp luật: thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Việc kiểm tra, đăng ký danh mục: thực hiện thủ công.

*** Thông báo, điều chỉnh định mức, tỷ lệ hao hụt nguyên liệu, vật tư cho sản phẩm xuất khẩu**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp kiểm tra hồ sơ định mức và kiểm tra thực tế định mức: thực hiện thủ công.

*** Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu của DNCX**

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hàng hóa được phân vào luồng vàng hoặc luồng đỏ: thực hiện theo phương thức thủ công.

*** Thanh lý hàng hóa**

Việc khai, tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hàng hóa được phân vào luồng vàng hoặc luồng đỏ: thực hiện theo phương thức thủ công.

*** Chế độ báo cáo và kiểm tra đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu của DNCX và kiểm tra sổ sách hàng hoá tồn kho**

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng tồn kho: Thực hiện thủ công.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

***Thành phần hồ sơ:**

<u>I. Thực hiện theo phương thức thủ công:</u>

- Hồ sơ xuất nhập khẩu: Tờ khai hải quan; bản kê chi tiết hàng hoá; Vận tải đơn;
- Hồ sơ thanh khoản: Đã nêu tại điểm 4 mục 5 Biểu mẫu này

<u>II. Thực hiện theo phương thức điện tử:</u>

*** Đăng ký, sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu**

Bảng danh mục hàng hóa nhập khẩu vào DNCX và Bảng danh mục hàng hóa xuất khẩu ra khỏi DNCX: 01 bản điện tử

*** Thông báo, điều chỉnh định mức, tỷ lệ hao hụt nguyên liệu, vật tư cho sản phẩm xuất khẩu**

Thông tin về Định mức thực tế đối với sản phẩm xuất khẩu ra khỏi doanh nghiệp chế xuất hoặc Thông tin về Định mức thực tế đối với nguyên liệu trực tiếp thanm gia vào sản phẩm xuất khẩu được tách ra từ nguyên liệu gốc: 01 bản điện tử

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

*** Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu của DNCX**

1. Đối với hàng hóa DNCX nhập khẩu từ nước ngoài, từ kho ngoại quan, từ DNCX khác

a) Hàng hoá nhập khẩu quản lý theo mục đích sử dụng là sản xuất (bao gồm cả trường hợp DNCX nhận gia công cho nước ngoài; nhập khẩu tại chỗ), đầu tư, tiêu dùng:

Hồ sơ giống như thủ tục hải quan đối với hợp đồng mua bán (trừ việc kê khai thuế) quy định tại chương III Thông tư 196/2012/TT-BTC.

Trường hợp hàng hoá nhập khẩu quản lý theo mục đích sử dụng là đầu tư, trong hồ sơ hải quan điện tử phải kèm công văn (bản giấy hoặc bản scan) đề nghị nhập khẩu hàng hóa tạo tài sản cố định của DNCX và danh mục hàng hóa (chi tiết tên hàng, số lượng hàng, đơn vị tính, mã HS, quy cách chủng loại, trị giá hàng nhập khẩu của lô hàng, tổng vốn đầu tư tạo tài sản cố định đã đăng ký và tổng vốn đầu tư tạo tài sản cố định còn lại trước khi nhập khẩu lô hàng này).

b) Trường hợp hàng hóa mua, bán giữa các DNCX với nhau quản lý theo mục đích sử dụng là sản xuất, đầu tư, tiêu dùng:

Hồ sơ giống như thủ tục hải quan đối với hợp đồng mua bán (trừ việc kê khai thuế) quy định tại chương III Thông tư 196/2012/TT-BTC.

c) Trường hợp hàng hoá nhập khẩu theo mục đích là mua bán (quyền nhập khẩu):

Hồ sơ giống như thủ tục hải quan đối với hợp đồng mua bán quy định tại chương III Thông tư 196/2012/TT-BTC (kê khai tính thuế nhập khẩu, thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế bảo vệ môi trường (nếu có)).

2. Đối với hàng hóa DNCX nhập khẩu từ nội địa theo hình thức mua bán

a) Trường hợp hàng hoá nhập khẩu từ nội địa quản lý theo mục đích sử dụng là sản xuất, đầu tư, tiêu dùng:

Hồ sơ giống như thủ tục hải quan đối với hợp đồng mua bán (trừ việc kê khai thuế) quy định tại chương III Thông tư 196/2012/TT-BTC.

b) Trường hợp hàng hoá nhập khẩu từ nội địa quản lý theo mục đích sử dụng khác (trừ hàng hoá nhập khẩu theo điểm c khoản 2 Điều 42 Thông tư 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012), Hồ sơ theo từng loại hình tương ứng;

c) Trường hợp hàng hoá nhập khẩu từ nội địa quản lý theo mục đích sử dụng là mua bán (thực hiện quyền xuất khẩu):

Hồ sơ giống như thủ tục hải quan đối với hợp đồng mua bán (trừ việc kê khai thuế) quy định tại chương III Thông tư 196/2012/TT-BTC.

3. Đối với hàng hóa của DNCX xuất khẩu ra nước ngoài, xuất vào kho ngoại quan, xuất sang DNCX khác

a) Đối với hàng hoá xuất khẩu (bao gồm cả xuất khẩu tại chỗ) có nguồn nhập khẩu quản lý theo mục đích sử dụng là sản xuất, đầu tư, tiêu dùng:

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Hồ sơ giống như thủ tục hải quan đối với hợp đồng mua bán (trừ việc kê khai thuế) quy định tại chương III Thông tư 196/2012/TT-BTC.

b) Trường hợp hàng hoá xuất khẩu theo mục đích là mua bán (quyền xuất khẩu), DNCX làm thủ tục hải quan như thủ tục hải quan xuất khẩu hàng hoá ra nước ngoài theo hợp đồng mua bán (kê khai tính thuế xuất khẩu (nếu có)).

4. Đối với hàng hóa của DNCX bán vào nội địa, hàng hóa xuất dùng sửa chữa sản phẩm tái nhập, hàng hoá mua từ doanh nghiệp nội địa nhưng không đạt yêu cầu trả lại nội địa để sửa chữa tái nhập và hàng hoá xuất khẩu khác (trừ trường hợp xuất khẩu ra nước ngoài):

a) Đối với sản phẩm, phế liệu, phế phẩm (trong đó phế liệu, phế phẩm chưa được xây dựng trong định mức) được phép bán vào thị trường nội địa, có nguồn nhập khẩu quản lý theo mục đích sử dụng là sản xuất:

Hồ sơ giống như thủ tục hải quan đối với hợp đồng mua bán (trừ việc kê khai thuế) quy định tại chương III Thông tư 196/2012/TT-BTC.

b) Đối với phế liệu, phế phẩm (nằm trong tỷ lệ hao hụt) có nguồn nhập khẩu quản lý theo mục đích sử dụng là sản xuất được phép bán vào thị trường nội địa:

DNCX không làm thủ tục xuất khẩu.

Doanh nghiệp nội địa nộp hồ sơ theo từng loại hình tương ứng.

c) Đối với hàng hoá xuất thanh lý từ nguồn nhập khẩu quản lý theo mục đích sử dụng là đầu tư, tiêu dùng:

Đối với DNCX: Thông tin chứng từ thanh lý TSCĐ: 01 bản điện tử

Doanh nghiệp nội địa nộp hồ sơ theo loại hình tương ứng.

d) Đối với hàng hoá xuất dùng để sửa chữa sản phẩm tái nhập và hàng hóa xuất khẩu khác từ nguồn nhập khẩu quản lý theo mục đích sử dụng là sản xuất, đầu tư, tiêu dùng:

DNCX: Thông báo xuất kho: 01 bản điện tử

đ) Đối với hàng hoá được nhập khẩu từ nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối, sau đó xuất bán vào nội địa, xuất bán cho DNCX khác:

đ1) Trường hợp xuất bán cho các doanh nghiệp nội địa, DNCX nộp hồ sơ giống như thủ tục hải quan đối với hợp đồng mua bán quy định tại chương III Thông tư 196/2012/TT-BTC (không kê khai tính thuế xuất khẩu).

Doanh nghiệp nội địa nộp hồ sơ theo loại hình tương ứng;

đ2) Trường hợp bán lại hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế cho DNCX khác, DNCX bán hàng nộp hồ sơ như thủ tục hải quan xuất khẩu hàng hoá ra nước ngoài theo hợp đồng mua bán (không kê khai tính thuế xuất khẩu). DNCX mua hàng nộp hồ sơ như thủ tục hải quan nhập khẩu hàng hoá từ nước ngoài theo hợp đồng mua bán (kê khai và nộp thuế theo quy định).

e) Trường hợp hàng hoá mua từ doanh nghiệp nội địa nhưng không đạt yêu cầu trả lại nội địa để sửa chữa tái nhập, DNCX không mở tờ khai (trừ trường hợp hàng hoá trả lại cho doanh nghiệp nội địa nhưng sau đó không tái nhập trở lại DNCX, DNCX phải khai thông tin theo mẫu Thông báo xuất kho như hướng dẫn tại điểm d khoản 4 Điều 42 Thông tư số 196/2012/TT-BTC), doanh nghiệp nội địa mở tờ khai tái nhập theo loại hình tương ứng.

5. Hàng hóa gia công (trừ gia công cho nước ngoài)

a) Đối với hàng hóa do DNCX thuê doanh nghiệp nội địa gia công: doanh nghiệp nội địa nộp hồ sơ theo quy định về gia công hàng hóa cho thương nhân nước ngoài. DNCX không làm thủ tục hải quan;

b) Đối với hàng hóa do DNCX nhận gia công cho doanh nghiệp nội địa: doanh nghiệp nội địa làm thủ tục hải quan theo quy định về đặt gia công hàng hóa ở nước ngoài theo Thông tư số 117/2011/TT-BTC ngày 15/8/2011 của Bộ Tài chính. DNCX không làm thủ tục hải quan.

Riêng trường hợp DNCX có cung ứng nguyên vật liệu, DNCX khai thông tin cung ứng nguyên vật liệu cung ứng theo đúng khuôn dạng tại mẫu Thông báo xuất kho: 01 bản điện tử

c) Hàng hóa gia công giữa các DNCX với nhau thì DNCX nhận gia công làm thủ tục hải quan theo quy định đối với hàng gia công cho thương nhân nước ngoài.

6. Đối với hàng hóa của DNCX xuất vào nội địa để sửa chữa

a) Trước khi mang hàng hóa ra bên ngoài để sửa chữa, DNCX khai thông tin xuất sửa chữa đến hệ thống hải quan theo đúng khuôn dạng tại mẫu Thông báo xuất kho (01 bản điện tử), trong đó có nội dung: lý do, thời gian sửa chữa. DNCX không phải đăng ký tờ khai hải quan;

b) Khi nhập lại hàng hóa, DNCX khai thông tin nhập hàng sửa chữa đến hệ thống hải quan theo đúng khuôn dạng tại mẫu Thông báo nhập kho: 01 bản điện tử

7. Thủ tục khai báo đối với hàng hoá xuất kho có nguồn nhập khẩu quản lý theo mục đích sử dụng là tiêu dùng

a) Đối với hàng hoá xuất kho theo mục đích xuất tiêu dùng:

a1) DNCX khai thông tin Phiếu xuất kho theo đúng các tiêu chí và khuôn dạng quy định theo mẫu Thông báo xuất kho: 01 bản điện tử

8. Thủ tục tiêu hủy đối với hàng hóa tại DNCX

a) Trách nhiệm của DNCX:

a1) Trước khi tiến hành tiêu hủy hàng hóa, DNCX phải khai thông tin về việc tiêu hủy nguyên liệu, vật tư, sản phẩm, phế liệu, phế phẩm (trừ phế liệu đã tính trong định mức, tỷ lệ hao hụt), máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, hàng hoá tiêu dùng cho cơ quan Hải quan, kèm văn bản cho phép tiêu hủy tại Việt Nam của Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng các tiêu chí và khuôn dạng quy định theo mẫu Thông tin tiêu hủy nguyên vật liệu, sản phẩm, phế liệu, phế phẩm,

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, hàng hoá khác;

a2) Trường hợp hàng hóa tiêu hủy là sản phẩm, phế phẩm, trước khi tiêu hủy, DNCX phải khai thông báo định mức của sản phẩm, phế phẩm như thủ tục thông báo, điều chỉnh định mức hàng hóa gia công quy định tại Thông tư 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012;

a3) Đối với sản phẩm, phế phẩm sau quá trình tiêu hủy được xử lý như sau:

a3.1) Nếu còn giá trị thương mại và bán vào nội địa: doanh nghiệp nội địa làm thủ tục như thủ tục hải quan đối với hợp đồng mua bán quy định tại Thông tư này. DNCX không làm thủ tục hải quan.

Thời hạn doanh nghiệp nội địa phải làm thủ tục hải quan chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày DNCX xuất hoá đơn bán hàng.

a3.2) Nếu không còn giá trị thương mại và đưa ra bên ngoài xử lý: DNCX thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 9 Điều 42 Thông tư số 196/2012/TT-BTC.

b) Sau khi kết thúc việc tiêu hủy hàng hóa, các bên phải có biên bản giám sát việc tiêu hủy. Biên bản này phải có chữ ký của giám đốc DNCX (hoặc người được ủy quyền), dấu của DNCX, chữ ký của công chức Hải quan giám sát và các bên có liên quan giám sát việc tiêu hủy.

* Thanh lý hàng hóa

Hồ sơ thanh lý hàng nhập khẩu đã được miễn thuế nhập khẩu gửi cơ quan hải quan bao gồm:

- Thanh lý vật tư, thiết bị nhập khẩu dôi dư sau khi hoàn thành xây dựng cơ bản:

+ Công văn đề nghị thanh lý (kèm theo danh mục hàng đề nghị thanh lý), trong đó nêu rõ hình thức thanh lý: 01 bản

- Thanh lý máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển và hàng hoá khác khi doanh nghiệp vẫn đang hoạt động:

+ Công văn đề nghị thanh lý của doanh nghiệp, trong đó nêu rõ hình thức thanh lý và danh mục máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư và các hàng hoá khác đề nghị thanh lý: 01 bản

+ Bản kê khai khấu hao máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển hoặc biên bản giám định máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển bị hư hỏng : 01 bản

- Thanh lý máy móc, thiết bị, vật tư và các hàng hoá khác sau khi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có quyết định giải thể, chấm dứt hoạt động:

+ Công văn đề nghị thanh lý của doanh nghiệp, trong đó nêu rõ hình thức thanh lý và danh mục máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư và các hàng hoá khác đề nghị thanh lý : 01 bản

+ Bản kê khai khấu hao máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển hoặc biên bản giám định máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển: 01 bản

+ Quyết định của cơ quan cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

tư chấp thuận việc giải thể, chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp: 01 bản

+ Phương án thanh lý tài sản: : 01 bản

*** Chế độ báo cáo và kiểm tra đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu của DNCX và kiểm tra sổ sách hàng hoá tồn kho**

a) Thông tin báo cáo hàng tồn kho của DNCX: 01 bản điện tử

b) Thông báo giải trình lượng tồn kho chênh lệch giữa thực tế với sổ sách, kèm các chứng từ, sổ sách, báo cáo chứng minh: 01 bản điện tử

c) DNCX nộp bản chụp, xuất trình bản chính từ một đến toàn bộ các chứng từ, sổ sách, báo cáo dưới đây:

c1) Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho liên quan đến hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu: 01 bản

c2) Sổ kế toán chi tiết của các tài khoản liên quan đến hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu: 01 bản

c3) Báo cáo kế toán năm: 01 bản

c4) Các chứng từ khác liên quan đến hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu (nếu có): 01 bản

d) Đối với doanh nghiệp muốn thực hiện báo cáo theo năm thì nộp thêm:

d1) Tài liệu hướng dẫn sử dụng chương trình: 01 bản

d2) Quy chế phối hợp giữa bộ phận quản lý kho với bộ phận làm thủ tục xuất nhập khẩu của doanh nghiệp: 01 bản

*** Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)**

- Thời hạn giải quyết:

<u>I. Thực hiện theo phương thức thủ công:</u>

- Thời hạn tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan: ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan đúng quy định của pháp luật (Khoản 1, Điều 19 Luật Hải quan)

- Thời hạn hoàn thành thành kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải (tính từ thời điểm người khai hải quan đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu về làm thủ tục hải quan theo quy đinh tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Hải quan):

+ Chậm nhất là 08 giờ làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế một phần hàng hóa theo xác suất;

+ Chậm nhất là 02 ngày làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thực kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa.

Trong trường hợp áp dụng hình thức kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa mà lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu có số lượng lớn, việc kiểm tra phức tạp thì thời hạn kiểm tra có thể được gia hạn nhưng không quá 08 giờ làm việc.

<u>II. Thực hiện theo phương thức điện tử:</u>

*** Đăng ký, sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa nhập khẩu, xuất**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

khẩu:

Phản hồi thông tin cho người khai hải quan chậm nhất 02 giờ làm việc kể từ khi tiếp nhận

*** Thông báo, điều chỉnh định mức, tỷ lệ hao hụt nguyên liệu, vật tư cho sản phẩm xuất khẩu:**

1) Trường hợp định mức chưa hợp lệ hoặc chấp nhận định mức trên cơ sở thông tin định mức thì phản hồi thông tin cho người khai hải quan chậm nhất 02 giờ làm việc kể từ khi tiếp nhận;

2) Trường hợp phải kiểm tra hồ sơ giấy: chậm nhất 08 giờ làm việc kể từ khi người khai hải quan nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan Hải quan hoàn thành thủ tục kiểm tra định mức.

Trường hợp có nhiều mã hàng cần kiểm tra định mức, trong 08 giờ làm việc không thể kiểm tra hết thì được kéo dài sang ngày làm việc tiếp theo nhưng thời gian kéo dài không quá 08 giờ làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm tra.

3) Đối với trường hợp kiểm tra thực tế định mức trước khi chấp nhận định mức:

3.1) Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ khi thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan Hải quan tiến hành xong kiểm tra thực tế định mức và hoàn thành việc đăng ký định mức;

3.2) Đối với trường hợp thương nhân có cơ sở sản xuất ở tỉnh, thành phố khác với nơi thông báo định mức thì chậm nhất là 08 ngày làm việc kể từ khi người khai hải quan nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan Hải quan tiến hành xong kiểm tra thực tế định mức và hoàn thành việc đăng ký định mức.

*** Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu của DNCX**

- Thời hạn tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan: ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan đúng quy định của pháp luật (Khoản 1, Điều 19 Luật Hải quan)

- Thời hạn hoàn thành thành kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải (tính từ thời điểm người khai hải quan đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu về làm thủ tục hải quan theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Hải quan):

+ Chậm nhất là 08 giờ làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế một phần hàng hóa theo xác suất;

+ Chậm nhất là 02 ngày làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thực kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa.

Trong trường hợp áp dụng hình thức kiểm tra thực tế tòan bộ hàng hóa mà lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu có số lượng lớn, việc kiểm tra phức tạp thì thời hạn kiểm tra có thể được gia hạn nhưng không quá 08 giờ làm việc.

*** Thanh lý hàng hóa**

- Thời hạn tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan: ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan đúng quy định của pháp luật (Khoản 1, Điều 19 Luật Hải quan)

- Thời hạn hoàn thành thành kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải (tính từ thời điểm người khai hải quan đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu về làm thủ tục hải quan theo quy đinh tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Hải quan):

+ Chậm nhất là 08 giờ làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế một phần hàng hóa theo xác suất;

+ Chậm nhất là 02 ngày làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thực kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa.

Trong trường hợp áp dụng hình thức kiểm tra thực tế tòan bộ hàng hóa mà lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu có số lượng lớn, việc kiểm tra phức tạp thì thời hạn kiểm tra có thể được gia hạn nhưng không quá 08 giờ làm việc.

*** Chế độ báo cáo và kiểm tra đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu của DNCX và kiểm tra sổ sách hàng hoá tồn kho**

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày DNCX gửi thông tin báo cáo hàng hoá tồn đối với bộ hồ sơ thanh khoản quý hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày DNCX gửi thông tin báo cáo hàng hoá tồn đối với hồ sơ thanh khoản năm, Chi cục Hải quan nơi quản lý DNCX có trách nhiệm thông báo đến DNCX thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo một trong các trường hợp sau:

Chấp nhận thanh khoản và phản hồi cho DNCX;

Có chênh lệch số liệu giữa hàng hóa tồn theo sổ sách và tồn thực tế theo sổ sách kế toán của DNCX với hàng hoá tồn theo sổ sách của cơ quan Hải quan.

- Thời gian xem xét, chấp nhận/ không chấp nhận giải trình: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được giải trình chênh lệch số liệu của DNCX.

- Trường hợp cơ quan hải quan không chấp nhận giải trình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được các chứng từ do DNCX nộp, xuất trình, cơ quan hải quan ra quyết định xử lý.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

*** Đăng ký, sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận thông tin đăng ký danh mục: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra, hướng dẫn đăng ký danh mục; chấp nhận/ không chấp nhận danh mục sản phẩm xuất khẩu: Chi cục Hải quan

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan

Tiếp nhận thông tin đăng ký danh mục: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra, hướng dẫn đăng ký danh mục; chấp nhận/ không chấp nhận danh mục sản phẩm xuất khẩu: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

*** Thông báo, điều chỉnh định mức, tỷ lệ hao hụt nguyên liệu, vật tư cho sản phẩm xuất khẩu**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận thông tin thông báo, điều chỉnh định mức: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hướng dẫn thông báo định mức, điều chỉnh định mức; chấp nhận/ không chấp nhận định mức, điều chỉnh định mức: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan

Tiếp nhận thông tin thông báo, điều chỉnh định mức: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hướng dẫn thông báo định mức, điều chỉnh định mức; chấp nhận/ không chấp nhận định mức, điều chỉnh định mức: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

*** Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu của DNCX**

1. Thủ tục tiêu huỷ đối với hàng hóa tại DNCX:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận thông tin tiêu hủy: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Tiếp nhận, kiểm tra, phản hồi chấp nhận/ không chấp nhận cho phép tiêu hủy, giám sát tiêu hủy: Chi cục Hải quan.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Tiếp nhận thông tin tiêu hủy: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Tiếp nhận, kiểm tra, phản hồi chấp nhận/ không chấp nhận cho phép tiêu hủy, giám sát tiêu hủy: Chi cục Hải quan.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

2. Các thủ tục khác đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu của doanh nghiệp chế xuất

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

*** Thanh lý hàng hóa**

1.Thanh lý theo hình thức xuất khẩu:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

2) Thanh lý theo hình thức nhượng bán tại thị trường Việt Nam:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

3) Thanh lý theo hình thức cho, biếu, tặng tại Việt Nam:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

4) Thanh lý theo hình thức tiêu huỷ:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận thông tin tiêu hủy: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Kiểm tra, phản hồi chấp nhận/ không chấp nhận cho phép tiêu hủy, giám sát tiêu hủy: Chi cục Hải quan.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Tiếp nhận thông tin tiêu hủy: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Kiểm tra, phản hồi chấp nhận/ không chấp nhận cho phép tiêu hủy, giám sát tiêu hủy: Chi cục Hải quan.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

*** Chế độ báo cáo và kiểm tra đối với hàng**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu số liệu báo cáo: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Chấp nhận/ không chấp nhận số liệu báo cáo, kiểm tra sổ sách, chứng từ: Chi cục Hải quan.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu số liệu báo cáo: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Chấp nhận/ không chấp nhận số liệu báo cáo, kiểm tra sổ sách, chứng từ: Chi cục Hải quan.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công: Quyết định thông quan hoặc phê duyệt danh mục.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

*** Đăng ký, sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu:** Chấp nhận danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

*** Thông báo, điều chỉnh định mức, tỷ lệ hao hụt nguyên liệu, vật tư cho sản phẩm xuất khẩu:** Chấp nhận định mức, tỷ lệ hao hụt / điều chỉnh định mức, tỷ lệ hao hụt

*** Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu của DNCX:** Quyết định thông quan

*** Thanh lý hàng hóa:**

- Thủ tục tiêu hủy: Biên bản giám sát tiêu hủy
- Hình thức thanh lý khác: Quyết định thông quan

*** Chế độ báo cáo và kiểm tra đối với hàng:** Chấp nhận kết quả thanh khoản

- Phí, lệ phí:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công: 20.000 đồng

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

*** Đăng ký, sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu:** Không

*** Thông báo, điều chỉnh định mức, tỷ lệ hao hụt nguyên liệu, vật tư cho sản phẩm xuất khẩu:** Không

*** Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu của DNCX:**

- Thủ tục tiêu hủy: Không
- Các trường hợp khác: 20.000 đồng

*** Thanh lý hàng hóa**

- Thủ tục tiêu hủy: Không
- Hình thức thanh lý khác: 20.000 đồng

*** Chế độ báo cáo và kiểm tra đối với hàng:** Không

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

* Tờ khai hải quan (Quyết định 1257/QĐ-TCHQ ngày 04/12/2001 v/v ban hành mẫu tờ khai hải quan hàng hóa XK, NK, giấy thông báo thuế và quyết định điều chỉnh thuế)

* Bảng định mức (mẫu 07/ĐKĐM-SXXK ban hành kèm Thông tư số 194/2010/TT-BTC hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh);

* Báo cáo nhập, xuất, tồn (mẫu 10/HSTK-CX ban hành kèm Thông tư số 194/2010/TT-BTC hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

* Các mẫu ban hành kèm Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại - Thông tin về định mức thực tế đối với sản phẩm đưa ra doanh nghiệp chế xuất:

1. Các mẫu chỉ tiêu thông tin điện tử

- Bảng danh mục hàng hoá nhập khẩu vào doanh nghiệp chế xuất
- Bảng danh mục hàng hoá xuất khẩu ra khỏi doanh nghiệp chế xuất
- Thông tin về định mức thực tế đối với sản phẩm xuất khẩu ra khỏi doanh nghiệp chế xuất
- Thông tin về định mức thực tế đối với nguyên liệu trực tiếp tham gia vào sản phẩm xuất khẩu được tách ra từ nguyên liệu gốc (nguyên liệu thành phần)
- Thông báo xuất kho
- Thông báo nhập kho
- Thông tin báo cáo hàng tồn kho của doanh nghiệp chế xuất
- Thông báo quyết định kiểm tra thực tế hàng tồn kho
- Thông tin hủy nguyên vật liệu, sản phẩm, phế liệu, phế phẩm, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, hàng hoá khác
- Thông tin chứng từ thanh lý tài sản cố định
- Thông báo giải trình chênh lệch thực tế nhận hàng với khai báo
- Thông báo giải trình lượng tồn kho chênh lệch giữa thực tế với sổ sách

2. Các mẫu chứng từ in

- Bảng tổng hợp hàng hóa Nhập – Xuất – Tồn
- Bảng tổng hợp chênh lệch giữa hàng hóa tồn kho thực tế với sổ sách
- Báo cáo hàng tồn kho của doanh nghiệp chế xuất
- Thông báo giải trình chênh lệch thực tế nhận hàng với khai báo
- Thông báo giải trình lượng tồn kho chênh lệch giữa thực tế với sổ sách

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

+ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

+ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

+ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

+ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Thông tư số 172/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Hải quan.

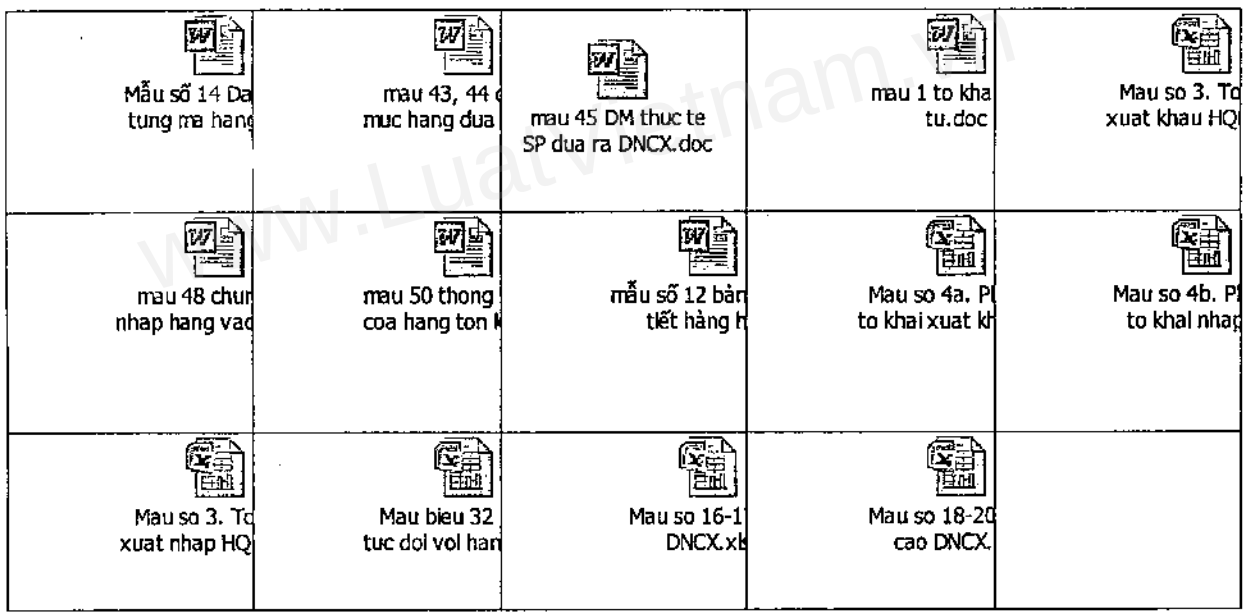

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Thủ tục hải quan đối với hàng hoá đã xuất khẩu nhưng bị trả lại (thủ công - điện tử) B-BTC-122332-TT

- Trình tự thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

1. Thủ tục nhập khẩu hàng trả lại

a) Hồ sơ hải quan gồm:

a.1) Văn bản đề nghị tái nhập hàng hoá, nêu rõ hàng hoá thuộc tờ khai xuất khẩu nào, đã được cơ quan hải quan xét hoàn thuế, không thu thuế và đã kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào với cơ quan thuế chưa? (ghi rõ số quyết định hoàn thuế, không thu thuế) đồng thời nêu rõ lý do tái nhập (để tái chế hoặc để tiêu thụ nội địa hoặc để tiêu huỷ; hàng nhập khẩu để tái chế phải ghi rõ địa điểm tái chế, thời gian tái chế, cách thức tái chế, những hao hụt sau khi tái chế): nộp 01 bản chính;

a.2) Tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu, bản kê chi tiết hàng hoá, vận tải đơn: như đối với hàng hoá nhập khẩu thương mại;

a.3) Tờ khai hải quan hàng hoá xuất khẩu trước đây: nộp 01 bản sao;

a.4) Văn bản của bên nước ngoài thông báo hàng bị trả lại: nộp 01 bản chính.

b) Cơ quan hải quan làm thủ tục hải quan như đối với hàng hoá nhập khẩu thương mại. Hàng tái nhập phải kiểm tra thực tế hàng hoá. Công chức hải quan làm nhiệm vụ kiểm tra hàng hoá phải đối chiếu hàng hoá nhập khẩu với mẫu lưu nguyên liệu (nếu sản phẩm xuất khẩu thuộc loại hình gia công, SXXK và có lấy mẫu nguyên liệu; nguyên liệu không bị biến đổi trong quá trình sản xuất sản phẩm) và hàng hoá mô tả trên tờ khai xuất khẩu để xác định phù hợp giữa hàng hoá nhập khẩu trở lại Việt Nam với hàng hoá đã xuất khẩu trước đây; lấy mẫu hàng tái nhập hoặc chụp hình (đối với lô hàng tạm nhập không thể lấy mẫu được) để đối chiếu khi tái xuất.

c) Đối với hàng hoá tái nhập để tái chế thì thời hạn tái chế do doanh nghiệp đăng ký với cơ quan hải quan nhưng không quá 275 ngày kể từ ngày tái nhập; quá thời hạn đăng ký mà chưa tái xuất thì phải nộp thuế theo quy định.

2. Thủ tục tái xuất hàng đã tái chế

a) Hồ sơ hải quan gồm:

a.1) Tờ khai hàng hoá xuất khẩu: nộp 02 bản chính;

a.2) Tờ khai hàng hoá nhập khẩu (để tái chế): nộp 01 bản sao.

b) Cơ quan hải quan làm thủ tục như đối với hàng hoá xuất khẩu thương mại. Đối với lô hàng phải kiểm tra thực tế hàng hoá, công chức hải quan làm nhiệm vụ kiểm tra hàng hoá phải đối chiếu thực tế hàng tái xuất với mẫu hàng hoá khi tái nhập (hoặc hình ảnh chụp hàng hoá khi làm thủ tục tái nhập).

c) Nếu hàng tái chế không tái xuất được thì doanh nghiệp phải có văn bản gửi Chi cục Hải quan làm thủ tục tái nhập giải trình rõ lý do không tái xuất được, trên cơ sở đó đề xuất Chi cục Hải quan làm thủ tục tái nhập xem xét, chấp nhận các hình thức xử lý như sau:

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

c.1) Đối với sản phẩm tái chế là hàng gia công:

- Làm thủ tục hải quan theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ để tiêu thụ nội địa, nếu đáp ứng đủ điều kiện như đối với xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ sản phẩm gia công quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP; hoặc

- Tiêu huỷ, nếu bên thuê gia công đề nghị được tiêu huỷ tại Việt Nam và Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương cho phép tiêu huỷ tại Việt Nam.

c.2) Đối với sản phẩm tái chế không phải là hàng gia công thì chuyển tiêu thụ nội địa như hàng tái nhập để tiêu thụ nội địa.

3. Trường hợp hàng tái nhập là sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu; hàng hoá kinh doanh thuộc đối tượng được hoàn thuế nhập khẩu thì Hải quan làm thủ tục tái nhập phải thông báo cho Hải quan làm thủ tục hoàn thuế nhập khẩu biết (nếu 02 đơn vị Hải quan này là 02 Chi cục Hải quan khác nhau) về các trường hợp nêu tại điểm b, c khoản 1 và điểm c khoản 5 Điều 51 hoặc trường hợp quá thời hạn nêu tại điểm c khoản 4 Điều 51 Thông tư 194/2010/TT-BTC để xử lý thuế theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 113 Thông tư 194/2010/TT-BTC.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

A. Thủ tục nhập khẩu hàng trả lại:

- Đối với người khai hải quan:

Khi khai hải quan điện tử, người khai hải quan thực hiện:

1. Tạo thông tin khai tờ khai hải quan điện tử (bao gồm cả tờ khai trị giá trong trường hợp hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá theo quy định hiện hành) trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo đúng các tiêu chí, định dạng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai.

a) Trường hợp người khai hải quan là đại lý làm thủ tục hải quan phải khai rõ nội dung uỷ quyền;

b) Hàng hóa nhập khẩutheo các loại hình khác nhau hoặc theo một loại hình nhưng có thời hạn nộp thuế khác nhau thì phải khai trên tờ khai hàng hóa nhập khẩukhác nhau theo từng loại hình tương ứng hoặc từng thời hạn nộp thuế tương ứng, ngoại trừ các trường hợp sau đây:

b1) Một mặt hàng nhập khẩu nhưng có thời hạn nộp thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường khác nhau thì thực hiện khai trên cùng một tờ khai hải quan;

b2) Lô hàng nhập khẩu gồm nhiều mặt hàng có thời hạn nộp thuế khác nhau thuộc cùng một hợp đồng/đơn hàng, cùng một loại hình, nếu người khai hải quan nộp thuế ngay hoặc có bảo lãnh về số thuế phải nộp cho toàn bộ lô hàng thì khai trên cùng một tờ khai hàng hóa nhập khẩu.

c) Khai hải quan đối với hàng hóa có nhiều hợp đồng/đơn hàng:

c1) Một mặt hàng nhập khẩu có nhiều hợp đồng/đơn hàng, có một hoặc nhiều hóa đơn của một người bán hàng, cùng điều kiện giao hàng, giao hàng một lần, có một vận đơn thì người khai hải quan được khai trên một tờ khai hoặc nhiều tờ khai hải quan;

c2) Khi khai hải quan, người khai hải quan phải khai đầy đủ số, ngày, tháng, năm của hợp đồng/đơn hàng trên tờ khai hải quan; trường hợp không thể khai hết trên tờ khai hải quan thì lập bản kê chi tiết kèm theo tờ khai hải quan theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012; về lượng hàng thì chỉ cần khai tổng lượng hàng của các hợp đồng/đơn hàng trên tờ khai hàng hóa nhập khẩu;

d) Hàng hóa nhập khẩuthuộc diện được giảm mức thuế suất so với quy định hoặc hưởng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt thì khi khai thuế suất người khai hải quan phải khai cả mức thuế suất trước khi giảm và tỷ lệ phần trăm giảm hoặc thuế suất ưu đãi đặc biệt theo quy định nào;

đ) Đối với hàng hóa nhập khẩu theo giấy phép, hoặc thuộc diện quản lý chuyên ngành hoặc được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt hoặc được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp thì khi khai hải quan người khai hải quan phải khai đầy đủ các thông tin liên quan đến các nội dung nêu trên theo đúng các tiêu chí và định dạng quy định tại mẫu Tờ khai hải quan điện tử thuộc Phụ lục I Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012.

2. Gửi tờ khai hải quan điện tử đến cơ quan Hải quan qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

3. Tiếp nhận thông tin phản hồi của cơ quan Hải quan và thực hiện theo một trong các trường hợp dưới đây:

a) Khi nhận "Thông báo từ chối tờ khai hải quan điện tử": người khai hải quan thực hiện việc sửa đổi, bổ sung thông tin tờ khai hải quan điện tử hoặc giải trình theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan;

b) Trường hợp tờ khai hải quan được cơ quan Hải quan yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để kiểm tra: người khai hải quan nộp, xuất trình 02 tờ khai hải quan điện tử in, 02 tờ khai trị giá (nếu hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá) cùng toàn bộ các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan theo yêu cầu và hàng hóa nhập khẩuđể Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử kiểm tra. Khi được quyết định "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", hoặc "Cho phép hàng hóa nhập khẩuchuyển cửa khẩu", người khai hải quan nhận 01 tờ khai hải quan điện tử in đã quyết định "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" hoặc "Cho phép hàng hóa nhập khẩuchuyển cửa khẩu", 01 phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy, 01 phiếu ghi kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa (trừ trường hợp hàng nhập khẩu xin chuyển cửa khẩu), 01 tờ khai trị giá (nếu có). Khi mang hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012.

4. Người khai hải quan được phép chậm nộp bản chính một số chứng từ trong hồ sơ hải quan trừ giấy phép nhập khẩu đối với hàng hóa phải có giấy phép nhập khẩutheo quy định của pháp luật và phải khai về việc chậm nộp trên tờ khai hải quan điện tử. Người khai hải quan phải nộp các chứng từ được phép chậm nộp trong thời hạn quy định của pháp luật. Trong trường hợp pháp luật không

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

quy định cụ thể thì thời hạn được phép chậm nộp là không quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan điện tử.

5. Thẩm quyền cho chậm nộp chứng từ: Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử quyết định cho phép chậm nộp chứng từ.

- Đối với cơ quan hải quan:

1. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan kiểm tra, tiếp nhận đăng ký tờ khai hải quan điện tử.

2. Trường hợp không chấp nhận, cơ quan hải quan gửi "Thông báo từ chối tờ khai hải quan điện tử" trong đó nêu rõ lý do.

3. Đối với tờ khai hải quan điện tử được chấp nhận, cơ quan hải quan cấp số tờ khai hải quan điện tử và thực hiện:

Công chức hải quan tiếp nhận, kiểm tra chứng từ cập nhật kết quả kiểm tra vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; in 02 phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy theo mẫu "Phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy", ký tên, đóng dấu công chức và yêu cầu người khai hải quan ký, ghi rõ họ tên; giao người khai hải quan 01 bản cùng 01 Tờ khai hải quan điện tử in; 01 bản lưu hồ sơ.

Công chức hải quan kiểm tra thực tế hàng hoá, cập nhật kết quả kiểm tra vào Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; in 02 phiếu ghi kết quả kiểm tra hàng hóa theo mẫu "Phiếu ghi kết quả kiểm tra hàng hóa", ký tên, đóng dấu công chức và yêu cầu người khai hải quan ký, ghi rõ họ tên; giao người khai hải quan 01 bản cùng 01 Tờ khai hải quan điện tử in; 01 bản lưu hồ sơ. Quyết định thông quan hàng hoá hoặc chuyển đến các khâu nghiệp vụ khác theo quy định.

B. Thủ tục tái xuất:

- Đối với người khai hải quan:

Khi khai hải quan điện tử, người khai hải quan thực hiện:

1. Tạo thông tin khai tờ khai hải quan điện tử (bao gồm cả tờ khai trị giá trong trường hợp hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá theo quy định hiện hành) trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo đúng các tiêu chí, định dạng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai.

a) Trường hợp người khai hải quan là đại lý làm thủ tục hải quan phải khai rõ nội dung uỷ quyền;

b) Hàng hóa nhập khẩutheo các loại hình khác nhau hoặc theo một loại hình nhưng có thời hạn nộp thuế khác nhau thì phải khai trên tờ khai hàng hóa nhập khẩukhác nhau theo từng loại hình tương ứng hoặc từng thời hạn nộp thuế tương ứng, ngoại trừ các trường hợp sau đây:

c) Khai hải quan đối với hàng hóa có nhiều hợp đồng/đơn hàng:

c1) Một mặt hàng có nhiều hợp đồng/đơn hàng, cùng điều kiện giao hàng, cùng bán cho một khách hàng và giao hàng một lần thì người khai hải quan được khai trên một tờ khai hoặc nhiều tờ khai hải quan;

c2) Khi khai hải quan, người khai hải quan phải khai đầy đủ số, ngày, tháng, năm của hợp đồng/đơn hàng trên tờ khai hải quan; trường hợp không thể khai hết

trên tờ khai hải quan thì lập bản kê chi tiết kèm theo tờ khai hải quan theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012; về lượng hàng thì chỉ cần khai tổng lượng hàng của các hợp đồng/đơn hàng trên tờ khai hàng hóa nhập khẩu;

d) Hàng hóa nhập khẩuthuộc diện được giảm mức thuế suất so với quy định hoặc hưởng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt thì khi khai thuế suất người khai hải quan phải khai cả mức thuế suất trước khi giảm và tỷ lệ phần trăm giảm hoặc thuế suất ưu đãi đặc biệt theo quy định nào;

đ) Đối với hàng hóa nhập khẩutheo giấy phép, hoặc thuộc diện quản lý chuyên ngành hoặc được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt hoặc được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp thì khi khai hải quan người khai hải quan phải khai đầy đủ các thông tin liên quan đến các nội dung nêu trên theo đúng các tiêu chí và định dạng quy định tại mẫu Tờ khai hải quan điện tử thuộc Phụ lục I Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012.

2. Gửi tờ khai hải quan điện tử đến cơ quan Hải quan qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

3. Tiếp nhận thông tin phản hồi của cơ quan Hải quan và thực hiện theo một trong các trường hợp dưới đây:

a) Khi nhận "Thông báo từ chối tờ khai hải quan điện tử": người khai hải quan thực hiện việc sửa đổi, bổ sung thông tin tờ khai hải quan điện tử hoặc giải trình theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan;

b) Khi nhận "Số tờ khai hải quan điện tử" và "Quyết định hình thức mức độ kiểm tra":

b1) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", người khai hải quan thực hiện:

b1.1) In Tờ khai hải quan điện tử đã được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo mẫu Tờ khai hải quan điện tử in (01 bản); ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan điện tử in;

b1.2) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in cùng hàng hóa tại khu vực giám sát hải quan có kết nối với Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp thủ tục (nếu có).

Trong thời hạn quy định của pháp luật về lưu giữ hồ sơ hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu, nếu người khai hải quan có nhu cầu xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên tờ khai hải quan điện tử in, người khai hải quan xuất trình tờ khai đã có xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử xác nhận.

Nếu có nhu cầu xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

quan", người khai hải quan xuất trình 01 tờ khai hải quan điện in tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để xác nhận sau đó xuất trình tờ khai hải quan điện tử in đã được xác nhận cùng hàng hóa tại khu vực giám sát để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp các thủ tục (nếu có).

b2) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" với điều kiện phải xuất trình, nộp giấy phép nhập khẩuhàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan", người khai hải quan thực hiện:

b2.1) In tờ khai hải quan điện tử đã được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo mẫu Tờ khai hải quan điện tử in (01 bản); ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan điện tử in;

b2.2) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in và xuất trình/nộp giấy phép nhập khẩuhàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản";

b2.3) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in cùng hàng hóa tại khu vực giám sát hải quan để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp thủ tục (nếu có).

b3) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa: người khai hải quan nộp, xuất trình 02 tờ khai hải quan điện tử in; 02 tờ khai trị giá (nếu hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá) cùng các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử kiểm tra theo yêu cầu và thực hiện:

b3.1) Khi được "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản": người khai hải quan nhận 01 tờ khai hải quan điện tử in đã xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", 01 tờ khai trị giá (nếu có) và 01 Phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy. Khi mang hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012;

b3.2) Khi được yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để cơ quan Hải quan kiểm tra: người khai hải quan thực hiện các công việc quy định tại trường hợp b4 sau đây.

b4) Trường hợp tờ khai hải quan được cơ quan Hải quan yêu cầu xuất trình,

nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để kiểm tra: người khai hải quan nộp, xuất trình 02 tờ khai hải quan điện tử in, 02 tờ khai trị giá (nếu hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá) cùng toàn bộ các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan theo yêu cầu và hàng hóa nhập khẩuđể Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử kiểm tra. Khi được quyết định "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", hoặc "Cho phép hàng hóa nhập khẩuchuyển cửa khẩu", người khai hải quan nhận 01 tờ khai hải quan điện tử in đã quyết định "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" hoặc "Cho phép hàng hóa nhập khẩuchuyển cửa khẩu", 01 phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy, 01 phiếu ghi kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa (trừ trường hợp hàng nhập khẩu xin chuyển cửa khẩu), 01 tờ khai trị giá (nếu có). Khi mang hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012.

4. Người khai hải quan được phép chậm nộp bản chính một số chứng từ trong hồ sơ hải quan trừ giấy phép nhập khẩuđối với hàng hóa phải có giấy phép nhập khẩutheo quy định của pháp luật và phải khai về việc chậm nộp trên tờ khai hải quan điện tử. Người khai hải quan phải nộp các chứng từ được phép chậm nộp trong thời hạn quy định của pháp luật. Trong trường hợp pháp luật không quy định cụ thể thì thời hạn được phép chậm nộp là không quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan điện tử.

5. Thẩm quyền cho chậm nộp chứng từ: Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử quyết định cho phép chậm nộp chứng từ.

- Đối với cơ quan hải quan:

1. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan kiểm tra, tiếp nhận đăng ký tờ khai hải quan điện tử.

2. Trường hợp không chấp nhận, cơ quan hải quan gửi "Thông báo từ chối tờ khai hải quan điện tử" trong đó nêu rõ lý do.

3. Đối với tờ khai hải quan điện tử được chấp nhận, cơ quan hải quan cấp số tờ khai hải quan điện tử và phân luồng theo một trong các hình thức sau:

3.1. Chấp nhận thông tin khai tờ khai hải quan điện tử cho phép "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hoá về bảo quản".

3.2. Nộp chứng từ điện tử thuộc hồ sơ hải quan điện tử để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hoá. Công chức hải quan tiếp nhận, kiểm tra chứng từ, cập nhật kết quả kiểm tra vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; Quyết định thông quan hàng hoá hoặc chuyển đến các khâu nghiệp vụ khác theo quy định.

3.3. Xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hoá. Công chức hải quan tiếp nhận, kiểm tra chứng từ cập nhật kết quả kiểm tra vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; in 02 phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy theo mẫu "Phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy", ký tên, đóng dấu công chức và yêu cầu người khai hải quan ký, ghi rõ họ tên; giao người khai hải quan 01 bản cùng 01 Tờ khai hải quan điện tử in; 01 bản lưu hồ sơ. Quyết định thông quan hàng hoá hoặc chuyển đến các khâu nghiệp vụ khác theo quy định.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

3.4. Xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hoá để kiểm tra;

Công chức hải quan tiếp nhận, kiểm tra chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan thực hiện theo quy định tại trường hợp 3.3 nêu trên.

Công chức hải quan kiểm tra thực tế hàng hoá, cập nhật kết quả kiểm tra vào Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; in 02 phiếu ghi kết quả kiểm tra hàng hóa theo mẫu "Phiếu ghi kết quả kiểm tra hàng hóa", ký tên, đóng dấu công chức và yêu cầu người khai hải quan ký, ghi rõ họ tên; giao người khai hải quan 01 bản cùng 01 Tờ khai hải quan điện tử in; 01 bản lưu hồ sơ. Quyết định thông quan hàng hoá hoặc chuyển đến các khâu nghiệp vụ khác theo quy định.

Ngoài ra quy định thêm:

Nếu hàng tái chế không tái xuất được thì doanh nghiệp phải có văn bản gửi Chi cục Hải quan làm thủ tục tái nhập giải trình rõ lý do không tái xuất được, trên cơ sở đó đề xuất Chi cục Hải quan làm thủ tục tái nhập xem xét, chấp nhận các hình thức xử lý như sau:

a. Đối với sản phẩm tái chế là hàng gia công:

a.1. Làm thủ tục hải quan theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ để tiêu thụ nội địa, nếu đáp ứng đủ điều kiện như đối với nhập khẩutại chỗ sản phẩm gia công quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP; hoặc

a.2. Tiêu huỷ, nếu bên thuê gia công đề nghị được tiêu huỷ tại Việt Nam và Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương cho phép tiêu huỷ tại Việt Nam.

b. Đối với sản phẩm tái chế không phải là hàng gia công thì chuyển tiêu thụ nội địa như hàng tái nhập để tiêu thụ nội địa.

- Trường hợp hàng tái nhập là sản phẩm được sản xuất từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu; hàng hoá kinh doanh thuộc đối tượng được hoàn thuế nhập khẩu thì Hải quan làm thủ tục tái nhập phải thông báo cho Hải quan làm thủ tục hoàn thuế nhập khẩu biết (nếu 02 đơn vị Hải quan này là 02 Chi cục Hải quan khác nhau) về các trường hợp nêu tại điểm 1.2, 1.3 khoản 1 và điểm 5.3 khoản 5 Điều 48 Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 hoặc trường hợp quá thời hạn nêu tại khoản 3 Điều 48 Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 để xử lý thuế theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 7 Điều 112 Thông tư số 194/2010/TT-BTC.

- Cách thức thực hiện:

I. Thực hiện bằng phương thức truyền thống:

Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

II. Thực hiện bằng phương thức điện tử:

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hàng hóa được phân vào luồng vàng hoặc luồng đỏ: thực hiện theo phương thức thủ công.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

Thành phần hồ sơ tương ứng với từng lần làm thủ tục: nhập khẩu hàng trả lại và tái xuất hàng đã tái chế.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

A. Thủ tục nhập khẩu hàng trả lại:

1) Văn bản đề nghị tái nhập hàng hóa, nêu rõ hàng hóa thuộc tờ khai xuất khẩu nào, đã được cơ quan Hải quan xét hoàn thuế, không thu thuế và đã kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào với cơ quan thuế chưa? (ghi rõ số quyết định hoàn thuế, không thu thuế) đồng thời nêu rõ lý do tái nhập (để tái chế hoặc để tiêu thụ nội địa hoặc để tiêu hủy hoặc để tái xuất cho đối tác nước ngoài khác; hàng nhập khẩu để tái chế phải ghi rõ địa điểm tái chế, thời gian tái chế, cách thức tái chế, những hao hụt sau khi tái chế): nộp 01 bản chính;

2) Tờ khai hải quan điện tử nhập khẩu (trên tờ khai tạm nhập khẩu phải thể hiện thông tin về số, ngày tháng năm của tờ khai xuất khẩu trước đó), bản kê chi tiết hàng hóa, vận tải đơn: như đối với hàng hóa nhập khẩu theo hợp đồng mua bán;

3) Tờ khai hải quan xuất khẩu trước đây: nộp 01 bản chụp, xuất trình bản chính;

4) Văn bản của bên nước ngoài (bao gồm điện báo, telex, fax, thông điệp dữ liệu) thông báo hàng bị trả lại (nếu có): nộp 01 bản chụp.

B. Thủ tục tái xuất hàng hoá

1) Tờ khai hải quan điện tử xuất khẩu in (trên tờ khai phải thể hiện thông tin tham chiếu đến tờ khai tạm nhập khẩu trước đó): nộp 02 bản chính;

2) Tờ khai hải quan điện tử nhập khẩu in trước đây: nộp 01 bản chụp.

3) Nếu hàng tái chế không tái xuất được thì doanh nghiệp phải có văn bản gửi Chi cục Hải quan làm thủ tục tái nhập giải trình rõ lý do không tái xuất được.

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

- Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan: ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan đúng quy định của pháp luật (Khoản 1, Điều 19 Luật Hải quan)

- Thời hạn hoàn thành thành kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải (tính từ thời điểm người khai hải quan đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu về làm thủ tục hải quan theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Hải quan):

+ Chậm nhất là 08 giờ làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế một phần hàng hóa theo xác suất;

+ Chậm nhất là 02 ngày làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Trong trường hợp áp dụng hình thức kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa mà lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu có số lượng lớn, việc kiểm tra phức tạp thì thời hạn kiểm tra có thể được gia hạn nhưng không quá 08 giờ làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thông quan

- Phí, lệ phí: 20.000 đồng

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai hải quan (QĐ 1257/QĐ-TCHQ ngày 04/12/2001) hoặc Tờ khai hải quan điện tử (Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

+ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

+ Nghị định 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

+ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ;

+ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 172/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộ , quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Hải quan.

Phieu tiep nhan ban giao ho so hai quan.d

chỉ tiêu thong tin TQDT.doc

Mau so 2a, 3a. To khai hai quan.xls

To khai nhap hau.doc

Phieu yeu cau nghiep vu.doc

www.LuatVietnam.vn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Thủ tục hải quan đối với nguyên liệu, vật tư do bên nhận gia công tự cung ứng cho hợp đồng gia công (thủ công - điện tử) B-BTC-052449-TT

- Trình tự thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công

1. Đối với nguyên liệu, vật tư do bên nhận gia công tự sản xuất hoặc mua tại thị trường Việt Nam:

a) Phải được thoả thuận trong hợp đồng/phụ lục hợp đồng gia công về tên gọi, định mức, tỷ lệ hao hụt, lượng hàng, đơn giá, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán.

Không được cung ứng nguyên liệu, vật tư thuộc danh mục hàng hoá cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu;

b) Đối với nguyên liệu, vật tư tự cung ứng thuộc danh mục hàng hoá xuất khẩu có giấy phép: nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính giấy phép để đối chiếu.

c) Thủ tục hải quan:

Bên nhận gia công phải làm thủ tục hải quan đối với nguyên liệu, vật tư tự cung ứng từ nguồn do bên nhận gia công tự sản xuất hoặc mua tại thị trường Việt Nam (bao gồm cả nguyên liệu, vật tư có nguồn gốc nhập khẩu) có thuế xuất khẩu, có giấy phép. Khi làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm gia công, bên nhận gia công thực hiện khai, tính thuế xuất khẩu (nếu có) trên phụ lục Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (mẫu PLTK/2002-XK).

Cơ quan hải quan không thực hiện thanh khoản đối với nguồn nguyên liệu, vật tư tự cung ứng từ nguồn do bên nhận gia công tự sản xuất hoặc mua tại thị trường Việt Nam nhưng khi xuất khẩu sản phẩm gia công thương nhân thực hiện kê khai theo mẫu 02/NVLCƯ-GC/2011-Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 117/2011/TT-BTC và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các số liệu đã kê khai. Chính sách thuế thực hiện theo quy định tại Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ và Điều 113 Thông tư số 194/2010/TT-BTC.

2. Đối với nguyên liệu, vật tư do bên nhận gia công trực tiếp mua từ nước ngoài để cung ứng cho hợp đồng gia công:

a) Được thoả thuận trong hợp đồng/phụ lục hợp đồng gia công về tên gọi, định mức, tỷ lệ hao hụt, lượng hàng, đơn giá, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán.

b) Phải xin phép cơ quan có thẩm quyền nếu nguyên liệu, vật tư cung ứng thuộc danh mục hàng hoá nhập khẩu có giấy phép; không được cung ứng nguyên liệu, vật tư thuộc danh mục hàng hoá cấm nhập khẩu, cấm xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

c) Thủ tục hải quan, chính sách thuế, thủ tục hoàn thuế thực hiện như sau:

c1) Đối với nguyên liệu, vật tư tự cung ứng được nhập khẩu sau khi có thoả thuận trong hợp đồng/phụ lục hợp đồng gia công: đăng ký tờ khai nhập khẩu theo loại hình gia công; cách ghi trên tờ khai nhập khẩu như sau: Tờ khai số……../NK/GC-CƯ/……

Khi làm thủ tục nhập khẩu, bên nhận gia công nộp 01 bản sao hợp đồng mua bán hàng hóa; chính sách thuế thực hiện theo loại hình gia công.

c2) Đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu theo loại hình nhập sản xuất xuất khẩu trước khi ký kết hợp đồng gia công: Thương nhân được sử dụng để cung ứng cho hợp đồng gia công, chính sách thuế, thủ tục hoàn thuế thực hiện theo loại hình nhập nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu hướng dẫn tại Thông tư số 194/2010/TT-BTC nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

c2.1) Phù hợp với nguyên liệu, vật tư cung ứng thỏa thuận trong hợp đồng/phụ lục hợp đồng gia công về lượng hàng, quy cách, chủng loại.

c2.2) Thời gian nhập khẩu không quá 02 năm kể từ khi đăng ký tờ khai nhập khẩu đến khi đăng ký tờ khai xuất khẩu có sử dụng nguyên liệu, vật tư cung ứng.

d) Khi làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm gia công, bên nhận gia công khai theo mẫu 02/NVLCƯ-GC/2011-Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 117/2011/TT-BTC; mẫu này được lưu cùng tờ khai xuất khẩu.

3. Đối với trường hợp mua bán hàng hóa giữa nội địa và doanh nghiệp chế xuất để cung ứng: thủ tục hải quan thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 45 Thông tư số 194/2010/TT-BTC và điểm a, b, d, khoản 2 Điều 12 Thông tư 117/2011/TT-BTC.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử

Đối với nguyên liệu, vật tư do bên nhận gia công tự cung ứng cho hợp đồng gia công

1. Đối với trường hợp nguyên liệu, vật tư cung ứng do bên nhận gia công tự sản xuất hoặc mua tại thị trường Việt Nam:

a) Khi đưa nguyên liệu, vật tư vào cung ứng cho hợp đồng gia công người khai hải quan không phải làm thủ tục hải quan nhưng phải được hai bên thoả thuận về tên gọi, quy cách, số lượng trong hợp đồng/phụ lục hợp đồng gia công và khi làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm gia công, người khai hải quan phải khai nguyên vật liệu gia công tự cung ứng theo các tiêu chí thông tin quy định tại mẫu Nguyên vật liệu gia công tự cung ứng;

b) Đối với nguyên liệu, vật tư tự cung ứng từ nguồn do bên nhận gia công tự sản xuất hoặc mua tại thị trường Việt Nam có thuế xuất khẩu thì khi làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm gia công, người khai hải quan thực hiện khai, tính thuế xuất khẩu (nếu có) trên phụ lục tờ khai hải quan điển tử xuất khẩu.

2. Đối với nguyên liệu, vật tư do bên nhận gia công trực tiếp mua từ nước ngoài để cung ứng cho hợp đồng gia công: được nhập khẩu theo loại hình nhập gia công tự cung ứng. Thủ tục nhập khẩu thực hiện theo thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu theo hợp đồng mua bán quy định tại Chương II và Chương

III Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại, nhưng không thực hiện việc kê khai tính thuế.

- Cách thức thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hàng hóa được phân vào luồng vàng hoặc luồng đỏ: thực hiện theo phương thức thủ công.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ**

I. Thực hiện theo phương thức thủ công: Hợp đồng, phụ lục hợp đồng gia công

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

Tờ khai hải quan điện tử nhập khẩu (Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại)

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

- Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan: ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan đúng quy định của pháp luật (Khoản 1, Điều 19 Luật Hải quan)

- Thời hạn hoàn thành thành kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải (tính từ thời điểm người khai hải quan đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu về làm thủ tục hải quan theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Hải quan):

+ Chậm nhất là 08 giờ làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế một phần hàng hóa theo xác suất;

+ Chậm nhất là 02 ngày làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thực kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa.

Trong trường hợp áp dụng hình thức kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa mà lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu có số lượng lớn, việc kiểm tra phức tạp thì thời hạn kiểm tra có thể được gia hạn nhưng không quá 08 giờ làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi Cục Hải quan.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thông quan.

- Phí, lệ phí: Không có

- Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Mẫu tờ khai ban hành theo Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 (thực hiện theo phương thức điện tử).

- Yêu cầu, điều kiện thực thi thủ tục hành chính (nếu có): Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

+ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

+ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Thông tư số 117/2011/TT-BTC ngày 15/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hóa gia công với thương nhân nước ngoài.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Thủ tục hải quan đối với hàng hoá đã nhập khẩu nhưng phải xuất trả lại cho khách hàng nước ngoài, tái xuất sang nước thứ ba hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan (thủ công - điện tử) B-BTC-122347-TT

- Trình tự thực hiện:

I. Thực hiện bằng phương thức thủ công:

- Doanh nghiệp nhập khẩu khai báo trên tờ khai hải quan và nộp bộ hồ sơ theo quy định.

- Thủ tục hải quan thực hiện như đối với với lô hàng xuất khẩu theo hợp đồng thương mại. Hàng xuất trả phải kiểm tra thực tế hàng hoá. Công chức hải quan làm nhiệm vụ kiểm tra hàng hoá phải đối chiếu mẫu lưu hàng hoá lấy khi nhập khẩu (nếu có lấy mẫu); đối chiếu mô tả hàng hoá trên tờ khai nhập khẩu với thực tế hàng hoá tái xuất; ghi rõ số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hoá xuất khẩu và việc xác định sự phù hợp giữa hàng hoá thực xuất khẩu với hàng hoá trước đây đã nhập khẩu

II. Thực hiện bằng phương thức điện tử:

- Đối với người khai hải quan:

1. Tạo thông tin khai tờ khai hải quan điện tử (bao gồm cả tờ khai trị giá trong trường hợp hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá theo quy định hiện hành) trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo đúng các tiêu chí, định dạng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai.

a) Trường hợp người khai hải quan là đại lý làm thủ tục hải quan phải khai rõ nội dung uỷ quyền;

b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo các loại hình khác nhau hoặc theo một loại hình nhưng có thời hạn nộp thuế khác nhau thì phải khai trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khác nhau theo từng loại hình tương ứng hoặc từng thời hạn nộp thuế tương ứng, ngoại trừ các trường hợp sau đây:

c) Khai hải quan đối với hàng hóa có nhiều hợp đồng/đơn hàng:

c1) Một mặt hàng xuất khẩu có nhiều hợp đồng/đơn hàng, cùng điều kiện giao hàng, cùng bán cho một khách hàng và giao hàng một lần thì người khai hải quan được khai trên một tờ khai hoặc nhiều tờ khai hải quan;

c2) Khi khai hải quan, người khai hải quan phải khai đầy đủ số, ngày, tháng, năm của hợp đồng/đơn hàng trên tờ khai hải quan; trường hợp không thể khai hết trên tờ khai hải quan thì lập bản kê chi tiết kèm theo tờ khai hải quan theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư 196/2012/TT-BTC; về lượng hàng thì chỉ cần khai tổng lượng hàng của các hợp đồng/đơn hàng trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu;

d) Hàng hóa xuất khẩu thuộc diện được giảm mức thuế suất so với quy định hoặc hưởng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt thì khi khai thuế suất người khai hải quan phải khai cả mức thuế suất trước khi giảm và tỷ lệ phần trăm giảm hoặc

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

thuế suất ưu đãi đặc biệt theo quy định nào;

2. Gửi tờ khai hải quan điện tử đến cơ quan Hải quan qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

3. Tiếp nhận thông tin phản hồi của cơ quan Hải quan và thực hiện theo một trong các trường hợp dưới đây:

a) Khi nhận "Thông báo từ chối tờ khai hải quan điện tử": người khai hải quan thực hiện việc sửa đổi, bổ sung thông tin tờ khai hải quan điện tử hoặc giải trình theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan;

b) Khi nhận "Số tờ khai hải quan điện tử" và "Quyết định hình thức mức độ kiểm tra". Hàng xuất trả phải kiểm tra thực tế hàng hóa. Công chức hải quan làm nhiệm vụ kiểm tra hàng hóa phải đối chiếu mẫu lưu hàng hóa lấy khi nhập khẩu (nếu có lấy mẫu); đối chiếu mô tả hàng hóa trên tờ khai nhập khẩu với thực tế hàng hóa tái xuất; ghi rõ số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa xuất khẩu và việc xác định sự phù hợp giữa hàng hóa thực xuất khẩu với hàng hóa đã nhập khẩu trước đây. Người khai hải quan nộp, xuất trình 02 tờ khai hải quan điện tử in, 02 tờ khai trị giá (nếu hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá) cùng toàn bộ các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan theo yêu cầu và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử kiểm tra. Khi được quyết định "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Cho phép hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu", người khai hải quan nhận 01 tờ khai hải quan điện tử in đã quyết định "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Cho phép hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu", 01 phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy, 01 phiếu ghi kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa (trừ trường hợp hàng nhập khẩu xin chuyển cửa khẩu), 01 tờ khai trị giá (nếu có). Khi mang hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

- Đối với cơ quan hải quan:

Việc tiếp nhận, kiểm tra, cấp số đăng ký, phân luồng tờ khai hải quan điện tử của cơ quan Hải quan được tự động thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp không chấp nhận tờ khai hải quan điện tử, cơ quan Hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gửi "Thông báo từ chối tờ khai hải quan điện tử" trong đó nêu rõ lý do và hướng dẫn người khai hải quan thực hiện các công việc cần thiết để làm tiếp thủ tục hải quan.

Trường hợp chấp nhận tờ khai hải quan điện tử, thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, cơ quan Hải quan cấp số tờ khai hải quan điện tử yêu cầu:

Xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa (gọi tắt là "luồng đỏ"). Việc kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 13 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

- Cách thức thực hiện:

I. Thực hiện bằng phương thức thủ công:

Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

II. Thực hiện bằng phương thức điện tử:

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: thực hiện thủ công.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ**

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

- Văn bản giải trình của doanh nghiệp về việc xuất trả hàng;
- Tờ khai hàng hoá xuất khẩu: nộp 02 bản chính;
- Tờ khai hàng hoá nhập khẩu trước đây: nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính;
- Văn bản chấp nhận nhận lại hàng của chủ hàng nước ngoài (nếu hàng xuất trả lại cho chủ hàng bán lô hàng này): nộp 01 bản chính; Hợp đồng bán hàng cho nước thứ ba hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan (nếu hàng tái xuất sang nước thứ ba hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan): nộp 01 bản sao.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

- Văn bản giải trình của doanh nghiệp về việc xuất trả hàng;

- Tờ khai hải quan điện tử xuất khẩu in (trên tờ khai phải thể hiện thông tin về số, ngày tháng năm, số lượng tái xuất tương ứng của từng tờ khai nhập khẩu trước đây): nộp 02 bản chính;

- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu in trước đây: nộp 01 bản chụp, xuất trình bản chính;

- Văn bản chấp thuận nhận lại hàng (bao gồm điện báo, telex, fax, thông điệp dữ liệu) của chủ hàng nước ngoài (nếu hàng xuất trả lại cho chủ hàng bán lô hàng này): nộp 01 bản chính hoặc bản chụp; hợp đồng bán hàng cho nước thứ ba hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan (nếu hàng tái xuất sang nước thứ ba hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan): nộp 01 bản chụp.

*** Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)**

- Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan: ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan đúng quy định của pháp luật (Khoản 1, Điều 19 Luật Hải quan)

- Thời hạn hoàn thành thành kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải (tính từ thời điểm người khai hải quan đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu về làm thủ tục hải quan theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Hải quan):

+ Chậm nhất là 08 giờ làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế một phần hàng hóa theo xác suất;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

+ Chậm nhất là 02 ngày làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thực kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa.

Trong trường hợp áp dụng hình thức kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa mà lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu có số lượng lớn, việc kiểm tra phức tạp thì thời hạn kiểm tra có thể được gia hạn nhưng không quá 08 giờ làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tại Chi Cục Hải quan đã làm thủ tục nhập khẩu lô hàng đó

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Tại Chi Cục Hải quan đã làm thủ tục nhập khẩu lô hàng đó

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thông quan.

- Phí, lệ phí: 20.000 đồng

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+Tờ khai hải quan truyền thống (QĐ 1257/QĐ-TCHQ ngày 04/12/2001 v/v ban hành mẫu tờ khai hàng hóa XK, NK);

+Tờ khai hải quan điện tử (Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Xác nhận thông quan.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật

Hải quan;

+ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005

+ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

+ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

+ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Thông tư số 172/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Hải quan.

chi tieu thong tin TQDT.doc

so 2a, 3a. To khai hai quan.xls

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

PHỤ LỤC II. 21

Thủ tục giao nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp (thủ công- điện tử) B-BTC-050627-TT

- Trình tự thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công

1. Trách nhiệm của thương nhân:

a) Trên cơ sở văn bản chỉ định của các bên đặt gia công, thương nhân giao sản phẩm gia công chuyển tiếp (Bên giao) và thương nhân nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp (Bên nhận) tự tổ chức việc giao, nhận hàng theo quy định tại khoản 2 dưới đây.

b) Người đại diện theo pháp luật của thương nhân Bên giao, Bên nhận chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giao, nhận sản phẩm đúng khai báo trên tờ khai hàng gia công chuyển tiếp (dưới đây gọi tắt là tờ khai chuyển tiếp).

c) Người đại diện theo pháp luật của thương nhân Bên giao chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sản phẩm gia công chuyển tiếp được sản xuất từ nguyên liệu của hợp đồng gia công. Người đại diện theo pháp luật của thương nhân Bên nhận chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng sản phẩm gia công chuyển tiếp đúng mục đích gia công.

d) Nếu hợp đồng gia công có sản phẩm gia công chuyển tiếp (hợp đồng gia công giao) và hợp đồng gia công sử dụng sản phẩm gia công chuyển tiếp làm nguyên liệu gia công (hợp đồng gia công nhận) cùng một thương nhân nhận gia công, thì thương nhân thực hiện nhiệm vụ của cả Bên giao và Bên nhận.

2. Thủ tục hải quan:

a) Bên giao khai tờ khai hải quan và giao hàng cho Bên nhận:

a1) Bên giao kê khai đầy đủ các tiêu chí dành cho người giao hàng khai, ký tên, đóng dấu trên cả 4 tờ khai (mẫu HQ/2011-GCCT-Phụ lục I).

a2) Giao sản phẩm kèm 04 tờ khai hải quan và hóa đơn xuất khẩu hoặc hóa đơn GTGT cho Bên nhận; việc giao, nhận được thực hiện tại cơ sở gia công hoặc kho hàng của Bên nhận.

b) Sau khi nhận đủ sản phẩm, hóa đơn và 04 tờ khai hải quan đã kê khai, ký tên, đóng dấu của Bên giao, Bên nhận tiến hành các công việc sau:

b1) Khai đầy đủ các tiêu chí dành cho người nhận hàng, ký tên, đóng dấu trên cả 04 tờ khai.

b2) Đăng ký tờ khai hải quan với Hải quan bên nhận, hồ sơ đăng ký gồm:

b2.1) Tờ khai hải quan: nộp 04 bản chính;

b2.2) Văn bản chỉ định nhận hàng của bên đặt gia công: nộp 01 bản sao, xuất trình 01 bản chính;

b2.3) Hóa đơn xuất khẩu hoặc hóa đơn GTGT: nộp 01 bản sao và xuất trình 01 bản chính;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b2.4) Mẫu hàng hóa gia công chuyển tiếp.

b2.5) Xuất trình hàng hoá hoặc sổ sách chứng từ liên quan đến việc nhận hàng để kiểm tra khi có yêu cầu.

c) Nhiệm vụ của Hải quan bên nhận:

c1) Tiếp nhận hồ sơ hải quan và mẫu hàng gia công chuyển tiếp;

c2) Tiến hành đăng ký tờ khai; lập Phiếu lấy mẫu, niêm phong mẫu hàng theo qui định;

c3) Kiểm tra thực tế hàng hoá: chỉ kiểm tra thực tế hàng hoá khi có nghi vấn thương nhân giao nhận hàng không đúng như khai trên tờ khai gia công chuyển tiếp; trường hợp thương nhân đã đưa hàng vào sản xuất thì kiểm tra sổ sách chứng từ liên quan đến việc nhận hàng của thương nhân;

c4) Xác nhận đã làm thủ tục hải quan, ký tên đóng dấu lên cả 04 tờ khai;

c5) Lưu 01 tờ khai và bản sao các chứng từ; trả cho Bên nhận 03 tờ khai và bản chính các chứng từ; giao mẫu hàng đã niêm phong hải quan cho Bên nhận tự bảo quản để xuất trình cho Hải quan khi làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm gia công hoặc các trường hợp khác khi Hải quan yêu cầu.

d) Sau khi nhận lại 03 tờ khai hải quan đã có xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan từ Hải quan bên nhận, Bên nhận lưu 01 tờ khai; chuyển ngay 02 tờ khai còn lại cho Bên giao.

đ) Ngay sau khi nhận được 02 tờ khai hải quan (đã khai đầy đủ, có chữ ký, đóng dấu của Bên nhận và Hải quan bên nhận) do Bên nhận chuyển đến, Bên giao đăng ký tờ khai hải quan với Hải quan bên giao, hồ sơ đăng ký gồm:

đ1) Tờ khai hải quan nhận từ Bên nhận: nộp 02 bản chính;

đ2) Văn bản chỉ định giao hàng: nộp 01 bản sao, xuất trình 01 bản chính;

đ3) Hóa đơn xuất khẩu hoặc hóa đơn GTGT: nộp 01 bản sao, xuất trình 01 bản chính.

e) Nhiệm vụ của Hải quan bên giao:

e1) Tiếp nhận hồ sơ hải quan;

e2) Đăng ký tờ khai; xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan; ký tên, đóng dấu vào cả 02 tờ khai;

e3) Trả cho Bên giao 01 tờ khai và bản chính các chứng từ; lưu 01 tờ khai và bản sao các chứng từ.

Nếu hợp đồng gia công giao và hợp đồng gia công nhận đều do một Chi cục Hải quan quản lý thì Chi cục Hải quan này thực hiện nhiệm vụ của cả Hải quan bên giao và Hải quan bên nhận.

Thủ tục giao nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp trên đây được áp dụng cho cả trường hợp khác đối tác thuê gia công.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử

1) Trách nhiệm Bên giao:

a) Giao sản phẩm và bản chính hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất

khẩu (nếu có) cho Bên nhận;

b) Sau khi nhận được tờ khai hải quan điện tử nhận gia công chuyển tiếp đã hoàn thành thủ tục hải quan từ Bên nhận, Bên giao tạo thông tin liên quan đến việc giao hàng gia công chuyển tiếp theo các tiêu chí, định dạng chuẩn của tờ khai giao hàng gia công chuyển tiếp trên Hệ thống khai hải quan điện tử và thực hiện thủ tục hải quan điện tử tương tự như đối với sản phẩm gia công xuất khẩu.

2) Trách nhiệm Bên nhận:

a) Nhận sản phẩm và hồ sơ từ Bên giao;

b) Khai thông tin liên quan việc nhận hàng gia công chuyển tiếp theo các tiêu chí, khuôn dạng chuẩn của tờ khai nhập gia công chuyển tiếp trên Hệ thống khai hải quan điện tử và thực hiện thủ tục hải quan điện tử tương tự như đối với nguyên liệu nhập khẩu do bên thuê gia công cung cấp từ nước ngoài.

c) Sau khi làm xong thủ tục hải quan nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp, Bên nhận chuyển cho Bên giao 01 tờ khai hải quan điện tử nhận gia công chuyển tiếp đã hoàn thành thủ tục hải quan để làm căn cứ thực hiện thủ tục giao sản phẩm. (01 bản chụp trong trường hợp tờ khai có xác nhận thông quan của Hải quan Bên nhận hoặc bản chính có chữ ký, dấu của Bên nhận trong trường hợp tờ khai không có xác nhận thông quan của Hải quan bên nhận).

3) Trách nhiệm Hải quan bên nhận:

a) Thực hiện thủ tục hải quan như đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu do bên thuê gia công cung cấp từ nước ngoài;

b) Hải quan bên nhận chỉ kiểm tra thực tế hàng hóa khi có nghi vấn thương nhân giao nhận hàng không đúng như khai trên tờ khai gia công chuyển tiếp; trường hợp thương nhân đã đưa hàng vào sản xuất thì kiểm tra sổ sách chứng từ liên quan đến việc nhận hàng của thương nhân;

c) Lấy mẫu, niêm phong mẫu hàng theo quy định.

4) Trách nhiệm của Hải quan bên giao:

a) Thực hiện thủ tục hải quan điện tử như đối với sản phẩm gia công xuất khẩu;

b) Hải quan bên giao không thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa.

5. Thủ tục giao nhận nguyên phụ liệu, vật tư, máy móc thiết bị thuê mượn trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công sang hợp đồng gia công khác theo chỉ định của đối tác thuê gia công được thực hiện tương tự như thủ tục giao nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp quy định tại khoản 2 Điều 29 Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012, nhưng không yêu cầu doanh nghiệp xuất trình hóa đơn giá trị gia tăng.

- Cách thức thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hàng hóa được phân vào luồng vàng hoặc luồng đỏ: thực hiện theo phương thức thủ công.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

- Tờ khai hải quan gia công chuyển tiếp: nộp 04 bản chính;

- Văn bản chỉ định nhận hàng của bên đặt gia công: nộp 01 bản sao, xuất trình 01 bản chính;

- Hóa đơn xuất khẩu hoặc hóa đơn GTGT: nộp 01 bản sao và xuất trình 01 bản chính;

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

1.Bên giao

- Tờ khai hải quan điện tử giao gia công chuyển tiếp bản in, mẫu HQ/2012-TKĐTGGCCT: nộp 02 bản chính;

- Tờ khai hải quan điện tử nhận gia công chuyển tiếp bản in (nhận từ Bên nhận): nộp 01 bản chính;

- Văn bản chỉ định giao hàng: nộp 01 bản chụp, xuất trình 01 bản chính;

- Phiếu xuất kho: nộp 01 bản chụp, xuất trình 01 bản chính.

2. Bên nhận:

- Tờ khai hải quan điện tử nhận gia công chuyển tiếp bản in mẫu HQ/2012-TKĐTNGCCT: nộp 02 bản chính;

- Hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu: nộp 01 bản chụp và xuất trình 01 bản chính;

- Xuất trình mẫu sản phẩm gia công chuyển tiếp;

- Xuất trình hàng hóa hoặc sổ sách, chứng từ liên quan đến việc nhận hàng.

- Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan: ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan đúng quy định của pháp luật (Khoản 1, Điều 19 Luật Hải quan)

- Thời hạn hoàn thành thành kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải (tính từ thời điểm người khai hải quan đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu về làm thủ tục hải quan theo quy đinh tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Hải quan):

+ Chậm nhất là 08 giờ làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế một phần hàng hóa theo xác suất;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

+ Chậm nhất là 02 ngày làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thực kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa.

Trong trường hợp áp dụng hình thức kiểm tra thực tế tòan bộ hàng hóa mà lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu có số lượng lớn, việc kiểm tra phức tạp thì thời hạn kiểm tra có thể được gia hạn nhưng không quá 08 giờ làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hải quan.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thông quan.

- Phí, lệ phí: 20.000 đồng

- Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

+ Tờ khai hải quan gia công chuyển tiếp HQ/2011-GCCT

+ Mẫu tờ khai gia công chuyển tiếp (Phụ lục Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012)

- Yêu cầu, điều kiện thực thi thủ tục hành chính (nếu có): Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

+ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

+ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Thông tư số 117/2011/TT-BTC ngày 15/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hóa gia công với thương nhân nước ngoài.

+ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 172/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Hải quan.

HQ-2011-GCCT.doc

chi tieu thong tin TQDT.doc

Mau so 8a, 9a. To khai Gia cong chuyen

www.LuatVietnam.vn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

PHỤ LỤC II. 22

Thủ tục xuất trả nguyên liệu, vật tư ra nước ngoài trong thời gian thực hiện hợp đồng gia công (thủ công-điện tử) B-BTC-050735-TT

- Trình tự thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

- Đối với người khai hải quan:

Khai và nộp hồ sơ hải quan

- Đối với cơ quan hải quan:

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ;

Bước 2: Khi làm thủ tục hải quan, công chức hải quan kiểm tra thực tế lô hàng, đối chiếu nguyên liệu xuất trả nước ngoài với mẫu lưu nguyên liệu được lấy khi nhập khẩu (trường hợp có lấy mẫu); đối chiếu chủng loại, ký, mã hiệu của máy móc, thiết bị ghi trên tờ khai tạm nhập với máy móc, thiết bị xuất trả.

Bước 3: Đóng dấu "Đã làm thủ tục hải quan"; trả tờ khai cho người khai hải quan:

Bước 4: Phúc tập hồ sơ

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

- Đối với người khai hải quan:

1. Tạo thông tin khai tờ khai hải quan điện tử (bao gồm cả tờ khai trị giá trong trường hợp hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá theo quy định hiện hành) trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo đúng các tiêu chí, định dạng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai.

a) Trường hợp người khai hải quan là đại lý làm thủ tục hải quan phải khai rõ nội dung uỷ quyền;

b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo các loại hình khác nhau hoặc theo một loại hình nhưng có thời hạn nộp thuế khác nhau thì phải khai trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khác nhau theo từng loại hình tương ứng hoặc từng thời hạn nộp thuế tương ứng, ngoại trừ các trường hợp sau đây:

c) Khai hải quan đối với hàng hóa có nhiều hợp đồng/đơn hàng:

c1) Một mặt hàng xuất khẩu có nhiều hợp đồng/đơn hàng, cùng điều kiện giao hàng, cùng bán cho một khách hàng và giao hàng một lần thì người khai hải quan được khai trên một tờ khai hoặc nhiều tờ khai hải quan;

c2) Khi khai hải quan, người khai hải quan phải khai đầy đủ số, ngày, tháng, năm của hợp đồng/đơn hàng trên tờ khai hải quan; trường hợp không thể khai hết trên tờ khai hải quan thì lập bản kê chi tiết kèm theo tờ khai hải quan theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư 196/2012/TT-BTC; về lượng hàng thì chỉ cần khai tổng lượng hàng của các hợp đồng/đơn hàng trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

d) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện được giảm mức thuế suất so với quy định hoặc hưởng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt thì khi khai thuế suất người khai hải quan phải khai cả mức thuế suất trước khi giảm và tỷ lệ phần trăm giảm hoặc thuế suất ưu đãi đặc biệt theo quy định nào;

đ) Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, hoặc thuộc diện quản lý chuyên ngành hoặc được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt hoặc được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp thì khi khai hải quan người khai hải quan phải khai đầy đủ các thông tin liên quan đến các nội dung nêu trên theo đúng các tiêu chí và định dạng quy định tại mẫu Tờ khai hải quan điện tử thuộc Phụ lục I Thông tư 196/2012/TT-BTC.

2. Gửi tờ khai hải quan điện tử đến cơ quan Hải quan qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

3. Tiếp nhận thông tin phản hồi của cơ quan Hải quan và thực hiện theo một trong các trường hợp dưới đây:

a) Khi nhận "Thông báo từ chối tờ khai hải quan điện tử": người khai hải quan thực hiện việc sửa đổi, bổ sung thông tin tờ khai hải quan điện tử hoặc giải trình theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan;

b) Khi nhận "Số tờ khai hải quan điện tử" và "Quyết định hình thức mức độ kiểm tra":

b1) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", người khai hải quan thực hiện:

b1.1) In Tờ khai hải quan điện tử đã được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo mẫu Tờ khai hải quan điện tử in (01 bản); ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan điện tử in;

b1.2) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b1.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC cùng hàng hóa tại khu vực giám sát hải quan có kết nối với Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp thủ tục (nếu có).

Trong thời hạn quy định của pháp luật về lưu giữ hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, nếu người khai hải quan có nhu cầu xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên tờ khai hải quan điện tử in, người khai hải quan xuất trình tờ khai đã có xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử xác nhận.

Nếu có nhu cầu xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan", người khai hải quan xuất trình 01 tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b1.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để xác nhận sau đó xuất trình tờ khai hải quan điện tử in đã

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

được xác nhận cùng hàng hóa tại khu vực giám sát để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp các thủ tục (nếu có).

b2) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" với điều kiện phải xuất trình, nộp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan", người khai hải quan thực hiện:

b2.1) In tờ khai hải quan điện tử đã được cơ quan Hải quan chấp nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo mẫu Tờ khai hải quan điện tử in (01 bản); ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan điện tử in;

b2.2) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b2.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC và xuất trình/nộp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản";

b2.3) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu điểm b2.2 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC cùng hàng hóa tại khu vực giám sát hải quan để xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" và làm tiếp thủ tục (nếu có).

b3) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa: người khai hải quan nộp, xuất trình 02 tờ khai hải quan điện tử in; 02 tờ khai trị giá (nếu hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá) cùng các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử kiểm tra theo yêu cầu và thực hiện:

b3.1) Khi được "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản": người khai hải quan nhận 01 tờ khai hải quan điện tử in đã xác nhận "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", 01 tờ khai trị giá (nếu có) và 01 Phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy. Khi mang hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư 196/2012/TT-BTC;

b3.2) Khi được yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để cơ quan Hải quan kiểm tra: người khai hải quan thực hiện các công việc quy định tại điểm b4 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

b4) Trường hợp tờ khai hải quan được cơ quan Hải quan yêu cầu xuất trình,

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để kiểm tra: người khai hải quan nộp, xuất trình 02 tờ khai hải quan điện tử in, 02 tờ khai trị giá (nếu hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá) cùng toàn bộ các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan theo yêu cầu và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử kiểm tra. Khi được quyết định "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản", hoặc "Cho phép hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu", người khai hải quan nhận 01 tờ khai hải quan điện tử in đã quyết định "Thông quan" hoặc "Giải phóng hàng" hoặc "Đưa hàng hóa về bảo quản" hoặc "Cho phép hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu", 01 phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy, 01 phiếu ghi kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa (trừ trường hợp hàng nhập khẩu xin chuyển cửa khẩu), 01 tờ khai trị giá (nếu có). Khi mang hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

4. Người khai hải quan được phép chậm nộp bản chính một số chứng từ trong hồ sơ hải quan trừ giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu đối với hàng hóa phải có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật và phải khai về việc chậm nộp trên tờ khai hải quan điện tử. Người khai hải quan phải nộp các chứng từ được phép chậm nộp trong thời hạn quy định của pháp luật. Trong trường hợp pháp luật không quy định cụ thể thì thời hạn được phép chậm nộp là không quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan điện tử.

- Đối với cơ quan hải quan:

Việc tiếp nhận, kiểm tra, cấp số đăng ký, phân luồng tờ khai hải quan điện tử của cơ quan Hải quan được tự động thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp không chấp nhận tờ khai hải quan điện tử, cơ quan Hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gửi "Thông báo từ chối tờ khai hải quan điện tử" trong đó nêu rõ lý do và hướng dẫn người khai hải quan thực hiện các công việc cần thiết để làm tiếp thủ tục hải quan.

Trường hợp chấp nhận tờ khai hải quan điện tử, thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, cơ quan Hải quan cấp số tờ khai hải quan điện tử và phân luồng theo một trong các hình thức sau:

a) Chấp nhận thông tin khai tờ khai hải quan điện tử, cho phép "Thông quan" hay "Giải phóng hàng" hay "Đưa hàng hóa về bảo quản" (gọi tắt là "luồng xanh"); hoặc chấp nhận thông tin khai tờ khai hải quan điện tử, cho phép "Thông quan" hay "Giải phóng hàng" hay "Đưa hàng hóa về bảo quản" với điều kiện phải xuất trình, nộp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi xác nhận "Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan" (gọi tắt là "luồng xanh có điều kiện");

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa (gọi tắt là "luồng vàng"). Việc kiểm tra chứng từ giấy thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 13 Thông tư 196/2012/TT-BTC;

c) Xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa (gọi tắt là "luồng đỏ"). Việc kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 13 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

Công chức hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa phải đối chiếu nguyên liệu xuất trả với mẫu lưu nguyên liệu lấy khi nhập khẩu; đối chiếu chủng loại, ký mã hiệu của máy móc thiết bị ghi trên tờ khai tạm nhập hoặc tờ khai chuyển tiếp gần nhất với máy móc thiết bị tái xuất.

- Cách thức thực hiện:

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp phân luồng vàng hoặc luồng đỏ: thực hiện thủ công.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

I. Thực hiện theo phương thức thủ công:

- Tờ khai hàng hoá xuất khẩu: nộp 02 bản chính;

- Văn bản giải trình của thương nhân (nêu rõ lý do tái xuất; số, ngày, tháng, năm của tờ khai nhập khẩu và của hợp đồng gia công có hàng trả lại): nộp 01 bản chính kèm bản sao tờ khai nhập khẩu tương ứng;

- Văn bản đề nghị trả lại hàng của bên đặt gia công: nộp 01 bản chính.

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

- Tờ khai hải quan điện tử ở dạng điện tử. Trong trường hợp phải xuất trình, nộp bản giấy theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền, tờ khai hải quan điện tử được in ra giấy theo mẫu Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; mẫu Phụ lục tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, mẫu Tờ khai sửa đổi bổ sung, mẫu Bản kê tại Phụ lục III kèm theo Thông tư 196/2012/TT-BTC (sau đây gọi chung là tờ khai hải quan điện tử in).

Trường hợp một tờ khai hải quan điện tử in có 01 (một) phụ lục, người khai hải quan ký tên, đóng dấu trực tiếp lên bản phụ lục. Trường hợp một tờ khai hải quan điện tử in có nhiều hơn 01 (một) phụ lục thì người khai hải quan ký tên, đóng

dấu vào tờ phụ lục cuối cùng và toàn bộ các tờ phụ lục phải đóng dấu giáp lai.

- Các chứng từ khác thuộc hồ sơ hải quan điện tử được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 87/2012/NĐ-CP.

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

- Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan: ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan đúng quy định của pháp luật (Khoản 1, Điều 19 Luật Hải quan)

- Thời hạn hoàn thành thành kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải (tính từ thời điểm người khai hải quan đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu về làm thủ tục hải quan theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Hải quan):

+ Chậm nhất là 08 giờ làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế một phần hàng hóa theo xác suất;

+ Chậm nhất là 02 ngày làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa.

Trong trường hợp áp dụng hình thức kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa mà lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu có số lượng lớn, việc kiểm tra phức tạp thì thời hạn kiểm tra có thể được gia hạn nhưng không quá 08 giờ làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

II. Thực hiện theo phương thức thủ công:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hải quan.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

II. Thực hiện theo phương thức điện tử:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Hải quan

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, đăng ký và phân luồng tờ khai: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh thành phố;

Kiểm tra hồ sơ giấy, kiểm tra thực tế hàng hóa: Chi cục Hải quan

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thông quan

- Phí, lệ phí: 20.000 đồng

- Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

+ Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại)

+ Chỉ tiêu thông tin khai (Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại)

- Yêu cầu, điều kiện thực thi thủ tục hành chính (nếu có): Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

+ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

+ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Thông tư số 117/2011/TT-BTC ngày 15/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hóa gia công với thương nhân nước ngoài.

+ Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

+ Thông tư số 172/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Hải quan.

To khai xuat khau.doc

chi tieu thong tin TQDT.doc

Mau so 2a, 3a. To khai hai quan.xls

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn